

NAM PHONG

VĂN-HỌC KHOA-HỌC TẬP-CHÍ

« Ce journal est mis au jour par
« le N° 51 qui sont des écrivains
« qui sont égaux. »

Housayev.

Chủ-bút kiêm quản-lý
Directeur Rédacteur en chef

PHẠM QUỲNH

Mỗi tháng xuất-bản một kỳ

YÊU-MỤC

	Số trang
1. — Kôm-ô địa-bách của Anselm	179
2. — Máy lá trong các tác-tác học như như	189
3. — Trình-báo cách-quân II	200
4. — Thế-giới tiền-bộ sự I	215
5. — Sự-hoa như-phần IV	224
6. — Tập-tru. — Tác-nghiệp bài có Khuyển-hiến. — Viễn-cư Nguyễn-Bá-Học	229
7. — Đoàn-tiền-như-thực? Giết-tê-bô-nô-lô. — Người-dân-ba-thiên	243
8. — Âm-tục-tam-nghĩa. — V	249
9. — Văn-sung	261
10. — Luật-dân	267
11. — Tập-Kỷ-nghệ của một Kanari-Tiên-đứ	275

Kỳ này có hai cái ảnh quan Phó Toàn-quyền và láng đức Cao-hoàng, Gia-long & Huế

Giá mỗi số : 0\$ 40



IN TẠI

HÔNG-KINH-ẤN-QUAN (Imprimerie Tonkinoise)
14-16, Rue du Colon, Hanoi

1921

C
44

NAM-PHONG-TẠP-CHÍ

Người sáng-lập

FONDATEURS

PHAM QUYNH
Hàn-lâm-biên-trước-lúc

LOUIS MARTY
Trưởng tòa Chánh-trị phủ
Toàn-quyền

NGUYỄN BA-TRẠC
Cử-nhân
Hàng-lò tự-khánh

SỞ PHÁT-HÀNH Imprimerie Tonkinoise, 14-16 Rue du Coton, Hanoi.

Ái mua báo, trả tiền báo, hoặc thư tư gì về việc gửi báo bán báo, đăng cáo-bách, v.v., xin viết cho ông Lê Văn-Phúc, chủ nhà in Đông-kinh Imprimerie Tonkinoise, 14-16 Phố hàng Bông Rue du Coton; gửi mandat trả tiền cũng xin để tên ông Lê Văn-Phúc làm nhà.

Bắt đầu từ 1^{er} Novembre 1919, tòa soạn báo dời ra số 124 phố hàng Bông (124 Rue du Coton)

Còn gửi bài vào báo hoặc thư tư gì về các việc khác xin viết cho ông Phạm Quỳnh, chủ bút kiêm quản-lý, 124 Rue du Coton (Phố Hàng Bông Hanoi).

Chủ-bút kiêm quản-lý
Directeur Rédacteur en Chef

PHAM QUYNH

Ấn-nhan của báo-quan

Đức KINH-ĐINH Hoàng-đế

Quan Khâm-sứ Kinh

Quan Công-sứ Vĩnh-long

Quan Toàn-quyền SARRALT

Quan Công-sứ Thanh-hoa

Quan Cố An-khai NGUYỄN PHONG.

(Các ngài ấn-nhan của báo-quan là phông ngài mua 5 phần báo một lúc giúp cho báo-quan từ 100 đồng trở lên. Các ngài được quyền lợi nhận báo miễn mất. Nếu nay ngài nào gởi báo như vậy cũng sẽ lần-lượt gặt lợi báo bia này.)

Mục-dịch báo Nam-phong

Mục-dịch báo Nam-phong là thể cải-chủ nghĩa khai-hóa của Nhà-nước, biểu-tập những bài bằng quốc-văn, hàn-văn, pháp-văn, để giúp sự mở-mang tri-thức, giữ-giữ đạo-đức trong quốc-dân An-nam, truyền-bá các khôn-học của Thái-tây, nhất là học-thuật tư-tướng Đại-Pháp bảo-tồn cái quốc-tủy của nước Việt-Nam ta, cũng bênh-vệ quyền-lợi người Pháp người Nam trong trường kinh-lễ.

Báo Nam-phong lại chủ-ý riêng về sự tập-huyện vào quốc-ngữ cho thành một văn quốc-văn An-nam.

Các ngài có bụng yêu bài-báo, muốn làm-thành cái mục-dịch trên kia, ra công giúp cho hoặc giúp về đường lý-lại, hoặc giúp về đường ngôn-ngữ, bản-báo xin cảm-ơn.

Báo Nam-phong nhận cả các bài nghị-luận, văn chương, khảo-cứu, bằng quốc-văn, hàn-văn, và pháp-văn. Bài nào tòa soạn xét nên đăng thì đăng, không đăng không có lệ trả lại bản-thảo.

Giá bán

Một năm 4 \$ 00 Nửa năm 2 \$ 00 Mỗi số 0 \$ 40

1^o Xin các ngài mua báo đồng-niên nhận được vài ba số thư gửi tiền về trả cho. Gửi mandat xin để tên ông Lê Văn-Phúc làm nhà.

2^o Ngài nào mua từ số 43-44, xin kịp gửi tiền trả, kẻo chúng tôi phải phiền nhà giấy theo dõi thời phí tổn các ngài chịu.

3^o Ngài nào khỏi mua báo xin viết thư cho nhà Đông-kinh ấn-quan biết để thời không gửi nữa.

4^o Giá báo mỗi-luật là 4 \$ 00 một năm, 2 \$ 00 nửa năm. - không có giá 0 \$ 30 nữa.

Le Directeur-Gérant : PHAM QUYNH.

NAM PHONG

VĂN-HỌC KHOA-HỌC TẬP-CHÍ

KHẢO VỀ ĐIỂN-KỊCH

(Lời diễn-kịch của Âu-châu)

Mấy số trước bản-chí đã có bài khảo về tiểu-thuyết và diễn-thuyết⁽¹⁾, trong các bạn đọc báo nhiều ông cũng cho là khảo-cứu kỹ-lưỡng, đọc có ích-lợi. Nay lại xin làm một bài khảo về diễn-kịch, vì diễn-kịch cũng như là tiểu-thuyết, diễn-thuyết, là những lời văn-chương mới ngày nay nhiều người ưa, nhưng ít người hiểu phép tác ra thế nào. Từ ngày hội « Khai-ti-tiến-dân » khai-diễn bài *Bệnh-tương* là một bài hí-kịch trong cô-bản nước Pháp, quốc-dân đã thấy khuấy-bưng về lối kịch mới, người xem kịch đã nhiều, và người soạn kịch cũng có. Sự nhiệt-thành ấy là hay, nhưng mà lệ thường ở nước ta, những người bất-chước có ý-thức thời ít, những kẻ bất-chước dễ a-dua thời nhiều ; cho nên thấy nhiều người cổ-võ về tân-kịch, vì tất dù chứng-rằng nhiều người đã hiểu hết tinh-thần của kịch mới vậy.

Diễn-kịch là gì ? Diễn-kịch tiếng Pháp là *drame* (*genre dramatique*), do chữ Hi-lạp mà ra, nghĩa đen là « hoạt-dộng ». Diễn-kịch là một lối văn-chương bày-diễn ra một việc gì hoặc có thực, hoặc đặt ra, bằng những vai người-hành-dộng và nói-năng hiên-nhiên như thực. Diễn-kịch có ba lối chính : một là hí-kịch (*tragedie*), hai là hí-kịch (*comédie*), ba là nhạc-kịch (*opéra*).

Nói diễn-kịch là « bày diễn » ; vì trong diễn-kịch toàn là thực-hành,

hoạt-dộng cả, không phải là kê-thuật như trong lối tiểu-thuyết, lối sử-ký. Trong một bài kịch, người soạn kịch không có lộ ra, chỉ có các vai nói-năng hành-dộng trước mặt ta.

Lại nói diễn-kịch là việc có thực hay việc đặt ra, vì trong diễn-kịch không tất-nhiên phải là việc đã có xảy ra thực, miễn là việc có thể xảy ra được. Song, cứ trong cổ-kịch của Âu-châu, thời thường là những việc cũ trong lịch-sử, hoặc những truyện truyền-ký cổ-tích, sửa-sang xếp-dặt lại cho thành bài kịch : tưởng tạ tưởng tàu cũng thế, không mấy khi là truyện bịa đặt ra hẳn, thường là những tích cũ trong sử. Có khi là mượn hẳn tích cũ mà tô-dềm thêm vào ; có khi là phỏng ở truyện cũ mà đặt ra việc mới ; gần về đời nay thời phần nhiều là người với việc bịa đặt ra hết.

Lại nói rằng những vai trong kịch phải hành-dộng nói-năng hiên-nhiên như thực ; đó là điều quan-trọng lắm, vì là phần cốt-yếu trong diễn-kịch ; diễn-kịch cốt là phải mô-phỏng cho hết như sự thực ở đời. Người ta xem diễn-kịch sở-đĩ lấy làm hứng làm thú là thấy các việc bày ra hiên-nhiên như thực ; như vậy thời việc phải cho hợp với lệ thường ở đời. Ông BOILEAU là người làm luật cho các lối văn-chương của nước Pháp về thế-kỷ thứ 17, đã nói

(1) Xem *Nam-Phong* số 43 (Bản về tiểu-thuyết), trang 1-15 ; số 45 (Bản về diễn-thuyết), trang 169-182.

rằng: « Truyện kỳ-khôi thế nào mà vô-lý cũng không làm cho tôi có hứng-thú được » (*Une merveille absurde est pour moi sans appas*).

Người soạn kịch muốn giữ cho những việc mình bịa-đặt ra có cái vẻ thực, khiến người ta tin được, thời bao giờ cũng phải tự hỏi: việc này có thể xảy ra sự thực được không, việc kia có hợp với lẽ thường không; nếu là tích lũy trong sử, không khỏi có chỗ hoang-đường, vì không thể lấy thuật tài - khéo làm được cho những việc hoang - đường ấy phẳng-phát như có cái vẻ thực, để người xem cũng mơ-màng tưởng là thực, thời nên bỏ đi còn hơn. Song cũng lại phải nhớ rằng có khi có việc thực mà nó hơi ra ngoài lẽ thường, khiến người ta ngỡ là không thực; nhà soạn kịch giỏi phải biết khéo xếp đặt thế nào cho rõ là việc phi-thường mà vẫn ở trong sự-thực.

Nghề diễn-kịch ở Âu-châu, phát-nguyên tự Hi-lạp. Nguyên ở Hi-lạp vẫn có một ngày hội tế ông Thần Rượu (*Bacchus*), trong khi tế có đọc một bài chân-văn tán-tụng công-đức ông. Có một người tên là *EPICŒNES* ở đất Si-yone mới nghĩ ra đương khi đọc chân-văn đem bày hình ông thần ra và diễn về sự-tích ông. Một người nữa về sau tên là *TUESPIS*, người Hi-lạp đời sau tồn là thành-sư nghệ-tuồng, mới lợi-dụng sự cái-cách ấy, bôi nhọ mặt làm hề, rồi đi múa-máy khắp cả phố-phường. Đến ông *ESCHYLE*, là một người trong ba người soạn kịch có tiếng ở Hi-lạp đời xưa (hai ông kia là *SOPHOCLE* và *EURIPIDE*), lại đặt thêm một vai nữa, thành ra trong tuồng trước chỉ có một người nói một mình, bấy giờ hóa hai người đối-thoại nhau, và chế ra cái mặt nạ, cái áo dài, thứ giày ủng; lại sửa lời cho trang-nghiêm hơn trước, bỏ bớt khúc ca-văn, để vào một người hát gọi

là « ca-viên » (*le chœur*), vai ca-viên này rút đi nhiều và không thành một vai chính trong tuồng như xưa nữa. — Thế là lối hi-kịch (tức là lối tuồng) của Hi-lạp đời xưa là duyên-do tự những bài chân-văn ông thần Rượu vậy.

Lại trong khi rước ông thần Rượu đi quanh các làng các xóm, nhân-dân theo sau đông lắm, có kẻ làm hề vira đi vira phá trò cho thiên-hạ buồn cười. Những câu phá trò ấy là khởi-diềm lối hi-kịch đó (tức là lối chèo).

Xem thế thời ra nghề diễn-kịch từ lúc mới đầu đã chia ra hai lối khác nhau: một lối hi-kịch, tức như bên ta gọi là lối tuồng, và một lối hi-kịch, tức ta gọi là lối chèo vậy.

Sau này sẽ nói riêng về hai lối ấy; đây hẵng xét chung về mục-dịch diễn-kịch là thế nào. Mục-dịch diễn-kịch là bày ra một cái đại-công-đức, đại-sự-nghiệp gì để cho người ta cảm động mà muốn theo (như trong tuồng), hay là vẽ ra những thói hư tính xấu của người đời để cho người ta buồn cười mà muốn chừa (như trong chèo), cốt là khiến cho người ta sinh ra cái lòng mến điều thiện và ghét sự ác. Mục-dịch ấy, tuy về sau này cũng có nhiều nhà soạn kịch làm sai đi, những nguyên là có quan-hệ với luân-lý, với đạo-đức lắm.

Nay xét đến cách soạn kịch, đại-khái cũng giống như cách soạn tiểu-thuyết, có ba phần cốt - yếu: một là sáng-y hay là lập-y (*invention*), hai là bố-cục (*disposition*), ba là lập - từ (*élocution*).

1. — Nói về lập-y. — Lập-y tức là đặt truyện, nghĩa là nghĩ ra người ra việc. Những người những việc trong bản kịch, cũng phải bày phải vẽ ra cho bết cho khéo như trong tiểu-thuyết, mà lại phải linh-hoạt hơn, vì tiểu-thuyết là tự-sự, diễn-kịch là hoạt-động.

Trong một bài kịch bao giờ cũng phải có một vai chính, các vai khác là

phụ vào cho nổi vai chính lên ; cái tình-cách người đứng vai chính phải vẽ ra cho rõ-rệt, và cả bài kịch chỉ là phát-siển cái tình-cách ấy ra mà thôi. Không nên đặt những vai vô-tích hay là trùng-diệp. Các vai phải mỗi vai một tình-cách và thường tình cách lại phản-đối nhau, như vai trung lại có vai địch, vai thật-thà lại có vai quỷ-quái, tình-ý việc làm trái nhau, đến khi ra đối-đáp mới mạnh mẽ và có thú-vị.

Những bản kịch về truyện cổ thường khi có những tích hoang-đường kỳ-dị, nên bỏ bớt đi, vì khó lòng diễn cho hết như sự thực được. Nhưng nếu có người bày cảnh khéo thời cũng có thể diễn được ; như thế trong nghệ diễn-kịch gọi là « dùng máy » (*machine dramatique*). « Dùng máy » là vừa nhà soạn kịch, vừa người bày cảnh, phải hiệp-lực nhau mà kết-cấu thế nào cho người xem có cái cảm-giác như là sự-thực.

Vả lại nhiều khi những việc hoang-đường cũng không cần phải diễn ra sân khấu. Nhà soạn kịch có thể cho là chuyện xảy ra ở ngoài, rồi để cho một vai thuật lại, theo như ông BOILEAU đã dạy, nói rằng : « Những việc không thể diễn ra cho mắt trông thấy, nên thuật lại cho người ta nghe cũng được. » Như những chuyện thần giáng, chuyện báo mộng, v. v.

Trong lối cổ-kịch Âu-châu, trọng-yếu nhất là phép « tam duy-nhất » (*règle des trois unités*) : thứ nhất là « hành-dộng duy-nhất » (*unité d'action*), thứ nhì là « trường-sở duy-nhất » (*unité de lieu*), thứ ba là « thời-gian duy-nhất » (*unité de temps*) ; phép ấy ông BOILEAU đã tóm lại một câu như sau này : « Phạm diễn-kịch phải chỉ về một việc, xảy ra ở một nơi, chỉ trong khoảng một ngày mà thôi. »

« Một việc », ấy tức là hành-dộng duy-nhất, nghĩa là phải kết-cấu thế

nào cho các phần trong bài kịch đều xoay-hướng cả về một việc chính, gọi là cái then-chốt trong bài kịch. Như thế thời việc phải tóm lại ở một người chủ-tông trong kịch, nhóm lên từ đầu bài kịch, rồi cứ mở dần ra, cho đến cuối thời kể lại. Như trong bi-kịch, người chủ-dộng thường mắc phải một sự nguy-hiểm gì, vậy từ đầu bài kịch cho đến cuối phải cứ một việc ấy, tả người chủ-dộng đối với sự nguy-hiểm thế nào, rồi đến sau thoát hay là bị thế nào. Đến lúc sự nguy-hiểm đã hết thời việc cũng phải hết ; nếu người chủ-dộng lại mắc phải một sự nguy-hiểm khác nữa thời thành ra việc khác rồi, không thể đi liền với việc trên được. Ấy phép « duy-nhất » thứ nhất là trong một bài kịch từ đầu chí cuối phải chỉ thuộc về một việc, trước sau, rồi đến kết-cực, chớ không thể đương việc nọ chuyển sang việc kia, hay là hai ba việc lẫn-lộn với nhau được.

« Một nơi », ấy tức là trường-sở duy-nhất, nghĩa là việc phải xảy ra ở một chỗ nhất-định, hoặc là việc ở trong một nhà ở, một trại lính, hay là một tỉnh-thành nào, thời từ đầu chí cuối cứ phải ở chỗ ấy, đương ở nhà mà ra trại, hay đương ở tỉnh này chuyển sang tỉnh khác, làm cho người bày cảnh phải đổi cả luôn, người ngồi xem đến nỗi loạn trí thời việc hay đến đâu cũng giảm thú đi nhiều. Nếu trong các vai có một vai nào phải làm việc gì ở xa chỗ kịch-trường, thời phải dùng các tự-sự để thuật lại đầu đuôi việc ấy, chớ không phải đem việc mà diễn vào một cảnh mới.

« Một ngày », ấy tức là thời-gian duy-nhất, nghĩa là đến một việc gì phải thu vào trong khoảng thời-giờ như việc ấy xảy ra thực, khoảng ấy theo các nhà làm sách đời xưa không được quá một ngày là hai-mươi-bốn giờ. Vì diễn-kịch là bắt chước hết như

sự thực, không thể trong vài ba giờ đồng-hồ diễn được những việc lâu-dài tới hàng tuần hàng tháng, kể hạn một ngày nhiều khi cũng đã là quá. Vả lại việc mà đem ra diễn-kịch được là những việc hoạt-động, nhà soạn kịch lại phải chọn việc ấy vào lúc nào là lúc hoạt-động hơn nhất mới diễn ra, như thế thời cái thời-kỳ hoạt-động nhiều khi chỉ gồm trong mấy giờ đồng-hồ, còn việc tạo-nhân về trước thế nào, kết-quả về sau thế nào, thời dùng cách gián-tiếp để vào các vai phụ nói qua cho đủ hiểu mà thôi.

Các nhà soạn kịch ở Âu-châu đời xưa lấy ba phép « duy-nhất » ấy làm trọng-yếu lắm. Người nào phạm phép ấy thời bản kịch hay thế nào cũng bị giảm giá. Bởi thế nên những bản kịch cổ như của CORNEILLE, RACINE, MOLIÈRE nước Pháp, xem cách kết-ấu chặt-chẽ và thể-tài nghiêm-trang lắm, các tân-kịch đời nay không-sao bằng được. Những nhà soạn kịch mới đời với ba phép duy-nhất, thường không giữ được đúng, nhiều khi chỉ giữ được một phép hành-động-duy-nhất, còn trường-sở hay thay đổi, thời-gian quá một ngày là thường, nhưng cũng la sai in-ít mà thôi, chớ không đến nỗi vùn-vụt đương chỗ này sang chỗ khác, hay là ngoang-ngoảng cách đến mấy mươi năm, như trong tuồng ta. ✕

Song cứ bình-tĩnh mà xét thời ba phép duy-nhất như trên kia đã giải kể cũng quá nghiêm thật. Chớ nên từ xưa đến nay các nhà soạn kịch vẫn cố tìm cách mở rộng ra, nhất là hai phép duy-nhất về trường-sở và thời-gian. Kể cũng không khó gì, vì các bài kịch đều có chia ra hồi, hết mỗi hồi lại nghỉ diễn (*entr'acte*); trong khi nghỉ diễn muốn thay đổi cảnh hay là cho là việc đã qua đi ít lâu rồi cũng có thể được, duy không nên làm quá, như lời ông BOILEAU nói rằng trong một bài kịch kia có vai hồi thứ nhất còn là trẻ con,

đến hồi cuối cũng đã thành ông lão già đầu râu tóc bạc, thời không thể dung được. Nhưng đến phép hành-động duy-nhất thời các nhà soạn kịch cố tìm đều cho là của cải, không hề dám sai; đến các nhà văn-sĩ về phái « lãng-mạn » (*les romantiques*) là phải nhất-thiết muốn phần-lỗi hết các lẽ-lỗi văn-chương của cổ-nhân, cũng phải công-nhận phép ấy.

Nói tóm lại, soạn kịch phải chú lấy cho hết, cho đúng như sự thực, khéo chằm-chước biến-báo mà được hết được đúng thời đâu có sai lẽ-lỗi một ít cũng không hại gì, còn như chỉ biết giữ cho đúng lẽ-lỗi mà truyền đặt ra không được hết sự thực, thời bài kịch cũng không có giá-trị gì.

Còn như cổ truyện trong bài kịch, cách đặt có hai lối: một là lối bình-giản (*fable simple*), hai là lối phiến-phức (*fable complexe*). Lối bình-giản là truyện từ đầu đến cuối cứ đều-dặn tuần-tự, không có những việc phi-thường, không có những sự trắc-trở, bình như cái máy động là ở trong tâm-tĩnh các vai tuồng, hơn là ở những công việc xảy ra ngoài; lối này dễ mà khó, dễ là ít việc, không phải biến-báo lắm, khó là bởi ít việc nên lại phải tả tâm-tĩnh người cho khéo, vì truyện là thu cả lại ở trong tinh-ý người ta. Lối phiến-phức là lối đặt ra nhiều việc nghiêu-khê trắc-trở, kỳ-ngộ tinh-cờ, tựa-hồ như làm ra rắc-rối, không có manh-mối gì, nhưng đến sau mới gỡ dần dần mà rõ cái chủ-ý ra; trong lối này, cái động-cơ thường là ở việc, không phải ở người, việc xảy đến, việc nọ dắt việc kia, người ta chẳng qua là tùy việc mà đối-phó mà thôi. Lối này thời phải dụng trí biến-báo nhiều, để làm cho vui trò, nhưng cũng không nên lộng-xảo mà bày đặt ra những việc lối-thời quá, khiến người xem rối trí, không lấy làm thú-nhĩ.

Sau hết, dù truyện đặt ra là thuộc về lối bình-giản hay là lối phiến-phức, theo

phép diễn-kịch cổ bao giờ cũng phải có cái ngụ-ý hoặc xa hoặc gần về đạo-đức, bao giờ cũng phải có chủ-ý hoặc phát-mình, hoặc phủ-trợ cho luân-lý. Tuy các nhà soạn kịch đời nay hay có ý phóng-túng, chỉ chủ làm vui trò, không cần gì khuyên răn, nhưng mà về đời văn-chương cổ-diễn đương thịnh, ở Âu-châu cũng như ở Đông-phương ta, phạm tuồng hay chèo đờn có ngụ-ý khuyên điều thiện, răn điều ác cả. Cho nên trong các sách cổ dạy về nghệ diễn-kịch, có khuyên bổn điều như sau này :

1° Trong bài kịch, không nên từ đầu chí cuối chỉ phô bày những chuyện gian-ác độc-dạ ; có việc ác lại phải có việc thiện đối lại mới được.

2° Tả người thiện với người ác, dẫn người ác khôn-ngoaan tài-giỏi thế nào, cũng không nên ra ý thiên-vị mà làm cho giảm giá người thiện đi.

3° Tả về chuyện tình, không nên dùng những lời khêu-dộng, những bộ lá-hơi quá, dễ giục cái lòng dâm của người đến xem.

4° Dù chuyện đời phân-vân trác-trử thế nào, đến lúc kết-cung phải bày tỏ cái ngụ-ý khuyên-răn ra, cho người xem biết cái chủ-niệm chuyện là ở đó.

Xem bổn điều như trên thời đời riêng diễn-kịch ở Âu-châu ngày xưa không phải là một lối văn-chương bại-hoại phóng-tục, cũng không phải là một cái trạt-ngệ của bọn xưng ta vô-loại. Cái tồn-chỉ của diễn-kịch chính là để phủ-trị cho đạo-đức, làm sáng cho luân-lý. Đó là cái thời-kỳ thứ nhất trong nghệ diễn-kịch, cũng như trong các lối văn-chương khác, thời-kỳ ấy tức là thời-kỳ văn-chương còn phụ-thuộc với luân-lý. Nhưng mà xã-hội càng tiến-lua, văn-minh càng cao lên, thời văn-chương dần dần thoát ly ra ngoài luân-lý và khuyên-hướng về đường mĩ-thuật, tức là thời-kỳ thứ hai Âu-châu

về đường văn-học đã qua thời-kỳ thứ nhất trên kia mà đến thời-kỳ thứ hai sau này, cho nên các tiêu-thuyết cùng các kịch-bản mới bảy giờ không thiên về đạo-đức luân-lý, chỉ cốt lấy mĩ-lệ tinh-xảo mà thôi ; nhưng mà cho được tới ngày nay, trung-gian đã phải kinh-qua biết bao nhiêu sự biến-cách trong mấy trăm năm mới đến trình-độ như bây giờ. Nước ta ngày nay, nhất-thiết mọi đường, còn kém Âu-châu xa lắm ; như về đường văn-học, ta còn đương ở về thời-kỳ văn-chương còn phải phụ-thuộc với luân-lý, chưa đến thời-kỳ văn-chương đã khuyển-hướng về mĩ-thuật, ta có muốn bắt chước Âu-châu là còn phải bắt chước Âu-châu vào ba bốn trăm năm về trước, nếu nay đã vội-vàng vượt trình-độ mà mớ-phồng ngay những lối tiêu-thuyết cùng diễn-kịch tối-tàn-bày giờ, thời không khéo ra đến sai-lầm hết cả, và không khỏi mang tiếng là làm những văn-chương tổn-hại đạo-đức, bại-hoại phong-tục vậy.

2. — Nói về bố-cục. — Một bài kịch phải chia ra hồi (*actes*), hồi chia ra kịch (*scènes*). Mỗi một hồi là một đoạn lớn trong bài kịch ; còn các kịch là các phần trong một hồi, hễ khi nào có một vai ra hay một vai vào là phải chuyển kịch này sang kịch khác. Hết mỗi hồi nghĩ gọi là *entr'acte*, trong khi nghỉ mà có đàn-nhạc hay nói bông-lòn gọi là *intermède*.

Cứ theo sách « Thi-nghệ » của HONACE thời ấn-dịnh mỗi bài kịch phải có năm hồi. Nhưng các nhà soạn kịch nhiều khi làm bốn hồi, ba hồi, hai hồi hay một hồi cũng có. Năm hồi là nhiều nhất, vì người xem ngồi được hết năm hồi cũng mất ba bốn giờ đồng hồ, trông cũng đã nhọc.

Còn số các kịch trong mỗi hồi không có nhất-dịnh. Nhưng lệ thường là trên sân khấu bao giờ cũng phải có người,

không nên để không lúc nào. Nếu cả các vai đều vào hết để cho những vai khác ra thay, thì người đi vào phải báo người sắp đến hay là đợi đến nói mấy câu rồi hẵng lui vào. Nghĩa là phải làm thế nào cho các kịch liên-tiếp nhau, không có gián-đoạn, và mỗi vai bước ra sân khấu háy là lui vào phải có nói rõ cái lý-do cho người xem biết.

Trong các bản kịch cổ, cách bố-ức trước nhất phải có một đoạn bày giải cái đầu đề của bài kịch, gọi là đoạn « giải-đề » (*protase*), nghĩa là nói qua cái chủ-ý bài kịch ra thế nào, để cho người xem biết đường mà nhận các việc sắp xảy ra. Giải-đề phải bắt đầu ngay từ kịch thứ nhất, và cách bày giải phải cho khéo lắm, nói vừa đủ cho người ta hiểu cái đại-ý trong bài kịch, nhưng không nên nói rõ lắm, còn để hơi mập-mờ cho không biết sau kết ra làm sao, để giục cái hứng-thú của người xem. Trong lối bi-kịch, phần « giải đề » thường để vào một vai tôn-trọng, và nói bằng những lời trang-nghiêm. Các vai nhỏ không nên đặt vào phần này.

Các cổ-kịch thường trên đầu lại có một đoạn « khai mào » (*prologue*) nữa, tức như bài tựa của tác-giả đem đọc ở sân khấu. Trong bài khai-mào là tóm lược tích truyện, nói xuất-xứ ở đâu, cũng có khi là lời tác-giả cảm ơn những người đến xem, hay là tán-đương công-đức bậc vua chúa hoặc kẻ quyền-quí đã có ơn giúp mình. Lối « khai-mào » như thế này hay không ta tưởng dùng nữa. Bây giờ « khai-mào » thường là cả một hồi thứ nhất bày giải nghĩa chuyện và trình các vai chính trong trò.

Trong bản kịch cũn, như trong tiểu-thuyết, cốt-yếu là chỗ « thắt nút » (*noeud dramatique*), nghĩa là đầu cả nhưng sự khó-khẽ, ngăn-trở vào một chỗ, để rồi gỡ ra dần-dần. Thắt phải cho chặt, rồi gỡ ra mới thú, nhưng

cũng không nên lộn-xáo mà làm rắc-rối quá, khiến người xem phải khó-nọc mới hiểu thì không sướng nữa.

Thắt rồi phải cởi ra (*dénouement*). Cởi hay là gỡ phải cho tự-nhiên, lại phải có ý đột-nột, và có ngụ khuyênrăn. Tự-nhiên, nghĩa là không dùng đến những kế kỳ-quặc, ra ngoài lẽ thường; tự-nhiên lại là làm thế nào cho người xem có cái cảm-giác rằng việc đã thắt như thế, phải gỡ như thế, không còn cách nào hơn nữa. Nhưng lại phải có ý đột-ngột, nghĩa là tuy là tự-nhiên mà tựa-hồ như không ai nghĩ đến, mới thấy ai cũng cho là lạ, có nghĩ mới biết là tự-nhiên; ấy cách gỡ khó nhất là ở đây, vừa phải tự-nhiên mà vừa phải đột-ngột. Còn gỡ phải cho hợp luân lý và có ý khuyênrăn thì diễn-kịch mới có ích cho phong-hóa, trên kia đã nói rồi.

Gỡ có nhiều lối: hoặc lúc thắt lại là các vai chưa biết nhau, thời đến lúc gỡ ra phải cho các vai nhận biết nhau; thế gọi là « gỡ bằng lối nhận nhau » (*dénouement par reconnaissance*), như cha con, anh em, vợ chồng, vì xa-xôi cách-trở hay vì hoạn-nạn lia nhau, gặp nhau không biết, coi nhau như người đang nước lã, kể ngịch người tôi, thắt đã như thế, thời gỡ phải cho vợ nhận chồng, anh nhận em, cha nhận con, v. v.; — hoặc « gỡ bằng sự biến-cách » (*dénouement par révolution*), nghĩa là người chủ-động tự-dưng gặp một sự bất-kỳ, làm điên-dảo cả cục-diện; nếu biến mà hay ấy thời gọi là « hảo-biến » (*péripétie*), nếu biến mà dở hay không may thời gọi là « tai-biến » (*calastrophe*).

Diễn-kịch toàn là những lời vấn-đáp của các vai nói với nhau; vậy cốt nhất là ở lời đối-thoại (*dialogue*). Đối-thoại thường chỉ hai người, đến ba người là cũng bốn người thời nhiều quá, vì câu chuyện lẩn ra nhiều người thành câu chuyện vô-vị. Vậy nói trên

sân khấu thường chỉ vài ba người nói với nhau, còn người khác là đứng nghe, thỉnh-thoảng điếm một vài câu, chớ không phải đối-đáp hẳn.

Đối-thoại phải tự-nhiên như nói chuyện thường, phải liên-tiếp cho thành câu chuyện, phải hoạt-bát mới có lý-thú, lại phải cắt khúc cho khéo, không nên để một người nói dài quá như diễn-thuyết. Những câu đáp lại phải cho mau cho nhanh, như nhân một câu một tiếng người ta nói, khéo đôn lấy ma đối lại, hề đối được chơi, nói gọn-gàng và có ý-tử, thế là hay.

Trong kịch có khi có vai đứng nói một mình, thường là bộc-bạch tâm-sự mình hay là bàn-tính một mình trước khi quyết-định một việc gì quan-trọng; thế gọi là « độc-thoại » (*monologue*). Trừ khi nào trong lòng bối-rối, cần phải nói cho hả-dạ, còn thói độc-thoại nên ngăn thói; dài lắm không khỏi lìm cho người nghe chán.

3. — *Nói về lập-từ.* — Văn diễn-kịch phải thế nào? Văn diễn-kịch thứ nhất phải tự-nhiên, như lời nói chuyện, nhưng là một cách nói chuyện cao-thượng, dù trong hí-kịch cũng vậy. Còn trong một bài kịch, giọng phải tùy từng hạng người, người đài-các phải ra giọng đài-các, người tầm-thường phải ra giọng tầm-thường; lại phải tùy mỗi lúc, lúc bình-thường, lúc giận-dữ, lúc vui-vẻ, lúc buồn-rầu.

Trong tiền-thuyết, lúc tả-cảnh, tả-tình, tự sự, tác-giả thường lộ ra luôn; trong diễn-kịch thời tác-giả không được xuất-lộ ra một chút nào, hình như đã sáp-nhập mình vào các vai trong chuyện rồi. Vậy những giọng ngấm-nga, những lời văn-vẻ quá, cùng là những câu tỉ-dụ, những lời phán-đoán, rõ là nhà văn-sĩ mượn vai tưởng để tự-phô-trương ra, phải nên bỏ đi hết. Nói tóm lại, những lời ăn tiếng nói của các vai tưởng phải

cho rất mực tự-nhiên, không được cầu-kỳ kiêu-sức một tí uào. Song cũng phải tùy những tình-tiết cùng cái ý-nghĩa chuyện, có khi phải dùng đến những lời cao-đại cùng những giọng hùng-hồn, miễn là dùng cho phải lúc thời thôi.

Kịch phải viết bằng vận-văn hay tản-văn? Phải phân ra bi-kịch và hí-kịch. Hí-kịch thời muốn viết bằng văn hay viết bằng thơ cũng được. Ngày nay lệ thường là viết bằng văn hết cả, nhưng nhiều bản hí-kịch có giá-trị đời xưa (như hí-kịch của MOLIÈRE) hay viết bằng thơ, vì ngày xưa cho thơ là sang-trọng hơn văn. Còn bi-kịch tất phải viết bằng thơ, vì bi-kịch là lấy ở các chuyện cô-ra, người xa, đời xa, tình-cảnh bi-tráng, nói bằng lời thơ mới có cái vẻ trang-nghiêm trịnh-trọng. Tức cũng như tuồng ta phải dùng lời « nói lối ». Nhưng ngày nay lối bi-kịch ở bên Âu-châu suy đã lâu rồi, và sinh ra một lối nửa bi nửa hí gọi là « bi-hí-kịch » (*tragi-comédie*) hay là kịch (*drame*) không. Lối tản-kịch này cũng thường viết bằng tản-văn; kịch bằng vận-văn bây giờ ít lắm.

Trước khi xét về phương-pháp riêng của hai lối bi-kịch và hí-kịch, nên giải-quá bi với hi (*le tragique et le comique*) khác nhau thế nào. Trên kia đã nói bi với hi tức là tuồng với chèo của ta. Bi với hi khác nhau bởi mục-đích, bởi phạm-vi, bởi công-hiệu.

Mục-đích của sự « bi » là khiến cho người ta hăm-mộ cảm-phục những cái tai-đức lớn, cùng là ghê-sợ g'ết-ky những cái tội ác to. Mục-đích của sự « hí » là để chữa sửa những thói hư tật xấu trong xã-hội.

Phạm-vi của sự « bi » là những công-nghiệp lớn, tài-đức lớn, tội ác

lớn, tai-nạn lớn, toàn là những việc thuộc về truyền-kỳ, về lịch-sử, không phải là việc hằng ngày trông thấy. Phạm-vi của sự « hi » là những phong-thói cùng công việc thường của người ta trong xã-hội, công việc hủ-lậu, phong-thói buồn cười.

Công-hiệu của sự « bi » là hoặc sợ, hoặc thương, sợ vì trông thấy tội ác bày ra một cách ghê-gớm, kẻ gian mắc phải những sự nguy-nạn ; thương vì trông thấy người hiền phải khổ-khổ, kẻ ngay chịu hiềm-nghèo ; bi là làm cho người ta hoặc run sợ, hoặc thương khóc. Công-hiệu của sự « hi » thời lại khác: hi là làm cho trông người mà tức cười cho người, nghĩ mình có khi lại thẹn riêng cho mình.

Song sự « bi » tuy ghê tuy thảm, mà có một cái phong-thú cao-thượng làm cho người ta mê được. Nhà tâm-lý-học đã giải cái thú riêng của người xem bi-kịch như thế này : mắt trông những sự bi-thảm, lòng cũng có thấy cảm-động, nhưng biết là những việc của cớ-phần đời trước, không có xảy đầu đến mình, nên có cái khoái-lạc là được cảm-giác những nùng-nổi khổ-nạn của người ta mà tự mình không phải chịu những nùng-nổi ấy ; tức như cái khoái-lạc duy-kỹ của người kia ngồi trên bờ biển mà trông chiếc thuyền đương nghiêng-ngửa trên mặt sóng. Nhưng trong sự khoái-lạc ấy hình như có một cái dư-vị đắng cay, bởi thế nên lại càng thú.

1. — *Nói về bi - kịch.* — Bi-kịch là gì ? Bi-kịch là diễn một việc gì quảng-đại anh-hùng, đủ khiến cho người ta sợ, người ta thương, người ta hăm-mộ cảm-phục. Muốn gây ra cái cảm-giác bi-tráng, không tất-nhiên phải có người chết, phải đến lưu-huyết ; miễn là việc dễn ra phải là việc to-tát, người trong chuyện phải là bậc cao-sang, và những tình-ý

cảm-động trong lòng phải là những tình-ý cao-thượng hết cả. Nói tóm lại, cái khí-vị của bi-kịch phải như lời sách tây nói là một cái khí-vị hùng-tráng bi-thương (*cette tristesse majestueuse qui fait le charme d'une tragédie*).

* Thế nào gọi là việc anh-hùng quảng-đại ? Việc anh-hùng quảng-đại, là những việc hoặc to-tát, hoặc kịch-liệt, bởi những tay anh-kiệt, hoặc những tay gian-hùng làm nên, như lập công với nước, trả thù cho cha, v. v. Nhưng cũng có khi cái to-tát kịch-liệt ấy không xuất-lộ ra ngoài một cách rực-rỡ, mà ẩn ở trong một cách thâm-trầm, thí-dụ như hai sự cảm-động cũng mạnh cả xung-đột nhau ở trong lòng, hiểu với tình, nghĩa với lợi, danh-dự với ái-tình, v. v., làm cho người ta quẫn-quại đau-dớn, rồi cái nào mạnh hơn mới thắng được.

Trong những sự cảm-động lòng người mà có đủ mãnh-lực làm nên bi-kịch, xét ra có ba cái là mạnh nhất : một là lòng tham-vọng, hai là sự báo-thù, ba là ái-tình. Lòng tham-vọng là lòng ham muốn những sự-nghiệp to lớn, như muốn lập công to danh lớn với đời, muốn được vinh-hiền, được danh-dự. Sự báo-thù thời phải vì một cái lẽ cao-thượng đích-đáng mới nên đem vào bi-kịch, như báo-thù cho cha bị chực, báo-thù kẻ làm mất danh-dự mình. Còn đến ái-tình thời phải thế nào mới đáng vào bi-kịch ? Ái-tình vào bi-kịch thời phải là thâm-tình. Ông VOLTAIRE nói rằng : « Phải là một cái tình bi-thảm ; coi như một sự lầm-lỗi, mắc phải thời phải hối-hận ăn-năn ». Tình ấy phải khiến cho người ta khổ-sở khổ-nạn, sinh ra tội-lỗi ác-nghiệp ; tình ấy phải tá như một sự nguy-hiểm vô-cùng, hăm-hại người ta một cách rất độc-ác ; nhưng kết-cục phải để cho đạo-dức thắng-đoạt được.

Trên kia đã nói rằng cái hiệ-quả của bi - kịch là sinh ra sợ-hãi và

thương-xót. Sợ-hãi là trong lòng cảm-động về một sự nguy-hiểm tới nơi; thương-xót là lòng cảm-động vì trông thấy người bị khổ. Làm thế nào kích-thích được cái lòng sợ-hãi thương-xót ấy? Phải đặt vai chủ-động trong kịch vào một cái cảnh-ngộ nguy-hiểm cho sinh-mệnh hay cho danh-dự người ấy, tả những sự khốn-khổ long-đông người ấy phải chịu, rồi xếp đặt làm sao cho việc càng tiến lên thời sự nguy-hiểm lại càng to, cho đến sau cùng phải truy-lạc hay hãm-hại hẳn. Khéo là phải làm thế nào cho việc cứ tuần-tự mà lên, dần-dần mà tới, để cho người xem mơ-màng như việc là việc' xảy đến mình, người chủ-động tức là mình, thời sự cảm-động mới sâu và mạnh.

Muốn làm cho cảm-kích mạnh, tác-giả thường bày ra những sự đột-khởi biến-cách, những việc không ngờ mà xảy đến, mạnh-bạo làm cho người hối-hoảng kinh-sợ; thế gọi là dùng những « miếng kịch » (*coups de théâtre*). Các nhà soạn kịch về phái lãng-mạn thường hay dùng những « miếng kịch » dữ-đội lắm, như đâm giết, đầu độc, v.v.; song cũng không nên lạm-dùng những cách bạo-động ấy, vì làm cho người ta hối-hoảng không phải là gây ra cái cảm bi-tráng.

2. — *Nói về hí-kịch.* — Hí-kịch là diễn một việc thường xảy ra trong xã-hội mà khiến cho buồn cười: Phạm-vi của hí-kịch không phải là những sự bất-hạnh to cùng những tội-tình lớn, nhưng là những thói xấu tật nhỏ của người thường bày ra cho buồn cười để mong chữa-sửa lại.

Cái buồn cười của hí-kịch ấy thường là một sự khuyết-diếm hay một sự sai-lệch trong tâm-tình hay ngoài hành-vi, ở thái-độ hay ở cử-chỉ, trái với lẽ tự-nhiên, đường công-chính, hay thói-tục thường. Thí-dụ như anh khố

rách không có một đồng su lại muốn dạy cho người ta cách làm giàu; ông lão già lưng đã khòm; còn muốn làm đóm như con trai, cũng lấp lênh muốn ve gái; bác trọc-phủ hủ-lậu muốn làm ra giàng quan cả nhà sang, v. v.

Những sự buồn-cười đem diễn ra hí-kịch thường phải « phóng-đại » ra một chút, cho nó rõ-rệt những tính hư nết xấu của người đời, cũng như bức vẽ khôi-hài (*caricature*) phải vẽ mạnh nói thêm ra cho rõ những hình-thể xấu của người ta. Nhưng mà cái gì cũng vậy, không nên làm quá. Nếu quá thời không thực, đã biết rằng không thực thời không ai buồn cười nữa. Lại muốn điều-cột cho buồn cười thời cái nên điều-cột những sự thật đáng cười mà thôi; nếu đem sự đạo-đức, sự danh-dự mà điều-cột thời không những sai luân-lý, mà chắc không thành buồn cười được.

Có một cách làm cho nỗi sự buồn cười trong hí-kịch, là đem đối tạt họ với tạt kia, thói này với thói khác; như tả vai kéo thời lại đặt một vai hoang đề đối lại; tả người giả-dối lịch-riết thời lại để một người thực-thà cương-trực đề đối lại; tả một người buồn-rầu câu-cắt thời lại đối một người vui-vẻ nhã-nhận; tả một chị dài-các làm bộ hay nói chữ, thời lại đối với một đứa con-ở ăn-nói nôm-na mà dễ nghe lra-loát.

Nói tóm lại, hí là buồn cười, hí-kịch là bài kịch buồn cười. Sự buồn cười cũng có nhiều hạng, các sách tây chia ra làm ba: một là « thượng-lưu-hí » (*comique noble ou haut comique*); hai là « trung-lưu-hí » (*comique bourgeois*); ba là: « hạ-lưu-hí » (*bas comique*). Thượng-lưu-hí là tả những tính xấu của các kẻ giòng sang qui-tộc; cách điều-cột thường mát-mẻ, giọng pha-cười cũng thanh-tao. Trung-lưu-hí là tả những thói dỏm của những kẻ đứng vào bậc trung-bình

trong xã-hội, thường hay hợm-hĩnh, làm bộ làm tịch, tham của tham danh. Ha-lưu-hí là tả những cách tục-tần, bỉ-đi, hủ-lậu, keo-cúi của bọn binh-dân. Cũng có khi trong một bài kịch gồm được cả ba hạng đó.

Còn đến các lối hi-kịch thời người ta thường chia ra năm lối: một là « hi-kịch bày việc » (*comédie d'intrigue*), hai là « hi-kịch tả người » (*comédie de caractère*), ba là « hi-kịch tạp » (*comédie mixte*), bốn là « hi-kịch có múa » (*comédie-ballet*), năm là « hi-kịch pha trò » (*farce*).

« Hi-kịch bày việc », là bày ra những việc buồn cười, đặt ra cho thành rắc-rối, lung-tung loạn-sạ, người xem không biết đầu-duối vào đâu, đến lúc gỡ ra mới rõ mảnh-mối. Lối này hay chính là bởi sự lồi-thối rắc-rối ấy.

« Hi-kịch tả người », là đặt ra một người chủ-động có cái tính thiên tật xấu gì, rồi tả khắp các phương-diện cho biểu-lộ cái tật hay là cái tính ấy ra. Lối này là lối cao-thượng hơn nhất, phải có thuộc tâm-lý người ta lắm mới làm được.

« Hi-kịch tạp », là vừa bày việc, vừa tả người, nửa nọ nửa kia, mà tả người thời không có nghiên-cứu kỹ lắm, cũng không chuyên tả một người, thường vẽ ra nhiều người mà đem người nọ đối với người kia.

« Hi-kịch có múa », là xong mỗi hồi nghỉ lại có múa có hát.

« Hi-kịch pha trò », là lối pha trò buồn cười cho kẻ thường-dân vô-học, thường diễn ở những nơi họp chợ nhà quê.

Vấn hi-kịch phải thế nào? Vấn hi-kịch lại phải tự-nhiên lắm, càng giống lời nói chuyện thường lại càng hay, nhưng cũng không nên sỗ-sàng quá. Dầu kẻ ha-lưu nói, cũng không nên nói thô-tục như bọn đều-gồng thật; song cũng chớ nên làm trái lại mà cho kẻ binh-thường vô-học nói những lời hoa-mĩ văn-chương. Nói tóm lại

lời văn phải cho tự-nhiên hoạt-bát, mà chớ nên thô-bỉ sỗ-sàng. Tuy lúc, cũng có thể nói những lời cao-thượng được, nhưng dù cao-thượng mà vẫn giữ một mực giản-dị bình-thường. Tối-ky là những giọng cao-đại, trái với cái tôn-chỉ hi-kịch là làm cho người ta buồn cười.

— Bi-kịch, hí-kịch, đó là hai thể lớn trong nghệ diễn-kịch. Trên kia đã nói lối bi-kịch lấy ở các truyền-cổ-tích như xưa, ngày nay không có nữa; duy có lối hí-kịch vẫn thịnh-hành. Nhưng lối bi-kịch đã biến đi mà sinh ra một lối mới, gọi là « trung-lưu-kịch » (*drame bourgeois*), « binh-dân kịch » (*drame populaire*), hay là « kịch » (*drame*) không. Lối này tức cũng là một lối hi-kịch, nhưng tả những sự bất-hạnh, những cảnh khốn-khó của các hạng người bình-thường trong xã-hội. Tuy không có gì là quảng-đại anh-hùng, nhưng nhiều khi cũng thâm-thương bi-đát. Cho nên còn có tên nữa, gọi là lối « chèo khóc » (*comédie larmoyante*).

Còn mấy lối diễn-kịch nữa, như nhạc-kịch (*opéra*), ca-kịch (*vaudeville*), tạp-kịch (*mélodrame*). Nhạc-kịch là bài kịch hoặc bi hoặc hí, mà có âm-nhạc, nhưng phần chính là nhạc và cảnh, còn lời nói (*libretto*) là phụ thêm. — Ca-kịch là kịch mà có ca hát, còn lời nói thời vụ cho hoạt-bát, khinh-khiêu, vui-vẻ, dĩnh-ngộ. — Tạp-kịch là nửa bi, nửa hí, lại có ca có múa nữa, pha đủ các lối, mỗi lối một tí.

Ấy đại-khái nghệ diễn-kịch ở Âu-châu có những phương-pháp và chia ra các chủng-loại như thế. Muốn khảo cho tường hơn nữa thời phải kể lịch-sử nghệ diễn-kịch ở các nước Âu-châu và thứ nhất là nước Pháp; lại phải giải cách diễn ra thế nào, cách bày

cảnh thế nào, cách xếp đặt trong nhà hát thế nào, v. v. Nhưng lược-khảo như thế này trông cũng tạm đủ cho các ngài đọc báo biết qua về lối diễn-kịch ở Thái-Tây thế nào. Nếu sau này có dịp, sẽ xin khảo thêm tường hơn nữa.

Bản về diễn-kịch đáng lẽ phải có mấy câu kết-luận về nghề diễn-kịch lợi hại thế nào. Song bài này là một bài khảo-cứu, những lời phiếm-luận không có ích gì. Và lại diễn-kịch lợi hại, các bậc danh-sĩ Thái-Tây từ xưa đến nay bàn-luận đã nhiều, mà chưa quyết-nghị ra làm sao. Vua Louis thứ 11 hồi cụ giám-mục Bossuet về sự đó. Cụ trả lời rằng: « Tân Bê-hạ, diễn-kịch hay cũng lắm, mà dở cũng nhiều. » Như thế thôi bàn-luận cũng vô-ích,

vi nói dở cũng được mà nói lại không phải là không được. Nhưng bất-luận d'ên-kịch hay hay dở, lợi hay hại, có một sự hiển nhiên là cổ kim Đông Tây đời nào nước nào cũng có diễn-kịch, và những kịch-bản tuyệt-tác không biết bao nhiêu mà kể. Phàm công-trình người ta nghĩ-ngợi gây-dựng ra, mà được đến tốt đẹp, tất có một cái tinh-thần ở đấy; duy không biết khéo lợi-dụng thời cái tinh-thần ấy mất đi mà thôi. Diễn-kịch mà phải đường ra, có ích cho phong-hóa không phải là nhỏ; nhưng diễn-kịch mà sai đường thời hại cho phong-hóa cũng không biết bao nhiêu mà kể. Người soạn kịch, kể xem kịch, phải nên cân-thận.

THƯỢNG-CHI

MÀY LỜI TRUNG-CÁO VỚI CÁC BẠN NHÀ NHO⁽¹⁾

Kể từ khi ông lão-thành tiền-sĩ, có thiếu-nữ tài-tài, đi côi dai lau phướn đi rồi, ở trên học-vụ d'ên-dai nhất-luật thay vai đổi cảnh; bạn nhà nho ta nếu chưa có thể bực lên cho mau, chen vào cho khỏe, sùyl lấy một chầu ngồi ở trong xã-hội, thì dễ thương từ nay trở đi không có lối mà thò mặt lên vũ-dải nữa: bởi vì đem cái nghề mình ra mà rao với đời, thì đời đã rõ-ràng, mà muốn trở nào ta quay ra trông ấy, định nào ta chúc vào định ấy, thì nể ao cò nào ai đo mấu, con hát trẻ thì người mới ưa. Than ôi! bạn nhà Nho ta bấy lâu dài-mài kinh-sử, chắt hăng kim-thạch, con nhà thánh-hiền, có đầu đến nỗi lông-bông hư-hỏng bao giờ; chẳng may gặp phải thời buổi gạn-lọc, cái đời ao nghiên ruộng sách của anh đồ, đã là cái đời gác đi, chẳng những cái địa-vị ăn sung

mặc sưng trên xã-hội chẳng đến mình, thậm-chí cái đường tìm vành ấm no, cũng vì buồn trái nghề bán trái nghiệp, thợ chẳng hay cây chẳng biết, dở-dở dang-dang mà phải chịu thu tay bó gối, ngày nay trông thấy đã nhiều.

Cứ cái tinh-thể hiện nay xem ra thì phàm những phái nhà Nho, và những phái bàng-quan không phải nhà Nho chẳng nữa, trông thấy cơ-mẫu thất-bại ấy, ai chẳng bảo là cái hồi ách-vận, cái cuộc bi-quan của phái nhà Nho, nhà Nho vì thế mà tủi phận hơn duyên, mà người ngoài cũng vì thế mà thương vay khốc mượn. Nhưng, có phải là ách-vận đâu! có phải là bi-quan đâu! Những người bảo là ách-vận, là bi-quan, tôi đây quyết không thụ-nhận. Tôi nói thế, các ngài xem văn tôi, xin chớ hiểu lầm, thấy tôi ngày nay còn được

(1) Dịch bài nguyên-văn chữ nho của ông Nguyễn Bá-Trác ở số Nam-Phong 49, phần táu-văn, trang 1-12.

múa-mang vải dòng hán-văn trong quyền Tạp-chí, mà bảo tôi được thể dễ nói khoác; vì tôi cứ cái đường tiến - hóa trong cõi tân-học mà xem ra, thì phần Hán-học trong cõi Á-đông ta ngày nay, thực không ách-vận chút nào, và không bi-quan chút nào, cái ách-vận cái bi-quan đó chẳng qua là tại nhà nho ta trông bởi vật mình đó thôi, sao lại nói thế ?

Phần hán-học ấy là phần cổ-học ở Á-châu ta đó ; nguồn gốc hán-học, chảy ra đã khắp, vun vào đã lâu, gây-dựng nên một đoàn dân-tộc đông-đức ở nửa mặt địa-cầu phía đông ta, được đến cái tư-cách có văn-vật có đạo-đức vẻ-vang ; cái công hán-học giúp đời như vậy, thế thì phàm người Việt-nam ta ở Á-đông này, mấy nghìn năm nay chịu lấy cái văn-hóa hán - học ấy, không phải là dắt nhau xuống giếng dàu; kể nghìn năm nay ông ta, cha ta, tiêm-nhiễm hán - học, mà gây-dựng nên tinh - thần cho nước, vun trồng được đạo-đức cho dân ; trong xã-hội có trật-tự tiêm-tất, có lễ-phép lẫn-hoi; mình đối với quốc-dân mình, biết lấy ái-tình mà đàu-xót, mình đối với dân-tộc khác lại biết đem công-lý mà giữ-gìn, nếu không hán-học sao có được thế. Và lại, ông ta, cha ta, trải qua lịch-sử trong mấy nghìn năm, các cụ lập nên công-to nghiệp lớn, làm vẻ-vang cho tổ-quốc đó, đều là con nhà hán-học cả. Cái thanh-danh, cái công-nghiệp của hán-học, của nước Nam ta, rõ-ràng như thế, rực-rỡ như thế ! Mấy nghìn năm nay cái thế-lực về phần hán-học, cũng đã mười phần vẹn cả mười rồi. Lại gì, mặt-trăng qua rằm thì khuyết, mặt-trời quá ngọ thì tà, đó là cái lẽ thường xưa nay vậy. Huống chi ngày nay cuộc đời đã mở ra hội doanh-hoàn, kể đó người đây, vật này sự khác, đàu đấy biến-hóa thông-dung; cả rồi, dựng thành một khuôn trời đất mới, nữa là về phần

học-thuật. Xem thế thì vận-chở cái văn-minh của Thái-Tây vào, để bù-giúp cho cái trí-thức cái tư-trưởng có sẵn của mình, chính là cái chuyên-cơ của con nhà hán-học ở Á-đông ta ngày nay đó.

Ta thử xem như nước Nhật-bản, cũng là một nước tiếp-thụ hán-học rất cổ đấy ; mà tự khi duy-tân về sau, phàm những người hán-học ở trong nước, đều biết hăng-hái cổ-vũ, bâng-tạ cái học-vấn cổ-hữu, thân-nhập cái văn-minh ngoại-lai; nào khuếch-trương giáo-dục, nào cải-lương chính-trị, nào sáng-lập chế-độ, nào chỉnh-lý quân-lũ, nào chấn-hưng nghệ-nghiệp, để cho nước mình bước một bước mà lên đệ-nhất-dãg cường-quốc ở Á-đông; trước sau xem ra chẳng thấy phải nhà nho ở Nhật-bản thau-thở về ách-vận về bi-quan bao giờ.

Ta lại thử xem, hán-học phát-nguyên ở nước Tàu, tuy nước Tàu đất rộng đàng nhiều, đương vào cái thời-kỳ quyền-lợi cạnh-tranh, cái phương thu-thập, cái phép thống - ngự cũng hơi khó thật, nhưng từ năm Canh - ti biến-pháp đến giờ, các phái nhà nho ở nước Tàu cũng biết bâng-tạ cái học-vấn có sẵn của mình, để dung-hợp lấy cái văn-minh mới lạ của Thái-Tây; rồi cũng học-đường sám-lập, hiến - pháp chế - định, quốc - chính cải - tân ; vô-luận sự kiến-thiết khi đầu đã được đến thành-công hay chưa thì chưa chắc; nhưng, phàm những người chính-trị-gia ở chính-phủ, người đại-nghị-sĩ ở nghị - trảng, kẻ quản-nhân ở các thành - trấn, người lĩnh - tụ ở các hội-đảng, và những các nhân - vật đày đó nổi tiếng ở hiện - thời, đều là những bậc tài-danh xuất-thần ở nền cựu-học mà dung-hóa với tân-học cả; nước Tàu tự khi bãi khoa-cử đến giờ, cũng chẳng nghe có phải nhà nho nào ngao-ngán về ách-vận, về bi-quan.

Xem như vậy, thì hán-học ở Á-đông tự khi tiếp-súc với Âu-học sau này, chẳng qua biến-hóa cái hình-thức ở

mặt ngoài của hàn-học đó thôi ; bỏ cái thói quen nhai vụn vười cũ, ngâm-vịnh cuội-cột bấy lâu, mà chuyển-biến đi để từng sự về đường-triết-học, khoa-học, pháp-chính, nghệ-thuật mọi đường ; cái cục-diện ở thế-giới một ngày một khai-thông, tức là cái tri-thức của nhà nho một ngày một phát-dạt ; cái thời-kỳ hàn-học súc-tiếp với Âu-học tức là cái cơ-hội hay cho hàn-học nhân thế mà dựng được một cái tân-kỹ-nguyên, mở được một cái tân-thế-giới đấy ; há ách-vận chi đâu ! há bi-quan chi đâu !

Chao ôi ! Tiên-dồ hàn-học ở Á-đông ta, thực có một cái hi-vọng lớn, tôi đã kể như trên, mà người nước ta hổ người nào xuất-thân ở trong vòng hàn-học xưa nay đến bây giờ đều than về ách-vận, về bi-quan cả, là cơ sao? Hoặc có kẻ nói : « Á là bởi cái cơ chữ nho ở ngày nay chẳng thích-hợp với thời-dụng » Nói thế đã đành ; tuy vậy, nước ta ngày nay về đường chính-trị, về đường kinh-tế giao-tiếp với Đại-Pháp về phần nhiều, thì chữ nho đối với thời-thế đành là không thích-dụng. Nhưng mà, chữ nho không thích-dụng với thời-thế đã vậy, đến như đạo nào thì dân-tộc nước ta có thể một ngày rời ra được chẳng? Phạm-đạo-đức phong-tục ở trong xã-hội, quốc-dân ta tiêm-nhiễm về đạo nho đã lâu ; thì từ nay về sau, vô-luận học-thuật nước ta tiếp-thụ tân-hóa dịch vào bậc nào ; song, đối với cái tinh-thần đạo nho của cha ông truyền lại, đã thành ra một cái quốc-túy của mình, thế thì duy-trì cái quốc-túy ấy, để tiếp-thụ lấy cái văn-minh của ngoại-lai, khiến cho học-giới nước ta có cảnh-trương nhật-tân nhật-tiến, đó cũng là một cái mục-dịch chính-đăng của dân-tộc ta ngày nay nên xu-hướng vậy.

Cứ cái hiện-trạng học-giới của hai nước láng giềng như Chi-na, Nhật-bản mà xem ra, thì cựu-học với tân-

học đã có cảnh-trương dung-hòa hỗn-hợp rồi ; cho nên phạm cái người tinh-thông hàn-học, tức là cái người đủ tư-cách để tiếp-thụ tân-học ; người Tàu người Nhật tiếp-thụ tân-học cốt về ng-liền-cứu cái lý-thuyết tân-học, thấu-nhập cái tư-tưởng tân-học ; không phải là lao-thần khổ-tử xưa cả người trong một nước đi học-tập lấy văn-tự của ngoại-quốc cả đâu ; người Tàu người Nhật không phải là không giảng-minh số-học, khoa-học, các-trí, lý-hóa-học của Âu-tây ; song, cái cách giảng-minh ấy cũng chẳng qua đem sách Âu-tây dịch ra chữ bản-q. để để giao-thụ quốc-dân đấy thôi ; đến như khoa học ngoại-quốc ngữ-ngôn văn-tự, thì đã đặt ra có chuyên-nôm để học lấy chữ lấy tiếng nước ngoài. Chao ôi ! người Tàu người Nhật do văn-tự của bản-quốc để tiếp-thụ lấy tân-học của Thái-tây, nên chỉ Âu-yếm duyên mới, nhưng không đến nỗi ngậm-ngùi tinh xưa ; vậy cái công-phu điều-hòa tân-cựu bởi thế mà dễ.

Cái tinh-thế học-giới nước ta thì khác với hai nước ấy ; nước ta ngày nay tiếp-thụ Âu-học cũng như ngày xưa tiếp-thụ hàn-học, có phải là được địa-vị bình-dẳng mà tiếp-thụ đâu, chính là nhân cái địa-vị nhờ người quản-trị mà tiếp-thụ đấy ; người nước ta vì cái địa-vị tiếp-thụ đã như thế, lại vì cái cơ-sở văn-tự của bản-quốc chưa được thành-lập hoàn-toàn ; cho nên ngày nay tiếp-thụ Âu-học phải lấy văn-tự Âu-châu để làm cái lợi-khí tiếp-thụ mới nên.

Ôi ! Ngữ-ngôn văn-tự hoặc tiêu hoặc trường thế nào, thường vì cái thế-lực mà xui nên ; Âu-văn thịnh, tức là Hán-văn suy, đó cũng là cái thế xô đẩy tự-nhiên ở nước ta ngày nay vậy ; bây giờ hoặc có kẻ mượn cái chủ-nghĩa bảo-lôn cựu-học mà nói rằng : « Học-giới nước ta, nên khiến trẻ con đũa nào cũng học tập hàn-văn trước đã, rồi sẽ tiếp-thụ Âu-học. » Ấy thực là cái

lời bàn bất-đạt-thời ; hoặc có kẻ thấy hán - văn một ngày một suy, lại bảo ngay rằng : « Hán-văn là cái văn-tự vô-dụng. » ấy lại là câu nói ngu-dốt viển-vông không giá-trị gì cả.

Tóm lại mà nói, hán-văn, âu-văn đều không phải là văn-tự nước mình ; duy Hán-học Âu-học đối với nước ta, một đảng thì có cái tinh-chất cụ-truyền, một đảng thì có cái tân-hóa văn-minh ; tiền-đồ học-vấn của dân ta, phải nên kiêm cả hai đảng ấy mà dung-hòa lại với nhau, để thành ra một cái học-thuật đặc-biệt thuần-túy của Việt-nam ta, thế là phải đó.

Ngày nay là cái thời-kỳ nước ta xu-hướng về Âu-hóa ; mà nhân-vật mới đẻ xu-hướng ấy, thì thuần là thuộc về một phái Âu-học ; đến như phái Hán-học thời vì cái cơ không có thể đem văn-tự cụ-truyền ra để tiếp-thụ Âu-học được, mà đối với phương-diện Âu-hóa không dự chút nào.

Phái Âu-học thì vì rằng học-tập Âu-văn tốn phí ngày giờ, cho nên tự bé đến lớn thuần là dụng-công về Âu-học, mà đối với phương-diện Hán-học của tổ-quốc di-truyền bấy lâu, cũng không sở-đắc chút nào cả.

Cứ tinh-thế như vậy mà xem-ra, thì dễ thường Hán-học với Âu-học không bao giờ có cái hi-vọng điều-hòa dung-hợp nữa ru ? Nhưng mà tôi dám chắc rằng điều-hòa dung-hợp được, có là cái lợi-khi ở trong học-giới về phần trong-lai nước ta, tưởng không phải là thuộc về Âu - văn và Hán - văn, mà riêng có một giống văn-tự rất giản-tiện rất phổ-thông hiện ra, thay quyền văn-tự nước ngoài mà làm việc, tức là chữ quốc-ngữ của nước Nam ta đó.

Hán-văn học tập khó đã đành, mà Âu-văn học-tập cũng có dễ đâu, thế thì sau này học-giới nước ta phải đợi đến ngày nào người nước ta có thể đem tinh-thần trí-thức của Âu-học và Hán-

học ra, mà loát-ảnh truyền-thần sang văn-tự quốc - ngữ của nước ta hiện thành-lập rồi, khiến cho người cả một nước chỉ đọc một giống văn-tự mà có thể hiểu-thấu được học-thuật tân cụ đời bên, đến bấy giờ thì cái cơ điều-hòa dung-hợp mới có hi-vọng được.

Song, đương về cái thời buổi giáp-hạt này (thóc cũ đã hết, thóc mới còn xanh), đối với học-thuật đời bên, mà dân ta lấy phương-pháp loát-ảnh truyền-thần để vì học-giới nước ta sau này mở riêng ra được một bầu trời đất mới, ấy là ai ? Là phái Hán-học ngày trước, và phái Âu-học ngày nay, cụ-học tân-học hai phái ấy.

Hiện nay phái Âu-học ở nước ta tuy rằng chưa tới được đến bậc hoàn-toàn, nhưng mà thì buổi xu-hướng về Âu-học này, con đường tấn-tới, còn mãi về sau ; cho nên phái Âu-học đối với công-nghiệp vun trồng cho học-giới nước ta, tuy ngày nay mới là ba tháng trồng cây, nhưng ngày khác cũng có thể mười ngày trồng quả được.

Đến như phái Hán-học, thì ngày nay đã thuộc về thời-kỳ trở về già sắp sửa hết duyên, lại còn cặm sào đợi ai nữa ; phái Hán-học ngày nay, cái địa-vị đối với nước ta, chỉ là cái quang-cảnh một sợi tơ mảnh vắt ngang trời đất ; nhưng cái công-nghiệp đối với nước ta còn có cái thú-vị đem xuân một khắc đáng giá nghìn vàng, như vậy mà những phái Hán-học ta lại còn dùng-đăng, lại còn trừ-trừ ; thế thì định trồng trời trồng nước phở mặt cường-lan, hay là định đem cửa đem nhà nhờ tay sai-tả, hay sao ?

Nước ta ngày nay, tuy phép khoa-cử đã bỏ, trường giáo huấn đã bãi ; nhưng mà các nhân-vật ở trong phái nhà nho ta, hãy còn sót lại ; hoặc náu ở trong khóm cù-tùng, hoặc lui về trong nhà trú cặm ; cũng còn lằm óng bụng là kho sách, mà tay là thợ văn ;

vô-luận những người bề-hộn chữ nho, mà không có tinh-tuái chữ nho, lòng-bông chữ nho, mà làm mất giá-trị chữ nho, những hạng ấy nên dao-thái đi đã đành; còn thời cũng có những các thầy Cử thầy Tú ở nhà, đã có phần vua trang-diêm, chữa có nợ nước đeo-bông, Triều - đình thực đã công-nhận các thầy chẳng khác gì là cao - đẳng - tốt - nghiệp - học - sĩ và trung-dẳng tốt-nghiệp học-sinh về khoa Hán-học đấy; các ông Hán-học ấy, tuy chẳng bán được cái lý-hóa tán - thời, xét được cái văn - minh hiện-dại, song thuộc về văn-học, về lịch-sử, như ng khoa sản-sàng của tổ-quốc; và thuộc về nghia-ly, về đạo-đức, những lời dạy bảo của thánh - hiền; chắc các ông cũng nhĩ-mục tâm-thần nhu-nhiệm Tinh-hội đã lâu rồi; kia những người khô ng phải môn Hán-học người ta đối với cụ-học có cho là ích-lợi gì với dân tộc nước ta không, thời không dám kể; còn những các ông dịch-thị là nho-giả xuất-tuần, đã dăm-thấm được cái giáo-trạch của Hán-học rồi, chắc cũng thừa biết Hán-học là có quan-hệ có ích-lợi cho xã-hội ta, không phải hời nữa; thế thì đương về cái thời-kỳ Hán-học sắp tan chữa tan, sắp mất chữa mất này, phạm những nhân-vật ở trong làng nho hãy còn sót lại, há chẳng nên trừ - hoạch lấy phương-kế gì, tổ-chức lấy công-nghiệp gì, để cho có thể truyền-thần loát-ảnh lấy cái chân-tượng Hán-học, mà danh lại cho người sau ru !

Chao ôi ! ấy tôi mong về các bạn nhà nho ta thiết-lắm, mà bài luận này chính vì thế mà thảo ra.

Này, cái cách bảo - tồn Hán - học, quyết không có thể do phương-diện Hán-học mà bảo-tồn được; bởi vì sau này người nước ta học tập Hán-văn, chẳng qua là một khoa học chữ nước ngoài mà thôi; còn như Hán-học là về phần quốc-túy nước ta, người nước

ta cố-thiết nên đem sách-vở chữ nho dịch ra quốc-ngữ, để giúp cho người sau lấy cái tài-liệu khảo-cứ; ta thử xem như người Âu-tây đối với Phật-học và Hán-học ở Á-dông này, còn biết đem kinh Phật và sách Nho ra mà phiên-dịch, để giúp về sự khảo-cứ cho được rộng-rãi hoàn-toàn, nữa là dân-tộc Việt-nam ta là một thứ dân-tộc do Hán-học mà thành-quốc; các ông Hán-học tuy không có thể xoay ra mà học chữ Tây được, nhưng há chẳng có thể học được chữ quốc-ngữ để theo dõi về sự-nghiệp phiên-dịch Hán-thư ấy ru? Nếu các cụ già-nua tuổi-tác trong làng nho, tài mắt khí kém, không có thể học được chữ quốc-ngữ chẳng nữa, cũng còn có thể bắt chước ông Phục-sinh cái cách khâu-truyền sai con em chúng nó chép ra quốc-ngữ, để mà dành lại của báu cho người sau. Và lại, những câu thành-ngữ ở trong Hán-văn câu nào là câu lợi-dụng về quốc-ngữ được, chắc các ông Hán - học cũng có thể thân-thái tuyền-trạch biên thành một bộ từ-lâm được để làm cái tài-liệu bù giúp cho chữ quốc-ngữ; hướng chỉ, theo chữ quốc-ngữ mà làm ra văn-chương, những điều quan-thiết với luân-ly phong-lục lịch-sử của bản-bang và truyện-ký các nhân-vật, những hạng sách cần dùng ấy, lại là những nghề tay trái của các ông nhà nho, cả đấy.

Coi đó mà coi, thì phái Hán - học đối với cái sự nghiệp nên làm ở ngày nay, bộn-bề như thế vậy, mà nhân-vật sót lại ở trong Hán-học, ngày nay ít-ỏi như thế kia; nên chỉ, lợi - dụng cái quang-âm qui báu này đáng yêu từng thốn, đáng tiếc từng phân, để hết cái chức-trách nổi kể trước giắt người sau, khiến cho con nhà Hán-học, đối với cổ-nhân mà chước được tội, đối với lai-thế mà dựng nên công; sao lại có ngao-ngan ngồi rồi, hủ-hệ xếp xô, như cái quang-cánh con nhà Hán-học ngày nay ấy ru !

Tuy vậy, chúng ta lại bởi đó mà xét, thì bấy lâu nay những phái Hán-học, ai là người chịu lưu-tâm về sự nghiệp trước-thư lập-ngôn? ai là người chịu đống-nhiệm về chức - vụ phiên-dịch kinh-sử? Tóm lại bao nhiêu học-vấn, bao nhiêu kiến-thức thừa bình - sinh của nhà nho, tự khi khoa-cử đã bỏ đi rồi, phạm những người hữu - tâm với Hán-học thì chẳng qua chỉ thờ ngấn thâu dài, viết ra bài phú thương-thời, hát lên câu thơ cảm-sự đó thôi; nếu chẳng thế, thì lại chạo đời mình là cá dơi bỏ đi có làm chi nữa, thà rằng qu-đu tiên-khiên, thôi cũng đàng dơi mình với đời Hán-học đủ nhau cùng về đến cõi hư-không đấy thôi; lạc-kinh còn hay mất, chẳng hỏi chi nữa; đạo-dức hay hay dở, chẳng kể chi nữa; nếu có người nào đứng lên đống-dã mới cái chủ-nghĩa bảo-tồn, thì phái Hán - học lại có ý ngoảnh mặt làm thành, hình như Hán-học chột làm làm ta, ta hơi đau mà chết cho Hán-học nữa. Than ôi ! Cái thái-độ con nhà Hán-học như vậy, còn mong gì có cơ - hội bảo - tồn nữa thay !

Nhưng mà, lại có người nói gở ra rằng : « Cự-nhọc không bảo-tồn được, tuy là cái lỗi của nhà Hán-học đấy thật, song cái cách bảo - tồn ấy, há chỉ tay không nói bảo mà bảo - tồn được ru ? Thử xem ngay như các nhà Hán - học người nào có thể đem cái tài mình cái học mình dịch ra một vài quyển chuyên quyền sách để phó với đời được, chắc người ấy phải có rấn thân vào trong một nhà báo-quán, một cuộc tạp - chí nào, rồi mới có thể bâng-tạ đề mà hết cái trách-nhiệm đơng-vi của mình được ; hiện nay con nhà Hán-học đã phải nhường ghế cho người khác ngồi, đối với xã-hội chẳng được hưởng quyền - lợi tức là chút nào ; nhà tranh vách đất, rày gió mai mưa, quang-cảnh buồn tênh như vậy ; cái kiếp hàn-nho chỉ có một

vỏ ăn tri năm nhàn, cười sơn cọt thủy, ấy là xong thân-thế, chứ còn toan nổi nào ! Đến như cái công-nghiệp trước-thư lập-ngôn, tăng-nhiên sách sắn ở trong bụng để mà có thể lôi ra phó với đời được ru ? » Chao ôi ! cái hiện-tình phái Hán-học ngày nay thực có thế vậy.

Nếu con nhà Hán-học chỉ có một phái hàn-nho ấy thôi, thì hiện nay gặp thời buổi bất-khiến-dụng, yên về cái cảnh-ngộ vô-quyền vô-lực, không có thể tổ-chức được sự-nghiệp gì để mà trả được cái nợ bảo-tồn Hán-học cho quốc-dân, phái ấy còn có thể cãi được.

Nhưng chúng ta lại thử nghĩ mà xem, con nhà Hán-học ở nước ta, chẳng những một phái hàn - nho ấy mà thôi đâu ; trong xã-hội nước ta, trước kia cũng có một phái nhờ Hán-học mà đỗ lên, đầu rồng thân hổ, bìa bằng vẽ-vàng ; đến bây giờ hiện có những người rõ mình ở trên chốn miếu - đường, hoặc có người cầm quyền ở ngoài nơi quận-trấn, những người đời ơn Hán-học mà được phần hiền-dại ấy, có thiếu gì người, thử tính lại trong nước ta ngày nay trừ những số Hán-học tâm-thương không kể chi, còn thời cái số Hán - học hàn - nho, chữa lắt đã nhiều hơn cái số những người nhờ về Hán-học mà được rước-rõ công-danh, tưng-bừng phú-quí ấy đâu ; cái phái hàn-nho vô-quyền vô-lực không tổ-chức gì được đã đành, còn thời các ông Hán-học hiền-dại đối với cái ơn đời trong Hán-học bấy lâu, há chẳng có thể mời phần gánh vác lấy một hai phần, lợi-dụng cái thế-lực sẵn có của mình, để mà liên-hợp những bọn đồng-chí, tổ-chức lấy một cuộc dịch-thư, khiến cho một đảng thì đối với bọn đồng-phái có cái công phủ-trợ lớn-lao, một đảng thì đối với nghề cưu-truyền có cái nghĩa bảo-đền tham-tiến ; chả qui làm ru !

Bấy lâu các ông hiền-lạt ở trong phái Hán-học ta, khi đối với người, vẫn tự xử là Hán-học tiên-bối; cái sự than-thở cho nọ-nho, xót-thương cho cổ-đạo, tưởng cũng là cái sự ở trong tâm trong não các ông rồi, mà chúng ta vẫn thường được nghe câu chuyện khâu-đầu của các ông đó; tuy vậy, Hán-học suy thật, ngô-đạo cũng thật, mà địa-vị các ông, thanh-giá các ông ở trong xã-hội, vẫn còn rực-rỡ lừng-lẫy như xưa; hoặc có bác nhà nho nào còn màu Hán-học chọt khi vào bài-yết ở cửa các ông, các ông cũng thường nhận mình là bậc tiên-sinh trưởng-giá trong phái Hán-học, vẫn có lòng thần-thiết đến các hàng đệ-tử trong môn-phái nhà, so g còi cái tiền-đồ Hán-học ngày nay thế nào, cái gánh vác đạo-tôn Hán-học, các ông còn có thể xan-xẻ cho ai được không? chắc các ông cũng đã nghĩ thấu đến nơi cả rồi.

Hiện nay quốc-dân ta tuy khuyến-hướng về Âu-học, nhưng vẫn sẵn cái lòng có mới không nỡ rời cũ, ăn quĩ còn nhớ đến cây; kia những nhân-vật mới, không phải là Hán-học xuất-thân, người ta còn vì vấn-đề bảo-tồn Hán-học, mà chỗ này biến-tập tạp-chí, chỗ kia thiết-lập thư-cục, khiến cho những người Hán-học lỗi thì, còn được có nơi mà nhớ đến, có chốn mà ăn chơi, có việc mà biến-tập mà dịch-thuật; chẳng biết những các vị đại-nhân tiên-sinh nhớ về Hán-học mà thành danh ấy coi sự đó là thế nào? Há cái sự làm nhà môn-gian cho hàn-sĩ ở, những sự nghĩa-cử ấy, từ nay về sau, phái Hán-học chỉ mong về các ông Tây-học quán-tử, hoặc ông này ăn-thư-quán chủ-nhân, hoặc ông nọ công-thương-hội hội-trưởng, đứng lên thay mặt đề đề-xương cho, cổ-vũ cho, mà trong phái Hán-học thì dánh bịn cái tiếng có người mà cũng như không, đến nỗi tôn-phái nhà mình phái người

tự vào cửa khác, để tìm việc mà kiếm ăn đó ru?

Hay là các bậc Hán-học đại-nhân vị các ngài lòn, danh các ngài cao, nhất-cử nhất-dộng nên thận-trọng mới phải; nay lỗ-chức ra một cái Hán-học duy-tri-hội để thu-thập bao-dung lấy mấy người hàn-sĩ ở đó mà biến-tập khảo-cứu, sự ấy cũng không khó gì; nhưng, chỉ sợ đề-xương Hán-học, thì trái với bản-ý cổ-vũ lấy-học của Chính-phủ, Chính-phủ hoặc có ý ngờ vực gì chẳng? Tôi dám thưa rằng: Hán không hẳn không Chính-phủ cổ vũ Tây-học đề cầu cho dân ta tiến-bộ, Chính-phủ có từng cấm hàn-học khiến cho dân ta vong-bản bao giờ; chẳng những Chính-phủ chẳng ngăn cấm, mà trong học-vụ chương-trình vẫn còn đề một khóa Hán-văn, thì cái bản-ý Chính-phủ đối với học vụ thế nào, xem đó khác rõ; các ông Hán-học xuất-thân, bấy lâu từng-sự với Chính-phủ, phạm trong phái Hán-học hoặc có kẻ nào dõ-dại làm cần, các ông cũng từng soi-xét cho ra, trưng-trị lấy được, không dám vị tình riêng trong phái đồng-học mà che-chở cho nhau chút nào; cái lòng trung-thành của các ông tưởng cũng đã được cái lòng tin-dung của Chính-phủ rồi; thế thì ngày nay các ông có khó gì đem những lời chỉ-công chỉ-thành thưa lên với Chính-phủ, mà chiếu trong pháp-luật, xin phép đặt ra một hội Hán-học duy-tri, nhờ Chính-phủ giám-đốc cho mà yêu-cầu lấy những điều rộng lượng làm ơn, công-tâm tán-trợ ấy ư?

Hay là các vị đại-nhân nghĩ rằng: Ta dẫu nhờ về Hán-học mà làm nên, nhưng đến nay đã thành ra cần chuyện muôn năm cũ rồi, từ nay về sau, Hán-học thịnh suy thế nào đối với sự-nghiệp thân ta không ảnh-hưởng gì nữa, mà con cháu ta sau này, hoặc đưa lui học sinh ở trường Âu-học kia, hoặc đưa lui tới-nghiệp ở khoa Âu-học nọ; thời

thì Hán-học dù mất dù còn, kể chi bấy giờ nữa, cũng phải ; tuy vậy, con cháu các ông chẳng trực-tiếp về đường Hán-học để cầu hiền-đạt đã đành ; nhưng mà những điều luân-lý những điều đạo-đức quan-hệ với nhân-loại, với gia-đình, phạm những người đã là con cháu nhà Hán-học, tưởng cũng khó mà thoát-lý được khỏi-sáo Hán-học ; hãy nói ngay như cách ở đời, nếu bọn kia đối với nghĩa-lý Hán-học, tuyệt-nhiên không sờ-đắc chút nào, thích-hăng những nói đến quốc-túy, nói đến căn-bản ù-li như vịt nghe sấm, đến ngay những sự ăn ở với gia-đình, giao-thiệp với hương-đẳng, với tôn-tộc, tránh sao cho khỏi được cái lo dôi bên tân cựu lục-đục như hạt nổ đánh nhau trong nồi rang ; thế thì các ông cứ ngồi mà trông cái quang-cảnh Hán - học tiêu - diệt như vậy, không vẫn-hồi chút nào cả, tưởng sau này cũng không phải là cái phúc ở gia-đình các ông đâu !

Lại xin nói lên một từng nữa : Các ông ngày nay đã đứng vào cái địa-vị vinh-hoa phú-quí, nào là ngựa xe đầy cửa, nào là xiêm mũ đầy nhà, đối với cái hơi Hán-học hãy còn thoi-thóp ấy, thôi thì mặc kệ cũng xong ; nhưng đến khi bước sang cảnh lão, lui về đình hưu, trông huỳnh hiu - hắt, ngậm-ngọt di - kinh, hiền nguyệt tà-tà, bầu-khoảnh cò-đạo ; nếu lúc ấy, trong làng Hán-học, muốn chơi không có người mà chơi, câu chuyện Hán-học, muốn nói không có người mà nói, thế thì các ông trông thấy cái quang-cảnh ấy lại chẳng ngán nổi tồn-vong, đau lòng kim-tích lắm ru ! Thà rằng ngày nay trước hãy thu-thập lấy nhân-tài còn sót lại ở trong Hán-học, kết-hợp đoàn-thể, tổ-chức cơ-sở, khiến cho có thể trước ra thư lập ra ngôn-đạo, để mà truyền lại cho người sau ; và lại các ông cũng có thể vì cửa mình mà ương sẵn lấy hạt lý hạt đào, vì vườn mình mà gây sẵn lấy mầm tùng mầm cúc, để cho đến

khi tuổi-tác lui về không đến nổi vô-võ non cùng, thần thơ bóng hạc, mà thương, mà nghĩ, mà tiếc, mà sầu.

Than ôi ! Cái quang-cảnh Hán-học ngày nay ở trong xã-hội ta, chưa có thể nào gác đó mà không nói đến nữa được ; nhưng mà, ở trong xã-hội ta cũng chưa có người nào đứng lên mà chủ-trương ; thế thì cầu lấy cái người có thể đứng lên mà chủ-trương được, để nối lấy cái giày Hán - học sắp đứt chừa đứt này, nhóm lại cái khối tàn gio Hán, dong lên cái hoa mới đèn Nho, để làm gương cho thiên-hạ hậu-thế soi chung ấy, thực chỉ mong về các ngài hiền-đạt ở trong làng Hán-học có thể-lực có phẩm-vị đấy thôi.

Vì bằng các ngài Hán-học đại-nhân đã biết liên - hợp đồng - chí tổ-chức nên một cuộc Hán-học-duy-trì rồi, thì phạm những bạn nho-sĩ lỗi thời ở trong phái Hán - học ta ấy, nên nghĩ làm sao cho cố công gắng sức để chớ phụ cái cuộc nghĩa-cử này ; sự đó, tôi lại phải đối với các ngài tại-dã chư-quân-tử trong phái Hán - học ta, xin thưa thực đây.

Kia những người bập-bẹ hay chữ lỏng, mà cũng đội cái chiêu-bài hàn-sĩ đem bán rao, để cầu nương tựa vào cửa hiền - đạt ấy, Nho đấy, nhưng không phải Nho đâu ; cũng nên xua các bác đi, khiến cho các bác cái nghiệp mà ăn, cái nghề mà chơi, đừng làm mất giá-trị nhà Nho đi nữa, ấy là phải ; còn như các ông quân-tử-nho vô-quyền vô-vị ở nước ta ngày nay, dù có cái học khảo - cứu, cái tài trước - thuật, cốt nhắc nổi cái gánh vác duy - trì Hán - học ấy, tưởng cũng là nhảm - vật hiếm có, khiến cho chúng ta đáng hăm-mộ đáng hoan - nghênh lắm đấy ; nhưng mà, các ông học-cứu-tiến-sinh ở nước ta, còn nhiên ông giữ cái thói cò-lậu vu-khoái, không thể dung được

ở trong học-giới từ nay về sau; cái tinh đó, tôi lại phải vì các ông cụ-học nhà ta, rãi phôi bầy gan xin thừa thực nữa.

Nhất là cái tệ sùng-thượng hư-vấn : học-thuật nước ta sở dĩ chẳng xrong-minh lên được, mà quốc-gia đến nỗi suy-nhược dần-dần, thực là tại bọn học-trò trong nước chỉ chuyên về một lối hư-vấn. Ôi ! « Nói mà không vấn, truyền sao được rộng », tuy có lời thế thật ; nhưng mà, một câu vấn một lời luận phỏ ra với đời, cốt về cái tài-liệu khảo-cứu và cái nghĩa-lý nghị-luận đó thôi; đưng buổi bây giờ cái thái-trang trong vũ trụ một ngày một phiên-phức, cái kiến-vấn ở thế-giới một ngày một quang-bác, cái tư-tưởng của nhân-quần một ngày một khai-thông ; thế thì đem cái quang-âm hữu-hạn của đời người mà xem xét nghiên-cứu lý, những việc đời thiên-hình vạn-trang như vậy, chắc không thể nào làm phí hao mất thì giờ, để mà gọi lấy một câu cho hay, tĩa lấy một chữ cho lạ được ; huống chỉ cái thì giờ của con nhà Hán-học, so với người khác lại càng ngắn lắm, cho nên phái Hán-học ta mà có trước-thuật chẳng nữa, chỉ qui-bỏ khảo-cứu về khon nào cho đích-sắc, phê bình về nghĩa nào cho rõ ràng ; đem tài-liệu sở-dắc về cụ-học của mình ra, mà tham-chước lấy phương-pháp quan-sát về tân-học ở hiện-thời, khiến cho làm được một quyển, nói được một lời, hoặc có thể phát-minh được tri-thức cho người sau, dẫn - tiến được linh-thần cho dân nước ; chứ nên phí hao thì giờ, nhặt lấy bã - cặn của cổ-nhân, bóc lấy mầu-mỡ của kinh-diễn ; hay hoặc tó bạch chuốt hồng, khoe lấy cái vẻ cầm - tam tú - khâu hoặc ngấm mai phú hạnh, chuốt lấy cái mầu bạch-luyết dương-xuân, mà cũng gọi là danh-sơ kiệt-tác đấy ; như thế thì không những vô-ích cho

xã-hội, mà lại hữu - hại cho xã-hội lắm lắm !

Hai là cái tệ tự-tôn tự-dại : phái Hán-học đối với cái học của mình, thường cho là thần-thánh, mà đối với học-thuật lý-thuyết của người, hoặc bài-bác là thiên về vật-chất, mà không có tinh-thần, hoặc chê - bai là quá văn-hoa, mà khuyết mất đạo-đức ; ấy là những lời bọn Hán-học thường thường đem ra để phê-bình người ta đấy ; lại còn đối với đồng-phái, thì chỉ biết khoe nhau chữ tốt như rắn vấn hay như rồng, để mà câu kéo lấy hư-danh ; đối với dị-phái, thì không biết cái mẹo quả chín thì hái quả xanh thì đưng, để mà hù gióp cho tri-thức ; trước kia vì cái lối tự-tôn tự-dại, mà sau này lại hóa ra cái thói tự-tiểu tự-ty ; đọc sách cò nhàu, chỉ biết làm nô-lệ cò-nhau mà thôi ; nghe lời trưởng-già chỉ biết làm đệ-tử trưởng-già mà thôi ; cái tâm không biết đường tạc khiến, con mắt không biết cách tinh đời, phải phải, trái trái, chỉ ngại lười của cò-nhau, nghe hơi ông trưởng-già mà thôi. Chao ôi ! cái học không có thành-kiến, không có chủ-đích như thế vậy, mà gia-dĩ cái tệ hiếu-dồng ở-dị như thế kia ; thế thì mong gì phát-minh được những đường nghĩa-lý tinh - vi, biện - thị được những lời phẩm-bình chân-chính, mà trước-thư lập-ngôn, để thùy-huấn lai-thế đó thay !

Cứ tôi kể như trên, thì chẳng hóa ra phái Hán-học từ nay về sau, nên dần về số đào-thải, mà không kiến - minh được sự-nghiệp gì nữa ư ? Thừa rằng : Sao lại nói thế ! đó chẳng qua trích xuất một vài điều tệ-doan của phái Hán học đấy thôi, còn như cái nghề đặc-biệt sở-trường của phái Hán-học ta đủ làm lợi-ích cho học - giới về phần tương-lai, thực cũng còn nhiều ; nếu biết đổi cái thói sở-đoan đi, mà thả cái nghề sở-trường ra, thì hiện nay nhân-vật Hán-học hãy còn sót lại ở nước ta

thực cũng là nhân-vật rất quan-trọng rất yếu-cần về học-giới của dân-tộc ta đó. Sao nói thế vậy ? Vì bằng nước ta ngày nay không có người nào biết Hán-học nữa, thế tất cũng phải đặc-phái ít nhiều những kẻ thanh - niên học-sĩ, để sang du-học nước Tàu ; túng-nhiên trở-lực vì đâu mà người nước ta không có người nào được biết Hán-học nữa, thế mới thực là sự đại-bất-hạnh, đại-khuyết-diêm cho nước ta. Chúng ta thử xem như mới rồi quan Trưởng-giáo nước Anh ở Luân đôn đối với dân Anh diễa-thuyết có lời rằng : « Người nước Anh ta học chữ nước Tàu khác nào học chữ nước Hà-lan nước Nga-la-tư mọi nước, bởi vì từ nay về sau, người nước Anh ta chắc có một phen giao-thiệp về sự cạnh-tranh quyền-lợi ở các nước phương Đông kia, cho nên phải học-tập lấy ngữ-ngôn văn-tự nước Tàu mới được, vãn vãn. » Kia người Anh ở cách nước Tàu xa xôi như vậy, thế-lực người Anh từng có thể thao-túng được nước Tàu, mà còn bảo nhau cần phải học lấy chữ Tàu ; nữa là nước ta láng-diềng với nước Tàu, về đường kinh-tế trong-tràng thương-nghiệp cần nên tiếp-cận-lắm-lắm ; song, cái vấn-dề thuộc về quyền-lợi cạnh-tranh, nay hãy xin gác đó không bàn chi vội ; nay xem như văn-hóa nước ta, đạo-đức dân ta, bấy lâu tiềm-nhiêm về Hán-học thâm-lắm, có phải thiên đâu ? Dân-tộc ta đối với Hán - học, những điều nên giảng-câu ấy, thực là có quan-hệ về đường căn-bản, về đường tinh-thần, không phải như người nước khác chỉ đặt đất về đường quyền-lợi cạnh-tranh mà thôi ; dân ta đối với Hán-học quan-thiết như thế, may sao ngày nay hãy còn các ông ̣Hán-học dai-dẳng ở đời, phàm những nghĩa-lý của thánh-hiền, tài-liệu trong trường khảo-cứu, đều là những khoa của các ông Hán-học đã làm-linh thần-hội sẵn cả rồi, không phải học tập truyền-thụ khó-khẩn chi

nữa ; từ nay về sau những phái Hán-học nếu biết thay đổi cái bút-hư-văn, tiêu-trừ cái hỗn-câu-nê, bắt chước lấy những cách khảo-cứu, những cách phê-bình ở trong học-thuật cách mới ngày nay, làm ra sách-vở hữu-ích, thế thì lợi cho học-giới nước ta, biết là nhường nào !

Ấy đây ! Hán-học duy-trì ở đó ; quốc-túy bảo-tồn ở đó, đạo-đức, lễ-nghĩa, phong-tục, văn-vật của nước ta có sẵn bấy lâu, số-dĩ không đến nỗi đồi-bại luân-vong, cũng vì ở đó ; nhưng đó há năm ba người hàn-sĩ có thể làm nổi được ru ? Cầu lấy có thể gây dựng được công-nghiệp ấy, cũng chỉ mong về các vị đường-đường đại-nhân, thân-danh rực rỡ, thế-lực dồi-dào ở trong phái Hán-học ta đấy thôi.

Thân ôi ! Tiếng dẫu như tiếng gọi đàn, mấy độ gió mưa, sao nữ chia cành rẽ tở ; mở ấy ầu mở phong chủ, ngàn năm hương lửa, ấy ai kẻ đoái người hoài ! Các ông Hán-học hiền-đạt kia ơi ! các ông Hán-học hàn-nho kia ơi ! đã dễ chung một bọc, thờ chung một tổ, ở trong nhà Hán-học bấy lâu, đến bây giờ trông thấy cạnh-trọng Hán-học còn như một sợi tóc rong với quả chi như vậy, cầm lòng sao đậu mà ngánh mặt sao đành !

Tôi thường nghe các người tân-học đối chúng mà phàn-nàn rằng : « Từ khi học-vụ cải-lương về sau, suốt trong phái Hán-học đối với học-vụ, chẳng làm nên được cái công-nghiệp gì ; kia những các ông nhờ về Hán-học mà bực lên được cái địa-vị hiền-đạt ấy, thì hình như chẳng nhận mình là Hán-học tiên-thần nữa ; hoặc cũng có ông nghiêm-nhiên ta là Hán-học trung-nhân đấy, thì cũng chẳng qua mượn đó để chiếm lấy ngôi cao chiếu nhất trong hội Tư-văn, hay hoặc cạy đó để lên mặt với những kẻ sinh sau biết muộn ở trong đồng-phái mà thôi ; bọn Tân-học ta vào cửa các ông ấy, đứng ngồi giao-tiếp còn được

tự-do, nếu có một bác Hán-học văn-tiến nào vào cửa các ông ấy, thì các ông ấy thường giữ cái lối khắt-khe khó chịu mà dãi nhau; chỉ thấy các bác văn-tiến vâng dạ rụt-rè, thưa gửi rón-rén; đáng chừng các vị Hán-học đại-nhân kia, những điều đem ra đối với đồng-phái, chỉ thế là đặc-sắc nhất mà thôi, còn như nói đến sự Hán-học tồn vong thế nào, các ông có buồn tính đến đâu; đáng chừng các ông chỉ mượn Hán-học làm cái thế-giai để xuất-thân đó thôi, đến khi xuất-thân được rồi, thì các ông đối với Hán-học khác nào người kiếp này đối với giặc chiêm-bao kiếp trước, vân vân.»

Tôi lại nghe các người Tân-học bình-luận những phái nhà Nho rằng: «Suốt cả phái nhà Nho kia, hình như vác bản-khoản làm về nội Hán-học một ngày một thấy tiêu mòn; nhưng, các ông bản-khoản đó, chẳng qua chỉ bản-khoản vì Triều-đình không mở khoa thi nữa, để cho được thoả cái lòng trước điện một bài văn, dưới loa một tiếng dụ đ ý thôi; chứ có phải vì thành-đạo mà bản-khoản đâu! Xem ra các ông đối với quan-niệm về thành-đạo, thật là nhạt-nhẽo, thật là thờ-ơ; các ông nghe lời bảo-tồn Hán-học, các ông lại thường hiểu lầm cái ý-nghĩa bảo-tồn; cho nên mấy năm nay những sách vở của các ông xuất-bán ra, chẳng qua chỉ sao-lục câu thơ câu văn của cổ-nhân, biên-lập bài ca bài vịnh của cận-thời, những cái văn-chương nhều-ngao hão-huyền ấy, có bổ-ích gì cho sự học; đến như thành-kinh hiền-truyện và học-thuyết hay là lịch-sử của các bậc đại-phương-gia, những sách có ích ấy, thì chưa thấy các ông đem ra mà dịch-thuật bao giờ. Tóm lại, trước kia bọn Tân-học vẫn có ý đem cái trách-nhiệm bảo-tồn Hán-học mong về các phái nhà Nho,

mà bây giờ cái thái-độ các phái nhà Nho như vậy; đáng thương cho ai! mà đáng tiếc cho ai! v. . v. .»

Bài này tôi thảo ra, không phải là tôi dám cầm bút viết liều, để chế bai các ngài trong phái Hán-học ta đâu; bởi vì tôi thấy người ngoài bình-luận phái Hán-học ta như kia, tưởng đã rõ lắm; mà xét cái thái-độ phái Hán-học ta như vậy, nào có oan đâu. Tôi nhân đối với Hán-học thêm có cảm-tình, mà què-kệch số-sã thảo ra bài này, để dâng lên các ngài quân-tử trong ban Hán-học ta cùng xem; tuy rằng vẫn nhiều khuê-giốc, lời kèm lưng-hồn, nhưng cũng là một đoạn khổ-tâm trung-thành với Hán-học, tưởng các ngài cũng xét cho. Nếu nhân có bài này phở ra, mà phàm các ngài quân-tử trong phái Hán-học ta, người nào có thể-lực thì khởi-diêm những sự tổ-chức cơ-sở, liên-hợp đoàn-thể lên trước, để làm cái kế bảo-tồn, người nào có tài có học thì trước-thư lập-ngôn, phát-minh lấy nghĩa-lý Hán-học, để mà dẫn-khởi cho hậu-sinh; như thế thì sự-nghiệp vẻ-vang của Hán-học ta sau này, thực là bởi các ngài quân-tử gây dựng nên, công-dức các ngài biết muốn van nào mà kể; đến lúc bấy giờ, nếu các ngài quân-tử trong ban Hán-học hay đem những sự hành-vi chứng-thực của các ngài, thanh-tội tôi ra mà trị tôi về cái cơ khinh-mạn mỉa-mai, trổ tôi là danh-giáo tội-nhân, gạt tôi ra ngoài môn-tường Hán-học, tôi cũng chỉ một niềm cảm ơn đội đức vô-cùng, chứ không ân-hận gì nữa.

Tú-tài NGUYỄN ĐƠN-PHỤC
dịch nguyên-văn chữ Hán của
ông NGUYỄN BÁ-TRÁC

聖賢格言 THÀNH-HIỆN CÁCH-NGÔN (1)

(Lời nói hay của thánh-hiện)

II

第三章

君臣 - Quân thần

第八節

魯定公問：君使
Tích Lỗ Định - công vấn : « Quân sử
臣。臣事君。如之何。
thần, thần sự quân, như chi hà ? »
孔子對曰。君使臣
Khổng-tử đối viết : « Quân sử thần
以禮。臣事君以忠。
dĩ lễ ; thần sự quân dĩ trung ».

魯定公問：一言興
Lỗ Định-công vấn : « Nhất ngôn hưng
邦。孔子對曰。人之言
bang? » Khổng-tử đối viết : « Nhân chi ngôn
曰。爲君難。爲臣不
viết : Vi quân nan, vi thần bất
易。如知爲君之難
dị, như tri vi quân chi nan
也。不幾乎一言而
dã, bất cơ hồ nhất ngôn nhi
興邦乎。(以上言事
hưng bang hồ?) (Dĩ thượng ngôn sự
君使臣之道。與爲
quân sử thần chi đạo dĩ vi
君爲臣之難。皆不
quân vi thần chi nan, giai bất
易之定論。下所引
dịch chi định luận, hạ sở dẫn
經傳其意亦不外此。
kinh truyền, kỳ ý diệc bất ngoại thử ».

CHƯƠNG THỨ III

Vua tôi

Thứ 8

Ngày xưa ông Định-công là vua nước Lỗ hỏi đức Khổng-tử rằng : « Vua sai khiến bầy-tôi, bầy-tôi thờ vua, nên thế nào thì phải đạo ? » Đức Khổng-tử thưa lại rằng : « Vua nên lấy lễ-phép sai khiến bầy-tôi, bầy-tôi nên lấy lòng trung-thành thờ vua. »

Ông Định-công là vua nước Lỗ lại hỏi rằng : « Có một lời nói nào làm cho hưng-vượng nhà nước được không ? » Đức Khổng-tử thưa rằng : « Người ta có câu nói rằng : Làm vua khó, làm bầy-tôi chẳng dễ. Nếu biết làm vua khó, mà lo-liệu siêng-sóc, thì một lời nói ấy chẳng hóa ra làm cho hưng-vượng nhà nước dư ? »

(Đây là nơi đạo vua sai-khiến bầy-tôi, bầy-tôi thờ vua, cũng là nơi làm vua làm tôi phải nên biết là sự khó, đều là lời bán-dịch-đáng, không thay-đổi được ; ở dưới dẫn lời kinh truyền cũng chẳng qua ý ấy.)

(1) Xem Nam-Phong, số 50, trang 104-116.

易曰。上下交而其
 Dịch viết: Thượng hạ giao nhi kỳ
 志同。[言君臣一心
 chí đồng. (Ngôn quân thần nhất tâm
 以與道致治。則可
 dĩ hưng đạo trị trị, tắc khả
 以致泰]。
 dĩ trị thái).

書曰。后克艱厥后。
 Thư viết: Hậu khắc gian quyết hậu.
 臣克艱厥臣。政乃
 thần khắc gian quyết thần. chính nãi
 乂[治]。黎民攸德。
 nghê (trị), lệ dân ỡng đức.
 [言君臣不敢易忽
 (Ngôn quân thần bất cảm dị hốt
 各盡其職。則政事
 các tận kỳ chức, tắc chính sự
 治而民速化]。
 trị nhi dân tốc hóa).

第九節

書曰。股肱[臣]喜哉。
 Thư viết: Cổ quăng (thần) hỷ tai,
 元首[君]起哉。庶事
 nguyên thủ (quân) khởi tai, thứ sự
 熙[廣]哉。[此]舜責難
 hi (quảng) tai. (Thử Thuấn trách nan
 於臣。言臣樂於趨
 ư thần, ngôn thần lạc ư xu
 事。則君之治為之
 sự, tắc quân chi trị vi chi
 興起也。
 hưng khởi dã).

元首明哉。股肱良
 Nguyên thủ minh tai, cổ quăng lương
 哉。庶事康[安]哉。元
 tai, thứ sự khương (an) tai, nguyên
 首叢[頽]碎[頽]哉。股
 thủ tùng tảo (phiền toái) tai, cổ
 肱情哉。庶事墮[壞]
 quàng nọa tai, thứ sự huỵ (hoại)
 哉。此章舉[陶]責難於
 tai. (Thử chương Cao Dao trách nan ư

Kinh Dịch rằng: «Trên vua dưới tôi cùng tin nhau mà tâm-chí hợp làm một.» (Nói vua tôi cùng một lòng để dấy-nhức trị-đạo, thời mới nên thái-bình).

Kinh Thư nói rằng: «Vua hay biết đạo làm vua là khó, tôi hay biết đạo làm tôi là khó, vua tôi cùng lo liệu, thì chính-sự mới trị, kẻ lê-dân chóng cảm-hóa đức-giáo của vua. (Đây nói vua tôi không dám khinh thường, đều phải làm hết bổn-phận, thì chính-sự được trị, lê-dân chóng hóa).

TIẾT TWẾ 9

Kinh Thư rằng: «Bày tôi như chân tay, vua như cái đầu, bày-tôi vui lòng làm việc, thì chính trị của vua được hưng-khởi, mọi sự mở rộng ra được.» (Đây là vua Thuấn bảo bày-tôi phải chịu khó, hễ bày-tôi vui làm việc, thì trị-đạo mới hưng-khởi được).

«Vua là đầu cả, mà thông-minh sáng-suối, thì bày-tôi là chân tay, cũng được giỏi-giang, mà mọi việc đều được tốt cả. Vua là đầu cả mà xét-nét những sự nhỏ mọn quá, thì bày-tôi là chân tay cũng đến lười-biếng mà mọi sự thành ra trễ bỏ cả.» (Đây là ông Cao-Dao bảo

君明則臣良
 quán, ngôn quân minh tắc thần lương
 而庶事安。若君行
 nhi thứ sự an, nhược quân hành
 臣職。則臣下懈怠
 thần chức, tắc thần hạ giải đãi
 而萬事廢也。
 nhi vạn sự phế dã.

書曰：(伊尹)。君罔以
 Thư viết: (Y-Doãn), Quân vớng dĩ
 辨言(利口)之人亂
 biệן ngôn (lợi khẩu) chi nhân loạn
 舊政。臣罔以寵利
 cựu chính, thần vớng dĩ sủng lợi
 居成功。邦其永孚
 cư thành công, bang kỳ vĩnh phu
 (僖)于休。(言君臣各
 (tín) vu hưu. (Ngôn quân thần các
 垂其道。邦國永信
 tàn kỳ đạo, bang quốc vĩnh tín
 其休美也。
 kỳ hưu mỹ dã).

第十節

書：高尊命傅說曰。
 Thư Cao-tôn như Phó Duyệt viết:
 爾惟訓于朕志。若
 Nhi duy huấn vu trẫm chí, nhược
 作酒醴爾惟醴藥。
 làm tửu lễ, nhi duy khước nghiệт;
 若作和羹。爾惟鹽
 nhược tác hòa canh, nhi duy diêm
 梅。爾交修予。罔予
 mai; nhi giao tu dư, vớng dư
 棄。說復于王曰。惟
 khí. Duyệt phục vu vương viết: Duy
 木從繩則正。后從
 mộc tông thừng tắc chính, hậu tông
 諫則聖。后克聖。臣
 giàn tắc thánh, hậu khả thánh thần
 不命其承。曷(誰)敢
 bất mệnh kỳ thừa. trử (thùy) cảm
 不祗(敬)若(順)王之
 bất chí (kiệ) nhược (thuận) vương chi

vua phải chịu khó, hễ vua sáng-láng,
 thì bày-tôi đều tốt, mà mọi sự được
 yên, nếu vua làm lẫn vào công việc
 của bày-tôi, thì bày-tôi nản-tri mà mọi
 sự hỏng-mất.)

Kinh Thư (Y-Doãn) rằng : Vua chớ
 dùng kẻ nói biện-bác làm rối-loạn mất
 chính-sự cũ, bày-tôi chớ vị lợi-lộc mà
 giữ chức mãi, sau khi giúp vua đã
 nên công thì nhà nước chắc lâu dài
 được tốt. (Đây nói vua tôi đều hết bôn-
 phận, thì nước được lâu dài tốt mãi).

Tiếp trứ 10

Kinh Thư vua Cao-tôn bảo ông
 Phó-Duyệt rằng : «Nơi nên dạy-bảo
 để mở rộng trí ta, ví như nấu rượu,
 dùng người như gạo và men ; ví như
 nấu canh, dùng người như muối và
 ớt ; người cùng sửa-sang với ta, chớ
 bỏ ta.» Ông Duyệt thưa lại với vua
 Cao-tôn rằng : «Vi như gỗ theo dây mực
 thì thẳng, vua biết theo lời can-thời
 mới nên vua thánh, vua đã là thánh,
 bày-tôi chẳng đợi sai bảo cũng vâng
 thuận ý vua, ai dám không kính-thuận
 mệnh-lệnh tốt của vua.»

休命。(此見君臣交
 hưu mệnh, (thử kiến quân thần giao
 修各盡其道)。
 tu các tận kỳ đạo).

書曰。惟辟作福。惟
 Thư viết: Duy tịch tác phúc, duy
 辟作威。惟辟玉
 tịch tác uy, duy tịch ngọc
 臣無有作福作威
 thần vô hữu tác phúc tác uy
 玉食。臣之有作
 ngọc thực, thần chi hữu tác
 作威玉食。其害
 tác uy ngọc thực, kỳ hại
 而家。(大夫)因于
 nhi gia, (đại-phu) hung vu
 國 (無侯)
 quốc (chư hầu).

(言威福之柄在君。
 (Ngôn uy phúc chi bình tại quân)
 臣不可或假也。
 thần bất khả hoặc giếm dã).

第十一

易曰。勞謙君子有
 Dịch viết: Lao khiêm quân tử hữu
 終吉。孔子曰。勞
 chung cát. Khổng-tử viết: Lao
 不伐。有功而自
 bất phạt, hữu công nhi tự
 厚之至也。德言
 hậu chi chi dã, đức ngôn
 (德欲其虛) 禮言
 (đức dục kỳ tịch), lễ ngôn
 (禮欲其恭) 謙也
 (lễ dục kỳ cung), khiêm dã
 致恭以存其位者
 trí cung dĩ tồn kỳ vị giả

詩曰。萬壽王多吉
 Thi viết: Vạn thọ vương đa cát
 士。維君子使。萬
 sĩ, duy quân tử sử, vạn
 天子。萬壽王多吉
 thiên-tử, vạn thọ vương đa

(Đây là nói vua tôi nhà Thương đều
 hết hồn-phận).

Kinh Thư rằng: Duy có vua được
 làm ơn, duy vua được làm uy, duy
 vua được tự hưởng lộc trời, là đồ
 ngọc-bạc; bầy tôi không được làm
 ơn làm uy, tự hưởng lộc trời, bầy tôi
 mà làm ơn làm uy tự hưởng lộc trời,
 thì chỉ làm hại nhà mình, hại cho
 nước mình.

(Nói cái quyền ơn uy ở vua, bầy
 tôi không được giếm)

Tiểu Thư II

Kinh Dịch rằng: Khó-nhọc mà biết
 nhưn nhường người quân-tử được
 trọn phúc lành. Đức Khổng-tử nói
 rằng: Khó nọc mà chẳng khoe
 khoang, có công mà chẳng lên mặt,
 thế là trung hậu lắm vậy. Đức muốn
 cho thịnh, lễ muốn cho kính, đức
 khiêm-tốn ấy là hết lòng cung kính để
 giữ ngôi chức mình vậy.

Kinh Thi rằng: Rờ-rờ vua nhiều kẻ
 bầy-tôi tốt, dề vua sai khiến, vui lòng
 nhà vua, rờ-rờ vua nhiều người bầy-
 tôi tốt, dề theo mệnh-lệnh vua, và vui

人。維君子命。獨于
nhân, duy quân tử mệnh, mi vu
庶人。(言賢臣輔則
thứ nhân. (Ngôn hiền thần phụ tắc
上順于君。下順于
thượng thuận vu quân, hạ thuận vu
民。而成治功也)。
dân, nhi thành trị công dã).

禮曰。事君量而后
Lễ viết: Sự quân lượng nhi hậu
入。無入而后量。凡
nhập, vô nhập nhi hậu lượng, phạm
爲人從事者亦然。
vi nhân tòng sự giả diệc nhiên.
(言度其君可事而
Ngôn đạc kỳ quân khả sự nhi
后事之)。
hậu sự chi.)

禮曰。善則稱君過
Lễ viết: Thiện tắc xưng quân, quá
則稱已。則民作忠。
(tắc xưng kỷ, tắc dân tác trung.)

第十二節

論語曰。舜有臣五
Luận - ngữ viết: Thuần hữu thần ngũ
人。而天下治。(五人:
nhân nhi thiên hạ trị. (Ngũ nhân:
禹 皋 稷 契 伯益) 武
Vũ, Cao, Tắc, Tiết, Bá-ích.) Vũ.

王曰。予有亂臣十
vương viết: Dư hữu loạn thần thập
人。(言有治亂之臣
thần. (Ngôn hữu trị loạn chi thần
十人。如周召之徒)。
thập nhân, như Chu Thiệu chi đồ).

孔子曰。所謂大臣
Khổng tử viết: Sở vị đại thần
者。以道事君。不可
giả, dĩ đạo sự quân, bất khả
則止。
tắc chí.

孔子曰。事君敬其
Khổng tử viết: Sự quân kính kỳ

lòng dân. » (Nói kẻ bày-tôi hiền giúp
vua, trên được lòng vua, dưới được
lòng dân, mà nên trị-công vậy).

Kinh Lễ rằng: « Thờ vua phải đo-
đầu đã sẽ vào làm tôi, đừng có vào
làm tôi rồi mới đo-đầu sau, hết thấy
làm việc với ai cũng như thế. »

(Đây là nói xem vua có thể nhờ
được sẽ nhờ).

Kinh Lễ rằng: « Điều gì hay thì khen
vua, điều gì dở thì nhận là tại mình,
thì dân sẽ đầy-như lòng trung-thành. »

Tiết thứ 12

Sách Luận-ngữ rằng: « Vua Thuần có
năm người bày-tôi mà trong thiên-hạ
trị. » (Năm người là ông Vũ, ông Cao-
Duo, ông Tắc, ông Tiết, ông Ích). Vua
Vũ-vương rằng: « Ta có kẻ bày tôi trị
lúc loạn mười người ». (Nói có bày tôi
trị lúc loạn mười người như là lũ
ông Chu-công Thiệu-công).

Đức Khổng-tử rằng: « Bảo rằng kẻ
đại-thần là thế nào? là lấy đạo phải
thờ vua, nếu không có thể thờ được
thì thôi. »

Đức Khổng-tử rằng: « Thờ vua trước

事而後其食。
sự nhi hậu kỳ thực.

大學曰。文王爲人
Đại-Học viết: Văn Vương vi nhân
君止於仁。爲人臣
quân chỉ ư nhân, vi nhân thần
止於敬。(言爲君爲
chỉ ư kính. (Ngôn vi quân vi
臣皆能止於至善)。
thần giai năng chỉ ư chí thiện).

子夏曰。事君能致
Tử-Hạ viết: Sự quân năng trí
其身。(言委其身以
kỳ thân. (Ngôn ủy kỳ thân dĩ
事君。不敢自愛惜也)。
sự quân, bất cảm tự ái tích dã.)

孟子曰。君視臣如
Mạnh-tử viết: Quân thị thần như
手足。則臣視君如
thủ-túc, tắc thần thị quân như
腹心。言相親如一
phúc-tâm. (Ngôn tương thân như nhất
體也)。
thê dã).

孟子曰。責難於君
Mạnh-tử viết: Trách nan ư quân
謂之恭。陳善閉邪謂
vị chi cung, trần thiện bế tà vị
之敬。
chí kính.

第十三節

孟子曰。惟大人爲
Mạnh-tử viết: Duy đại nhân vi
能格(正)君心之非。
năng cách (chính) quân tâm chi phi.
君正莫不正。正
quân chính mạc bất chính. nhất chính
君而國定矣。
quân nhi quốc định hĩ.

孟子曰。君子之事
Mạnh-tử viết: Quân tử chi sự
君也。務引其君以
quân dã, vụ dẫn kỳ quân dĩ
當道。志於仁而已。
đương đạo, chí ư nhân nhi dĩ.

hết phải kính-cần việc mình làm, rồi
sau mới đến sự ăn lộc.»

Sách-Đại-Học rằng: «Vua Văn-vương
làm vua thì biết ở điều nhân, làm
bày tôi thì biết ở điều kính.» (Nói lúc
làm vua và lúc làm tôi đều ở vào
chốn rất phải).

Thầy Tử-Hạ nói rằng: «Thờ vua hay
bết sức mình.» (Nói đem thân mình mà
thờ vua không dám tiếc sức vậy).

Thầy Mạnh-tử rằng: «Vua coi bày-
tôi như tay chân, thì bày-tôi coi vua
như ruột thịt». (Nói coi nhau thân
như trong một thân thể vậy).

Thầy Mạnh-tử rằng: «Trách vua
làm điều khó ấy, gọi là trọng vua, bày
tỏ điều phải, ngăn cấm điều trái,
thì gọi là kính vua.»

TIẾT THỨ 13

Thầy Mạnh-tử rằng: «Duy kẻ đại-
nhân mới hay chính được sự làm
lỗi trong lòng vua, vua chính thời điều
gì cũng chính, chính một mình vua
mà nước yên vậy.»

Thầy Mạnh-tử rằng: «Người quân-
tử thờ vua cốt dẫn vua mình lấy đạo
phải, chỉ vào điều nhân mà thôi.»

(以上皆言臣事君
 (Dĩ thượng giai ngôn thần sự quân
 之道)。
 chi đạo).

孟子曰。將大有為
 Mạnh tử viết: Tương đại hữu vi
 之君必有所不召
 chi quân tất hữu sở bất triệu
 之臣。欲有謀焉則
 chi thần, dục hữu mưu yên tào
 就之。其尊德樂道。不
 trư chi, kỳ tôn đức lạc đạo, bất
 如是不足與有為
 như thị bất túc dữ hữu vi
 也。故湯之於伊尹
 dã, cố Thang chi ư Y Doãn,
 學焉而後臣之。故
 học yên nhi hậu thần chi, cố
 不勞而王。桓公之
 bất lao nhi vương. Hoàn - công chi
 於管仲。學焉而後
 ư Quản - Trọng, học yên nhi hậu
 臣之。故不勞而伯。
 thần chi, cố bất lao nhi bá.
 (言君用臣之道。
 (Ngôn quân dụng thần chi đạo).)

孟子曰。欲為君盡
 Mạnh tử viết: Dục vi quân tận
 君道。欲為臣盡臣
 quân - đạo, dục vi thần tận thần
 道。二者皆法堯舜
 đạo, nhị giả giai pháp Nghiêu Thuần
 而已矣。(言君臣各
 nhi dĩ hĩ. (Ngôn quân thần các
 當盡其道。而以堯
 đương tận kỳ đạo, nhi dĩ Nghiêu
 舜為法)。
 Thuần vi pháp).

第四章

父子。- Phụ tử

第十四節

昔孟武伯問孝。孔
 Tích Mạnh Vũ - Bá vấn hiếu. Khổng

(Đầy trở lên nói đạo bày-tôi thờ
 vua.)

Thầy Mạnh-tử rằng : « Hễ ông vua
 nào sẽ làm được sự-nghiệp lớn, hẳn
 có kẻ bày tôi giỏi không thể vờ đến
 được, vua có sự gì muốn hỏi thời phải
 đến mà hỏi người bày-tôi ấy, tôn đức
 mình, tôn đạo mình, nếu không thế
 không đủ làm gì được vậy. Cho nên vua
 Thang với ông Y-Doãn, học ông ấy rồi
 sau mới dùng làm tôi, cho nên chẳng
 khó nhọc mà nên nghiệp vương; ông
 Hoàn-công với ông Quản-Trọng, học ông
 ấy rồi sau mới dùng làm tôi, cho nên
 chẳng khó-nhọc mà nên nghiệp bá. »

(Đầy nói đạo vua dùng bày-tôi).

Thầy Mạnh-tử rằng : « Muốn làm vua
 hết đạo làm vua, muốn làm bày-tôi hết
 đạo bày-tôi, hai điều ấy phải bắt chước
 vua Nghiêu vua Thuần mà thôi vậy. »
 (Đầy nói vua tôi đều nên ở cho hết
 đạo, mà phải bắt chước vua Nghiêu
 vua Thuần).

CHƯƠNG THỨ IV

Cha con

TIẾT THỨ 14

Xưa ông Mạnh-Vũ-Bá hỏi đạo hiếu.

子 曰。 父 性 隆 其 矣
 tử viết: Phụ mẫu duy kỳ tại
 之 愛。 (言 父 母 愛 子
 chi iu. (Ngôn phụ mẫu ái tử
 無 所 不 至。 人 子 當
 vô sở bất chí, nhân tử đương
 體 父 母 之 心。 乃 為 孝 也。
 thể phụ mẫu chi tâm, nãi vi hiếu dã.)

子 夏 問 孝。 孔 子 曰。
 Tử - Hạ vấn hiếu? Khổng - tử viết:
 色 難。 有 事 弟 子 順
 Sắc nan hữu sự đệ tử phục
 其 勞。 有 酒 食 先 生
 kỳ lao, hữu tửu thực, tiên sinh
 饗。 曾 是 以 爲 孝 乎?
 soạn, tăng thị dĩ vi hiếu hồ?
 (言 人 子 事 親 須 有
 (Ngôn nhân tử sự thân tu hữu
 和 氣 且 於 色 不 徒
 hòa khí kiến ư sắc, bĩn đồ
 養 口 體 也)
 dưỡng khẩu thể dã)

(以 上 言 父 母 愛 子
 (Dĩ thượng ngôn phụ mẫu ái tử
 之 心。 人 子 事 親 之
 chi tâm, nhân tử sự thân chi
 孝。 下 文 所 引 經 傳
 hiếu hạ văn sở dẫn kinh truyền
 意 正 如 此)。
 ý chính như thế).

第 十 五 節

書 曰。 若 考 (父) 作 室
 Thư viết: Nhược khảo (phụ) tác thất
 既 底 (至) 法。 厥 子 乃
 ký dĩ (chí) pháp, quyết tử nãi
 弗 肯 堂 矧 肯 構 厥
 phát khãng đương thĩn khãng cấu; quyết
 父 當 (墾 田) 厥 子 乃
 phụ chi (khãn điền) quyết tử nãi
 弗 肯 播 矧 肯 穫 (言
 phát khãng bá thĩn khãng hoạch). (Ngôn
 君 子 當 卒 其 事。 以
 quân tử đương tột kỳ sự, dĩ
 成 父 之 志)。
 thành phục chí chí).

Đức Khổng-tử rằng: « Lòng cha mẹ lo nhất là con đau yếu ». (Đây nói cha mẹ yêu con rất là hết lòng, làm con nên thể lòng cha mẹ mới là hiếu vậy).

Thầy Tử-Hạ hỏi đạo hiếu? Đức Khổng-tử rằng: « Sắc mặt eo, đối với cha mẹ lúc nào cũng giữ được vui-vẻ ấy là khó; còn như cha mẹ có việc thì con phải làm khó nhọc, và có cơm rượu thì con dâng cha mẹ xơi, như thế đã đủ là hiếu dân? » (Đây nói con thờ cha, mẹ nên có hòa khí hiện ra mặt, chớ không những nuôi nấng mà thôi.)

(Từ đây trở lên, nói lòng cha mẹ yêu con và đạo con ở với cha mẹ, dưới này dẫn kinh truyện ý cũng như thế)

Thết thư 15

Kinh Thư rằng: « Ví như làm nhà, cha đã trụ-tính sẵn nề-nếp rồi, mà con không chịu đắp nền, thì còn chịu giùm nhà gì nữa; ví như làm ruộng, cha đã khai-khẩn thành ruộng rồi, mà con không chịu gieo mạ, thì còn chịu gặt gì nữa. » (Đây nói người quân tử nên làm cho xong công-việc để nên chí của cha).

詩云。胎厥孫謀。以
 Thi vân : Di quyết tôn mưu, dĩ
 燕翼 (敬) 子。 (言 爲 子
 yến dực (kính) tử. (Ngôn vi tử
 孫謀 也)。
 tôn mưu dã).

詩云。維桑與梓。必
 Thi vân : Duy tang dư tử, tất
 恭敬止。願瞻匪父。
 cung kính chí, mĩ chiêm phi phụ,
 靡依匪母。不屬于毛。
 mĩ y phi mẫu, bất thuộc vu Mao,
 不離于裏。 (言桑梓
 bất ly vu lý. (Ngôn tang tử
 父母所植以遺我。
 phụ mẫu sở trấp dĩ di ngã,
 我猶必恭敬之。况
 ngã do tất cung kính chi, huống
 於父母乎。我惟瞻
 ư phụ mẫu hồ. ngã duy chiêm
 依父母我豈不附
 y phụ mẫu, ngã khởi bất phụ
 于毛麗于裏乎)。
 vu Mao lý vu lý hồ).

第十六節

詩云。哀哀父母。生
 Thi vân : Ai ai phụ mẫu, sinh
 我劬勞。無父何怙。
 ngã cù lao, vô phụ hà hữ,
 無母何恃。出則行
 vô mẫu hà thi, xuất tắc hành
 恤。入則靡至。父兮
 tuất, nhập tắc mĩ chí, phụ hề
 生我。母兮鞠我。附
 sinh ngã, mẫu hề cúc ngã, phụ
 我畜我。長我育我。
 ngã súc ngã, trưởng ngã dục ngã,
 願我復我。出入復
 cố ngã phục ngã, xuất nhập phục
 我。欲報之德。昊天
 ngã, dục báo chi đức, hạo thiên
 罔極。 (言父母之德
 vông cực. (Ngôn phụ mẫu chi đức
 如天之廣大無窮
 như thiên chi quảng đại vô cùng
 也)。
 dã).

Kinh Thi rằng : «Đề mưu cho cháu,
 đề yên con nối của mình.» (Đây nói vì
 con cháu lo-toan).

Kinh Thi rằng : «Kia cây tang cùng cây
 tử (cha mẹ trồng); phải kính trọng vậy
 chẳng trồng cây dâu bằng cha, chẳng
 nrong tựa dâu bằng mẹ, há chẳng ở
 khi-huyết cha sinh ra, há chẳng ở trong
 bọc mẹ đẻ ra. » (Đây nói cây tang cây
 tử, cha mẹ trồng để cho ta, còn nên
 kính trọng vậy, hưởng chi là cha mẹ,
 ta duy trông-cây nrong-tựa ở cha mẹ,
 ta há chẳng phải là khi huyết cha mẹ
 sinh ra đấy ru) ?

Tiết thứ 16

Kinh Thi rằng : «Thương xót cha mẹ
 để ta khó nhọc, không cha nhờ vào
 đâu, không mẹ cậy vào đâu, ra thì
 nghĩ thương, vào thì hết lòng yêu, cha
 sinh ra ta, mẹ nuôi-nấng ta, vô ta,
 nuôi ta, mong ta lớn, nuôi dạy ta,
 ngoảnh nom ta, trở lại yêu ta, ra vào
 nấng thắm ta, muốn đền đức lớn, như
 trời chẳng biết đâu là cùng. »

(Đây nói đức cha mẹ như trời rộng
 lớn vô-cùng).

第十七節

禮曰。父母有過。則
 Lẽ viết: Phụ mẫu hữu quá. tắc
 下氣怡色。柔聲以
 hạ khí dĩ sắc. nhu thanh dĩ
 諫之。諫若不入。起
 giàn chí. giàn nhược bất nhập. khởi
 敬。思孝。後復諫。
 kính khởi hiếu. duyệt tắc phục giàn.

禮曰。父母愛之。喜
 Lẽ viết: Phụ mẫu ái chi. hỉ
 而不忘。父母惡之。
 nhi bất vong. phụ mẫu ố chi.
 而無怨。父母有
 cu nhi vô oán. phụ mẫu hữu
 過。而不可不道。
 quá. giàn nhi bất nghịch.

禮曰。孝子之有深
 Lẽ viết: Hiếu tử chi hữu thâm
 愛者。必有和氣。有
 ái giả tất hữu hòa khí. hữu
 和氣者。必有愉色。
 hòa khí giả tất hữu du sắc.
 有愉色者。必有
 hữu du sắc giả tất hữu uyển
 容。洞洞屬屬。(或先)
 dung. đồng đồng chú chú (hoặc thành thực)
 然如弗勝。嚴以
 nhiên như phát thắng. nghiêm dĩ
 恪。非所以事親也。
 khác. phi sở dĩ sự thân dã.

禮曰。善則稱親。過
 Lẽ viết: Thiện tắc xưng thân. quá
 則稱己。則民作孝。
 tắc xưng kỷ. tắc dân tác hiếu.

禮曰。父母沒。將
 Lẽ viết: Phụ mẫu tuý môt. tương
 為善。思胎父母以
 vi thiện. tư di phụ mẫu dĩ
 令名。必果。將為不
 lệnh danh. tất quả. tương vi bất
 善。思胎父母羞辱。
 thiện. tư di phụ mẫu tu nhục.
 必不果。
 tất bất quả.

Tiết thứ 17

Kinh Lễ rằng: «Cha mẹ có làm-lỗi, thì nói khi, vui nét mặt, nói dịu-dàng, mà can-ngăn, can mà chẳng nghe, thì mình phải dấy-như lòng kính hiếu, đợi cha mẹ vui lòng thì lại can.»

Kinh Lễ rằng: «Cha mẹ yêu mình, mừng mà chẳng quên, cha mẹ ghét mình, sợ mà chẳng oán, cha mẹ có điều lỗi, can mà chẳng trái ý.»

Kinh Lễ nói rằng: «Kẻ hiếu-tử có lòng rất yêu mến cha mẹ, hẳn có khí hòa, có khí hòa hẳn có sắc vui, có sắc vui hẳn có dáng dịu-dàng, lo-lắng sợ-hãi như chưa phải đạo làm con, chứ dữ-dội nghiêm-ngặt, không phải đạo thờ đấng thân vậy.»

Kinh Lễ rằng: «Điều gì phải thời nói là đồng thân làm, điều gì chẳng phải thì nhận là mình làm, thời dân nức lòng về đạo hiếu.»

Kinh Lễ rằng: «Cha mẹ đã mất rồi, toan làm điều phải để tiếng tốt cho cha mẹ tất làm ngay; toan làm điều chẳng phải, nghĩ đề hồ-nhục cho cha mẹ tất chẳng dám làm.»

禮曰。吾子之所謂
 Lê viết: Quân tử chi sở vi
 孝也者。國人稱願
 hiếu dã giả, quốc nhân xưng nguyện
 (美)然曰。幸哉有子
 (mĩ) nhiên viết: hạnh tai hữu tử
 如此。所謂孝也已。
 như thử, sở vi hiếu dã dĩ.

第十八節

孔子曰。事父母幾
 Khổng tử viết: sự phụ mẫu
 敬。見志不從。又敬
 kiến chí bất tùng, ựu kính
 不違。勞而不怨。
 bất vi, lao nhi bất oán.

孔子曰。父母在。不
 Khổng tử viết: Phụ mẫu tại, bất
 遠遊。遊必有方。
 viễn du, du tất hữu phương.

孔子曰。父母之年。
 Khổng tử viết: Phụ mẫu chi niên,
 不可不知也。一則
 bất khả bất tri dã, nhất tắc
 以喜。一則以懼。(言
 dĩ hỷ, nhất tắc dĩ cù. (Ngôn
 hỷ kỳ thọ, nhi cù kỳ suy dã.)
 喜其壽而懼其衰也)

孔子曰。父為子隱。
 Khổng tử viết: Phụ vi tử ẩn,
 子為父隱。直在其中矣。
 tử vi phụ ẩn, trực tại kỳ
 trung dã. (Phụ tử tương ẩn
 thiên lý nhân tình chi tri, thuận
 lý vi trực).

大學曰。文王為人
 Đại học viết: Văn vương vi nhân
 子止於孝。為人父
 tử chí ư hiếu, vi nhân phụ
 止於慈。(言為人父
 chí ư từ. (Ngôn vi nhân phụ
 為人子皆能止於
 vi nhân tử giai năng chí ư
 至善。
 trí thiện).

Kinh Lễ rằng: «Nười gọi con-tử hiếu
 rằng hiếu ấy, là người trong nước ai
 cũng ngợi khen rằng may có con
 như thế, thời mới gọi là hiếu vậy.»

Thứ thứ 13

Đức Khổng tử rằng: «Thờ cha mẹ
 phải can trước từ khi sắp có lỗi,
 thấy ý chẳng nghe, lại thêm kính mà
 chẳng dám trái, dầu khó nhọc chẳng
 oán oán.»

Đức Khổng-tử rằng: «Cha mẹ còn
 chẳng nên đi chơi xa, đi đâu phải có
 phương-hướng.»

Đức Khổng-tử rằng: «Tuổi cha mẹ
 bao nhiêu, con phải nên biết, một là
 mừng rằng thọ, một là lo rằng suy.»
 (Nói mừng được sống lâu, lo rằng
 chóng già).

Đức Khổng-tử nói rằng: «Cha vì
 con giấu sự lỗi, con vì cha giấu sự
 lỗi, ấy là lẽ tự nhiên, đạo thẳng vẫn ở trong
 ấy.» (Nói cha con cùng che-chở cho
 nhau, ấy là lẽ trời tình người phải
 nên như thế, thuận lẽ là thẳng).

Sách Đại-học rằng: «Vua Văn-vương
 làm con ở hết đạo hiếu, làm cha ở
 hết đạo từ.» (Nói lúc làm cha, lúc làm
 con, đều ở vào điều tất phải).

子夏曰。事父母能
 Tử Hạ viết: Sự phụ mẫu năng
 竭其力。〔言不敢惜
 kiệt kỳ lực. (Ngôn bất cảm tích
 其力也)。
 kỳ lực dã).

第十九節

孟子曰。中也養不
 Mạnh tử viết: Trung dã dưỡng bất
 中。才也養不才。故
 trung, tài dã dưỡng bất tài, cố
 人樂有賢父兄也。
 nhân lạc hữu hiền phụ huynh dã;
 如中也棄不中。才
 như trung dã khí bất trung, tài
 也棄不才。則賢不
 dã khí bất tài, tắc hiền bất
 肖之相去也。其間
 tiếu chi tương khứ dã, kỳ gian
 不能以寸。
 bất năng dĩ thốn.

孟子曰。舜盡事親
 Mạnh tử viết: Thuần tận sự thân
 之道。而瞽瞍底豫。
 chi đạo, nhi Cổ Tâu đề dự,
 瞽瞍底豫而天下
 Cổ Tâu đề dự nhi thiên hạ
 化。瞽瞍底豫而天
 hóa, Cổ Tâu đề dự nhi thiên
 下之爲父子者定。
 hạ chi vi phụ tử giả định
 此之謂大孝。
 thử chi vi đại hiếu.

孟子曰。大孝終身
 Mạnh tử viết: Đại hiếu chung thân
 慕父母。五十而慕
 mộ phụ mẫu, ngũ thập nhi mộ
 者。予於大舜見之矣。
 giả, dư ư Đại Thuần kiến chi hĩ.

第五章

夫婦。一 Phu phụ
第二十節

孔子序卦曰。有天
 Khổng tử tự quái viết: Hữu thiên

Thầy Tử-Hạ rằng : « Thờ cha mẹ hay
 hết sức mình. » (Nói không dám tiếc
 sức mình vậy.

TIẾT THỨ 19

Thầy Mạnh rằng : « Kẻ phải dạy bảo
 kẻ chẳng phải, kẻ có tài dạy bảo kẻ
 chẳng tài, cho nên người ta vui lòng
 vì có cha anh hiền. Nếu kẻ phải bỏ
 kẻ chẳng phải, kẻ tài bỏ kẻ chẳng tài,
 thì kẻ hiền kẻ chẳng hiền xa cách
 nhau chẳng hơn bao nhiêu. »

Thầy Mạnh rằng : « Vua Thuần hết
 đạo thờ cha mẹ, mà ông Cổ Tâu đến
 đẹp lòng, ông Cổ Tâu đến đẹp lòng,
 mà trong thiên-hạ bắt chước, ông Cổ
 Tâu đến đẹp lòng, mà những người
 làm cha làm con ở trong thiên-hạ ai
 cũng lấy thế làm rất phải, thế mới
 gọi là hiếu. »

Thầy Mạnh rằng : « Kẻ đại-hiếu suốt
 đời yêu mến cha mẹ, năm mươi tuổi
 mà còn yêu mến cha mẹ, ta thấy có
 vua Đại-Thuần như thế mà thôi. »

CHƯƠNG THỨ V

Vợ chồng

TIẾT THỨ 20

Đức Khổng tử làm tựa quái kinh

地 然 後 有 萬 物。 有
địa nhiên hậu hữu vạn vật, hữu
萬 物 然 後 有 男 女。
vạn vật nhiên hậu hữu nam nữ,
有 男 女 然 後 有 夫
hữu nam nữ nhiên hậu phu
婦。 有 夫 婦 然 後 有
phu, hữu phu phu nhiên hậu
父 子。 有 父 子 然 後
phu tử, hữu phụ tử nhiên hậu
有 君 臣。 (此 言 夫 婦
hữu quân thần, (Thử ngôn phu phu
乃 人 道 之 始 也。 下
nãi nhân đạo chi thủy dã, hạ
文 所 引 經 傳。 皆 明
văn sở dẫn kinh truyện, giai minh
乎 此。)
hồ thử.

詩 云。 關 關 雎 鳩。 在
Thi vân: Quan quan thư cưu, tại
河 之 洲。 窈 窕 淑 女。 君
hà chi châu, yểu điệu thục nữ, quân
子 (文 王) 好 逑。 (言
tử (Văn vương) hảo cầu. (Ngôn
后 妃 有 聖 德 可 以
Hậu phi hữu thánh đức khả dĩ
配 君 子)。
phối quân tử).

詩 云。 桃 之 夭 夭。 其
Thi vân: Đào chi yểu yểu, kỳ
葉 蓁 蓁。 之 子 于 歸。
diệp chấn chấn, chi tử vu qui
宜 其 家 人。 (言 賢 女
ngiht kỳ gia nhân. (Ngôn hiền nữ
歸 夫 家。 能 順 其 一
qui phu gia, năng thuận kỳ nhất
家 之 人)。
gia chi nhân).

第 二 十 一 節

禮 曰。 昏 禮 萬 世 之
Lễ viết: Hôn lễ vạn thế chi
始 也。 男 子 親 迎。 男
thủy dã, nam tử thân nghinh, nam
先 於 女。 剛 柔 之 義
tiên ư nữ, cương nhu chi nghĩa
也。 婦 人 從 人 者 也。
dã, phụ nhân tòng nhân giả dã,

Dịch nói rằng : « Có trời đất rồi sau có
muôn vật ; có muôn vật rồi sau có
con trai con gái ; có con trai con gái
rồi sau có vợ chồng ; có vợ chồng rồi
sau có cha con ; có cha con rồi sau có
vua tôi. » (Đây nói vợ chồng là bắt đầu
về đạo làm người, dưới này dẫn kinh
truyện đều nói nghĩa ấy).

Kinh Thi rằng : «Hòa-hòa tiếng chim
thư-cưu, ở bãi sông Hà, dịu-dàng con
gái lành, tốt sánh đôi với người quân-
tử (vua Văn-vương).» (Đây nói bà Hậu-
phi có thánh-đức, đáng sánh đôi với
vua Văn-vương).

Kinh Thi rằng : « Cây đào kia tươi
hơn-hơn, lá xanh rờn-rờn, kẻ kia về
nhà chồng, hòa - thuận người nhà
chồng. » (Đây nói gái hiền về nhà
chồng, hay biết hòa - thuận người
trong một nhà.)

Tiết thứ 21

Kinh Lễ rằng : « Lễ cưới là gây trước
muôn đời về sau, con trai thân-hành
đi đón vợ, con trai đi trước con gái,
là theo nghĩa cương (đương) nhu (âm)
vậy, đạo đàn bà phải theo người vậy

幼 從 父 兄。 嫁 從 夫。
 ấu tông phụ huynh, giá tông phu,
 夫 死 從 子。
 phu tử tông tử.

禮 曰。 父 親 醴 子 (酌
 Lễ viết: Phụ thân tiếu tử (chước
 酒) 而 命 之 迎。 共 牢
 (tửu) nhi mệnh chi nghinh, cộng lao
 而 食。 合 啜 而 鬻。 所
 nhi thực, hợp bả nhi dạn, sở
 以 合 體 同 尊 卑。 以
 dĩ hợp thể đồng tôn - ti, dĩ
 親 之 也。 (言 同 食 一
 thân chi dã. (Ngôn đồng thực nhất
 牲。 同 飲 一 瓠。 醴 演
 sinh, đồng ẩm nhất hồ, dạn diễn
 也。 食 畢 飲 酒 以 演
 dã, thực tất ẩm tửu dĩ diễn
 安 其 氣 也。
 an kỳ khí dã

第 二 十 二 節

詩 云。 死 生 契 濶。 (隔
 Thi vân: Tử sinh khế khoát, (cách
 遠) 與 子 成 說。 執 子
 viễn), dĩ tử thành thuyết, chấp tử
 之 手。 與 子 偕 老。 (言
 chi thủ, giữ tử giai lão, (Ngôn
 相 與 約 誓。 雖 死 生
 tương giữ ước thệ, tuy tử sinh
 契 濶。 不 相 忘 棄 也)。
 khế khoát, bất tương vong khi dã.

詩 云。 藝 麻 如 之 何。
 Thi vân: Nghệ ma như chi hà,
 橫 縱 其 畝。 娶 妻 如
 hoành tung kỳ mẫu, thú thê như
 之 何。 必 告 父 母。
 chi hà, tất cáo phụ mẫu.

詩 云。 伐 柯 (斧 柄) 如
 Thi vân: Phạt kha (phủ bính) như
 何。 匪 斧 不 克。 娶 妻
 hà, phi phủ bất khắc, thú thê
 如 何。 匪 媒 不 得。
 như hà, phi môi bất đắc.

詩 云。 出 其 東 門。 有
 Thi vân: Xuất kỳ đông môn, hữu
 女 如 雲。 (美 且 衆) 雖
 nữ như vân, mỹ thả (chú-g), tuy

lúc nhỏ theo cha anh, lấy chồng theo
 chồng, chồng chết theo con.»

Kinh Lễ rằng : «Cha thân hành rót
 chén rượu cho con uống, mà bảo đi
 đón vợ, vợ về, cùng ăn một con sinh,
 cùng uống một bầu rượu, là để vừa
 đôi lứa, cùng bày bực, cho thân-tình
 với nhau.» (Nói cùng ăn một con sinh,
 cùng uống một bầu rượu, nghĩa chữ
 dạn là dẫn vậy, ăn xong uống rượu
 là để dẫn yên khí mình).

TIẾT THỨ 22

Kinh Thi rằng : «Chết sống xa-cách,
 cùng người có lời ước sẵn với nhau,
 cầm lấy tay người, thề với người cùng
 đều già.» (Nói cùng nhau ước thề, dẫu
 chết sống xa-cách cũng không quên
 nhau).

Kinh Thi rằng : «Trồng dâu thế nào?
 phải bừa ngang bừa dọc mẫu ruộng
 kia; lấy vợ thế nào? phải hỏi cha mẹ.»

Kinh Thi rằng : «Đẽo cán búa thế
 nào? chẳng có cán búa cũ chẳng
 được; lấy vợ thế nào? chẳng có mối
 chẳng được.»

Kinh Thi rằng : «Ra ngoài cửa đông,
 thấy con gái đẹp và nhiều như mây,

則如雲。匪我思存。
 縞衣綦巾。聊樂我
 員。(云同。)(言雖有女
 美且乘。而聊樂我
 之縞衣綦巾。)(
 chi cảo y cơ cân).

詩云：嘒彼小星。三五
 五在東。肅肅宵征。
 夙夜在公。寔命不
 同。(言不同於正嫡。
 đồng. (Ngôn bất đồng ư chính đích.

第二十三節

詩云：哲夫成城。哲
 婦傾城。婦有長舌。
 維厲(亂)之階。(言婦
 人不尚乎利口。
 nhân bất thượng hồ lợi khẩu).

中庸曰：君子之道。
 造端乎夫婦。(言人
 道始於夫婦。)
 đạo thủy ư phu phụ.)

孟子曰：丈夫生而
 願爲之有室(妻)女
 子生而願爲之有
 家(夫)父母之心人
 皆有之。不待父母
 之命。媒妁之言。鑽
 穴(隙)相窺。踰墻相
 huyệt (khích) tương khuy, du tường tương

dầu rằng như mây thực, nhưng ta
 không tư-tưởng đến, kia người áo
 trắng khăn thâm, chút vui người của
 ta vậy. (Nói dầu có gái đẹp và nhiều,
 nhưng chỉ vui với người áo trắng khăn
 thâm của ta vậy.)

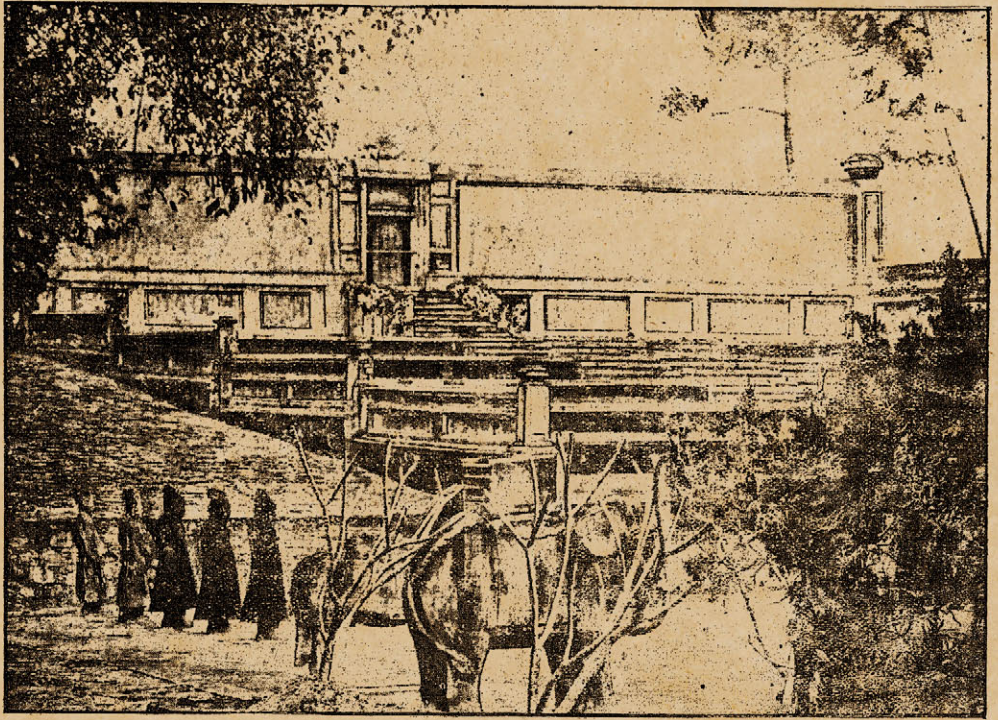
Kinh Thi rằng: «Nhấp-nhánh sao nhỏ
 kia, năm ba ngôi ở phía đông, chăm-
 chăm đi khuya, buổi sáng buổi tối ở
 chốn công, bởi vì cái phận mình không
 được như người vợ cả.» (Nói phận người
 vợ lẽ không được như người vợ cả.)

Tiết thứ 23

Kinh Thi rằng: «Người chồng giỏi
 đắp nên thành, người vợ giỏi làm đổ
 thành, người đàn bà mà lắm điều làm
 nên trái loạn.» (Nói người đàn bà
 không nên lắm điều).

Sách Trung-dung rằng: «Đạo người
 quân-tử gây đầu mối từ vợ chồng.»
 (Nói đạo người trước từ vợ chồng).

Thầy Mạnh-rằng: «Sinh con trai muốn
 cho có vợ, sinh con gái muốn cho có
 chồng, lòng cha mẹ ai cũng muốn thế
 vậy, không đợi lời cha mẹ, không đợi
 lời mối manh, chọc lỗ vách mà nhìn
 nhau, trèo tường mà theo nhau, thi chầu



Kính ảnh hiệu Hương-kỳ

Thiên-thọ-lăng : lăng đức Cao-hoàng (Gia-long) ở Huế
(đọc tiêu-dẫn ở trang sau)

Lăng Đức Gia - long

« . . . Xem xong trong điện mới ra xem ngoài lăng. Sánh với các lăng kia thời lăng Thiên-thọ là giản-dị hơn cả, nhưng có cái vẻ hùng-trang, thực là biểu được cái chí to-át một ông vua sáng-nghiệp. Bốn bề là núi cả, trong sách nói cả thấy ba-mươi-sáu ngọn đều quay-quần về đây. Giữa mấy tầng sân đá rộng thênh-thang, thêm cao rộng chạy ; trên một tòa thành tròn ba bề xây như hình cái ngai, trong hai nắm đá hình chữ nhật, tức là mộ Đức Thế-lỗ Cao-hoàng-đế cũng Đức Thừa-thiên Cao-hoàng-hậu, hai ông bà nằm song-song ở giữa khoảng trời rộng núi cao, như muốn chứng với Trời Đất rằng công ta đã dành Đông dẹp Bắc mà gây-dựng nên cái nền nhất-thống của nước Đại-Việt này, từ nay vững như Bàn-thạch, bền như Thái-son vậy. Không có đình, không có tạ, không có lâu, không có đài, chỉ tro-tro một tấm sân đá menh-mông, ngoài xa hai cột đồng-trụ cao ngất trời ! Hùng thay ! Thực rõ cái chí một bậc khai-quốc-anh-hùng, không tra những sự hu-văn phú-phiếm. Phạm lăng là xây tự siub-thời vua, chớ không phải khi vua băng-bà rồi mới xây, cho nên mỗi cái lăng là biểu tinh-thần tinh-cách riêng của mỗi ông vua, tự tay đặt kiêu lấy cái nhà ở sau cùng của mình. Như thế thì nơi lăng Thiên-thọ này thực là tấm gương phản-chiếu cái khí-tượng anh-hùng của Đức Gia-long ta vậy. . . »

(PHẠM QUỲNH, Mười ngày ở Huế)

從。則 父 母 國 人 皆
 tông, tắc phụ mẫu quốc nhân giai
 展 之。
 triển chi,

mẹ và người trong nước đều kính-rê đó.»

(Còn nữa)

Tiến-sĩ NGUYỄN VĂN-BÀN dịch.

THẾ-GIỚI TIÊN-BỘ SỬ

Bản-chi trong số 49 có một bài khảo về « Các thời-kỳ lớn trong lịch-sử văn-minh thế-giới ». Trong các bạn đọc báo có nhiều ông cho là bài ấy khảo-cứu cũng kỹ-lưỡng, dịch-thuật cũng rõ-ràng và đọc cũng có bổ-ích được ít nhiều. Có ông viết thư rằng: « Tôi đọc bài ấy lấy làm có ích lắm. Ngày nay ở nước ta sách học bằng quốc-ngữ còn chưa có, thời những tập báo như qui-tạp-chí tức là sách học cho chúng tôi đó. Những người biết chữ tây thời đọc sách tây, những người biết chữ nho thời đọc sách nho, còn những người trong hai thứ chữ ấy đều không đủ sức mà đọc được sách, như chúng tôi đây, — mà số ấy là số nhiều, — thời từ trước đến nay không có sách gì mà đọc cả. Nay được xem những bài khảo-cứu của tân-thân như bài « lịch-sử văn-minh » của qui-báo đó, chúng tôi lấy làm mừng lắm. Tôi thiết-tưởng rằng phạm những khoa-học mới của Thái-Tây ngày nay, cứ nên dịch thẳng ngay ở sách tây ra, như qui-báo thường làm đó là phải. Tôi thường đọc những bài về các học-thuật mới mà lại dịch ở báo tàu hay là tân-thư tàu ra, dấu người dịch dịch giỏi dịch khéo thế nào tôi cũng không thể tin hẳn được, vì sách tàu báo tàu đã dịch một lần ở chữ Anh chữ Nhật ra, nay mình lại trùng-dịch ở chữ tàu, mỗi lần dịch chắc có sai đi ít nhiều, vì mỗi người dịch lắm khi lại hiểu ra một cách, — không kể có người không hiểu mà cũng cả gan dám dịch, — ra đến tiếng ta còn gì là cái tinh-thần của nguyên-văn nữa ? Đây

giờ ở nước ta những người học tây khá cũng đã nhiều, bất-nhược trực-dịch ngay ở sách tây ra, khảo-đến tận nguồn, việc gì phải làm quanh-co dịch sách tây ở chữ tàu ! Tôi lấy cách dịch-thuật của qui-báo là phải, nên tôi có ước-ao một điều : bài khảo về các thời-kỳ văn-minh của qui-báo đã in đó, kẻ khảo cứu cũng đã tường, nhưng mới là kẻ qua về mỗi thời-dại một vài việc lớn, nay muốn biết nhân-loại từ xưa đến nay tiến-bộ liên-tiếp thế nào, như về các đường học-thuật, kỹ-nghệ, xã-hội, đạo-đức, v. v., nên soạn cho mấy bài kỹ hơn nữa thời có ích-lợi lắm, v. v. »

Bản-chi từ khi mới mở đến giờ, trong việc biên-tập các bài-vở vẫn giữ một phương-châm nhất-định : là phạm những bài thuộc về các môn học-thuật mới, phần nhiều lấy sách tây làm gốc; dịch thẳng ở chữ tây ra, « khảo-đến tận nguồn », chứ không có làm lối « quanh-co dịch sách tây ở chữ tàu », như lời ông bạn nói trên kia. Nay được ông biết công cho như thế, bản-chi cũng lấy làm mừng. Còn như sự ông ước-ao, chính ký-giả cũng vẫn rắp định như thế. Vậy bắt đầu từ kỳ này, xin tiếp-tục bài « Các thời-kỳ lớn trong lịch-sử văn-minh thế-giới » mà biên-dịch bài « Thế-giới tiên-bộ sử » này, khảo-cứu ở các sách tây rất dịch-đáng mà lược chép ra lời văn ta lấy rõ-ràng.

1. — Lịch-sử địa-cầu và sự tiến hóa của các giống sinh-vật
 Lễ tiên-bộ là lẽ chung của vạn-vật. --

Trước khi xét về lịch-sử, tiến-bộ của loài người, nghĩa là xét người ta từ khi mới xuất-hiện trên mặt đất đến giờ, mỗi đời khôn-ngoan tài-giỏi hơn trước thế nào, phải biết rằng lẽ tiến-bộ ấy không phải chỉ riêng cho một loài người mà thôi đâu ; lẽ tiến-bộ là chung cho cả vũ-trụ, cho cả vạn-vật : cách mỗi thời-đại, vạn-vật lại đổi ra một cái trạng-thái khác, không giống cái trạng-thái trước và có thể cho là hơn trước được. Nghĩa là thế-giới biến-hóa luôn, có biến, mà lại có tiến nữa, và xét ra sự tiến-hóa ấy là từ giản-đơn mà đến phiền-phức, từ thuần-nhất mà đến hỗn-tạp (*du simple au complexe, de l'homogène à l'hétérogène.*)

Tỉ như cái nguyên-chất trong vũ-trụ lúc mới tạo-thiên lập-địa là một thứ khí thuần-nhất, sau dần-dần ngưng-tụ lại thành từng đám « tinh-vân » (星雲 *nébuleuses*), những đám tinh-vân ấy rồi sau lại rắn lại mà thành ra các tinh-tú trên bầu trời. Các giống sinh-vật ở trên mặt địa-cầu ta cũng vậy : lúc mới đầu còn là những giống rất đơn-sơ, sau mỗi ngày một phiền-phức, một hỗn-tạp mỗi lên, thành ra muôn loài muôn giống khác nhau. Trước khi khảo về sự tiến-bộ của loài người ta, hãy xin xét qua về sự biến-hóa trong các giống sinh-vật ở trên mặt đất, khác nào như làm một bài tra cho bộ « tiến-hóa-sử » của nhân-loại vậy.

Trong bài khảo về « Các thời-kỳ trong lịch-sử văn-minh thế-giới », đã nói rằng các nhà địa-chất-học thường chia trong vỏ địa-cầu có bốn tầng lớn gọi là « thạch-hệ », mỗi tầng đối với một thời-kỳ trong lịch-sử địa-cầu : đệ-nhất-thạch-hệ (*époque primaire*), đệ-nhị-thạch-hệ (*époque secondaire*), đệ-tam-thạch-hệ (*époque tertiaire*), đệ-tứ-thạch-hệ (*époque quaternaire*). Nay ta xét tường về mỗi thạch-kỳ ấy, các giống sinh-vật trên mặt địa-cầu biến-hóa ra thế nào. Thuộc về những thời-

đại xa-xôi thăm-thẳm như thế, các nhà bác-học ngày nay khảo-cứu chắc cũng không lấy gì làm có chừng-có chắt-bàng cho lắm, phần nhiều chẳng qua là ước-đoán mà thôi, nhưng không thể biết được hơn nữa, thời thế cũng là đủ, đây là theo ý-kiến của số nhiều các nhà bác-học đời nay.

Nói về đệ-nhất-thạch-kỳ (lâu ước 84 triệu năm).—Lúc mới đầu, khí-hậu nóng quá, chất địa-cầu còn lỏng, sau nguội dần đi, thành một lớp đá rắn, gọi là « lớp thứ nhất » hay là « lớp thái-cổ » (*couche primitive*). Rồi càng ngày càng nguội mãi đi, thành racô nước trên mặt đất, trong nước dần dần sinh ra các giống vật. Những giống vật ấy còn dễ di-tích lại. Nước chảy đi chảy lại, cuốn những đất cát, xếp thành từng lớp, vùi lấp các di-tích ấy đi, lâu ngày hóa thành ra như đá, nên gọi là « các giống hóa-thạch » (*fossiles*). Ngày nay đào sâu xuống dưới đất thấy từng từng từng lớp, mỗi lớp mỗi từng có những di-tích các giống vật khác nhau. Các nhà địa-chất-học nói rằng vỏ địa-cầu khác nào như một quyển sách ký-công của tạo vật (*archives de la création*), và mỗi một lớp đất là một chương sách ghi chép những giống vật sinh-hóa trong một khoảng thời-kỳ đó. Những lớp tích-lũy đã lâu nhất, ở dưới sâu hơn cả, gọi là « đệ-nhất địa-tầng » (*terrains primaires*), và thời-kỳ thành ra những lớp ấy gọi là « đệ-nhất-địa-kỳ » hay là « thạch-kỳ ».

Ở những lớp sâu nhất thuộc về địa-tầng thứ nhất, lớp này theo như ông Bác-sĩ HÆCKEL ước-lượng đã phải qua ít ra là 52 triệu năm mới thành — học về địa-chất cứ phải tính hàng vạn hàng triệu năm, như các « kiếp » trong kinh Phật, — tay hồi bấy giờ trên mặt địa-cầu đã đủ cách sinh-hoạt được rồi, mà xét ra không có những di-tích hóa-thạch của giống sinh-vật nào cả. Nay nay mới biết rằng trong nước bề hồi bấy giờ đã có mấy giống vật đơn-sơ, như giống « trích-trùng »

(*藻虫, infusoires*), « san-hồ » (*珊瑚, polypes*), nhưng không còn di-tích đến nay, vì những lớp đá chôn lấp các giống ấy ở gần địa-tâm, bị khí nóng trong ruột đất biến-hóa và đổi chất hẳn đi.

Trên những lớp ấy, vẫn thuộc về đệ-nhất địa-tầng, thời thấy di-tích hóa-thạch của nhiều giống cua-ốc gọi là « tam-diệp-trùng » (*三葉虫, trilobites*), vì thân nó chia ra làm ba mảnh giặc.

Cao lên mấy lớp nữa, thời đã thấy mấy giống cá đơ-sơ, xương mềm như sụn, với một vài giống về loài ếch-nhái (*batraciens*), trong giống này có con tổ thú-là như *(trilition)*, đầu giẹp như hình mũi nhà (*stégocéphale*), tức là tổ con thân-lân hay con thạch-thùng đời nay, có tính ở nước ở cạn được như giống ếch-nhái mà lại hồ như giống rắn.

Ai cũng biết rằng loài ếch-nhái là loài nửa bò nửa bò, thân nhỏ ở nước như cá, lớn lên ở cạn và bò rạp xuống đất như giống rắn. Xét những giống vật về đệ-nhất thạch-tầng thời biết rằng các giống ấy là những giống ở nước mà hình-thể đã hơi như giống bò cạn rồi.

Nói tóm lại, về đầu thạch-kỷ thứ nhất trong một khoảng nước tới 52 triệu năm, trên mặt địa-cầu mới có mấy giống hạ-dẳng-dộng-vật mà thôi, rồi đến khoảng 34 triệu năm sau mới xuất-liện ra mấy giống cua-ốc, mấy giống cá và mấy giống giẹp đầu (*stégocéphales*) về loài ếch-nhái, tuy vẫn còn là đơ-sơ lắm, nhưng sánh với những giống sau-hồ trich-trùng về khoảng trước đã thấy tiến-bộ, cơ-thể đã phức-hợp hơn và các bộ-phần cơ-quan đã rành-rẻ lắm.

Đây là nói các giống động-vật, đến các giống thực-vật, hình-thể cũng đơ-sơ lắm: như giống rêu (*mousses*), giống rong (*algues*), giống dớn (*fougères*), giống « châu-sỏi » (*lepidodendrons*),

giống mộc-lặc (*préles*), v. v. Hình-thể tuy đơ-sơ, nhưng khung-khở lại to lớn lắm, là nhờ có cái khí-hậu thấp-nhiệt đời bấy giờ lợi cho sự sinh-trưởng các giống thực-vật; thí-dụ như một giống dớn, thường mọc nhiều như rừng, to như cây cổ-thụ, 20, 30 thước cao. Nhưng; mà đời bấy giờ tịnh không có những cây giống như cây bây giờ, có lá đẹp, có hoa thơm. Hoa là cái sắc đẹp, cái « vẻ thơ » của tạo-vật, đời bấy giờ tuyệt-nhiên không có; tạo-vật tuy có đủ sức sinh được những cây to hai ba mươi thước, nhưng tựa-hồ như chưa đủ tài đủ khéo sinh được một bông hoa thơm vậy.

Nói tóm lại, về đệ-nhất thạch-kỷ, động-vật thực-vật trên địa-cầu đã phồn-thịnh, nhưng mà chủng-loại còn ít, hình-thể đơ-sơ; cảnh-vật còn như bức tranh thủy-mạc, một màu tối om, chưa có những hình-sắc sán-lạn như sau này vậy.

Nói về đệ-nhị-thạch-kỷ (lâu ước 11 triệu năm). — Trong thạch-kỷ thứ nhì, các giống cơ-thể-vật, vừa động-vật vừa thực-vật, vẫn cứ tuần-tự tiến lên. Tim trong các lớp đất đời bấy giờ, còn thấy di-tích những giống ốc (*mollusques*) to, hình-thể đã khác các giống đời trước và gần giống như các giống bây giờ. Lại nhất là có hai giống « ốc tù-và » (*ammonites*) và « ốc mũi tên » (*belemnites*).

Giống « ốc tù-và » có cái vỏ xoay tròn mấy vòng, con ốc nằm nửa mình ở trong, còn nửa mình thò ra ngoài, ngừng lên trên mặt nước, lợi lênh-dềnh như cái thuyền buồm để đi kiếm ăn. Những giống « ốc xoắn » (*sprules*), « ốc bơi » (*nautilus*) ngày nay, tức là con cháu của giống ấy.

Giống « ốc mũi tên » thời không có ốc ở ngoài, lại có ốc ở trong như cái khung để mang thịt, mà hình nhọn đầu, tựa như mũi tên. Con « ốc mực » (*calmar*) ngày nay là thuộc về giống ấy.

Giống cá về đời này thời không có

sụn nữa, đã có xương rồi, và to lớn hơn đời trước.

Các giống bò-rạp (*reptiles*) đời này đã xuất-hiện nhiều lắm, xét trong cơ-thể thấy tiến-hóa hơn loài ếch-nhái đời trước nhiều. Sinh-thực lại phần-thịch lắm, cho nên có nhà đã nói đệ-nhi-thạch-kỷ chính là «hoàng-kim-thời-đại của các giống bò-rạp» (*l'époque secondaire est le règne des reptiles.*)

Bao nhiêu những giống vật lớn về đời bấy giờ, dù ở cạn hay ở nước, đều thuộc về loài bò-rạp cả. Có giống bò-rạp ở dưới nước lội được, có giống ở trên cạn đi được, lại có giống bay bổng được lên trên không; giống sau ấy lạ nhất.

Giống bò-rạp lội được thời nhiều hơn nhất là hai giống « cá thường-luồng » (*ichtyosaures*) và giống « cá cò rắn » (*plésiosaures*). Giống trên hình cá, có chân bơi được mau lắm, lại có răng nhiều, chắc là dữ-tợn hay ăn thịt giống khác. Giống dưới thời đầu nhỏ, cổ dài, giống như con thằn-lân, có khi dài đến 12 thước tây.

Giống bò-rạp ở cạn đi được, hình-thể cũng to lớn chẳng kém gì các giống trên: như có con « thường-luồng sấm » (*brontosaure*) dài tới 18 thước. Ở Bắc-Mĩ và ở Bỉ-lợi-thi (*Belgique*) có tìm thấy xương hóa-thạch những con « thường-luồng đầu giẹp » (*stégosaures*) và « thường-luồng i-goan » (*iguanodons*), xem hình-thể cũng to lớn mạnh-mẽ lắm.

Giống bò-rạp bay được thời lạ lắm, nhưng có ít. Người ta có tìm thấy con « thường-luồng có cánh » (*ptérodactyle*), cái cánh nó cũng giống như cánh con dơi ta, làm bằng một miếng da sườn nối liền hai chân trên với hai chân dưới; cánh đơn - sơ như thế, nhưng cũng đủ để bay bổng được lên trên mặt đất.

Lại cùng sinh vào một thời-kỳ ấy thời có con « chim thái-cổ » (*archéoptéryx*), hình-thể hãy còn giống như giống bò-rạp, nhưng đã có lông có cánh tựa-tựa như các giống chim ngày nay rồi. Con này chắc là biểu-hiệu cái lúc giao-thời giống bò-rạp đưng bóa ra giống chim-bay; coi thể thời biết rằng các giống vật giống nọ chuyển-biến sang giống kia thật là liên-tiếp nhau như các cái vòng trong giây súc-sích, không có gián-đoạn một chút nào vậy.

Trong các lớp đất về cuối đệ-nhi-thạch-tầng còn có thấy mấy con vật thuộc về bậc hạ-dãng trong loài có vú (*mammifères*) mà lại là giống đẻ trứng (*monotrèmes*); lại có một con cũng thuộc về loài ấy mà có cái túi-da ở dưới bụng để đựng con (tên tây là *phascolothérium*, nghĩa là con vật có túi.)

Các cây - cối về đời này sầm-uất như cây ở các xứ nhiệt-đới ngày nay; đã có một vài giống có hoa, nhưng hoa còn giản-dị đơn-sơ lắm.

Nói tóm lại, các giống động-thực-vật về đời này sánh với đời trước đã thấy phiền-phức hơn; chủng-loại đã nhiều và các cơ-thể đã tinh-tế hơn. Đời này đã hiển-nhiên có tiến-bộ hơn đời trước vậy.

Nói về đệ-tam-thạch-kỷ (lâu ước 3 triệu năm). — Đến thạch-kỷ này, mới xuất-hiện ra những giống có vú thật hoàn-toàn, như các giống có vú đời nay, và hình-thể không còn mơng-tượng như các giống bò-rạp đời trước nữa. Giống có vú là giống đưng đầu trong các loài động-vật. Giống có vú về đời bấy giờ phần nhiều là những giống « da giầy » (*pachydermes*), như con « tê thái-cổ » (*paléothérium*), giống như con tê-tượng ngày nay, hiện đã tìm thấy xương có thể khôi-phục thành hình được.

Rồi đến các giống có vòi, hình giống như con voi bây giờ ; có con hai ngà (*dinotherium*), giống này to lớn nhất, cao đến 6 thước, nó có hai cái ngà quắm ở bên dưới, dùng để đào các rễ cây mà ăn ; có con bốn ngà (*mastodontes*), hai ngà vào hàm trên, hai ngà vào hàm dưới, to chừng bằng con voi bây giờ, nhưng sức mạnh lắm.

Trong loài có vú lại thấy xuất-hiện ra mấy giống vượn to (*dryopitèque, plio-pitèque*), giống như các giống hầu giống vượn bây giờ và đã hơi mưng-trọng như hình người. Đứng vào bậc đầu trong giống ấy là một thứ đười-roi gọi là « người vượn » (*pithécanthrope*), chính là tổ của giống người bây giờ. Người ta đã tìm thấy ở đảo Java những di-tích của giống « người vượn » này, có thể khôi-phục thành hình được ; lại chung quanh thấy những vết lửa cùng những mảnh đá lửa đập vỡ, thời biết có lẽ giống này đã biết dùng lửa rồi.

Cây-cối đời bây giờ thời phần nhiều đã giống như cây-cối đời bây giờ.

Đại - khái cái cảnh - tượng trên mặt đất về đệ - nhị - thạch - kỳ không khác gì cảnh - tượng đời nay mấy tí, duy chỉ còn thiếu các giống cao-đẳng-động-vật, và thứ nhất giống người là cái kết-quả tối-cao của sự tiến-hóa trong các loài sinh-vật.

Trong các thời-kỳ ta vừa kể trên đó, thời-kỳ thứ nhất lâu nhất, đến thứ nhì thứ ba thời kém dần mãi đi ; vậy mà càng kém đi, sự biến-hóa lại càng sâu, càng nhiều, coi đó thời biết rằng các giống đã bắt đầu biến-hóa thời cái sức biến-hóa càng ngày lại càng tăng thêm mãi lên. Bước đầu chắc là khó-khăn và chậm-chạp, vì phải lay cho chuyển cái đồng vật-chất nặng-nề ; nhưng đã chuyển rồi thời càng ngày hoạt-động càng mạnh, biến-hóa càng mau, từ trước đến giờ biến-hóa đã mau như thế, từ nay về sau

biến-hóa còn mau hơn nữa. Tin rằng vạn-vật đều có biến-hóa và biến-hóa mỗi ngày một hay hơn lên, đó chính là cái lẽ tiến-bộ mà khoa-học đời nay đã phát-minh ra vậy.

Nói về *đệ-tứ thạch - kỳ* (trước 10 vạn năm). — Thạch-kỳ này bắt đầu từ 10 vạn năm về trước, hiện nay vẫn hãy còn. Đầu đời này còn thấy những động-vật giống như đời trước, rồi sau thấy xuất-hiện ra mấy giống mới nữa, nhưng vẫn còn chưa giống hẳn các giống bây giờ, coi đó thời biết có tiến-hóa.

Như các nhà bác-học đã phát-minh được một giống voi cổ gọi là « ma-mút » (*mammouth*), giống này may tìm được nguyên cả xác lấp ở trong bãi nước-đá đất Sibérie, không thối-nát gì cả, xét ra thời đã khác đời trước và gần giống con voi ta bây giờ.

Lại có giống hươu (*nenne*), sừng to và bệ, dùng để sức đất đào cây như cái sừng vậy.

Con gấu hang (*ours des cavernes*), người ta có tìm thấy nhiều bộ xương nguyên ở trong các hầm vùng núi Py-rénées ; giống này to-lớn mạnh-bạo và hay ăn thịt.

Còn có một giống gấu không răng (*mégathérium*), phục-phịch nặng-nề, dài đến bốn thước, cao đến hai thước.

Chim thời có giống chim chạy (*d'nornis*), to lớn lực-lượng, nhưng mà chỉ chạy được, không bay được, hình-thể giống như con chim không cánh (*aptéryx*) ở đảo Nouvelle-Zélande.

Sau hết thời đến một giống « người rùng », có lẽ chính là giống « người vượn » đời trước đã tiến-bộ được một tầng vậy. Sách gọi là giống « dã-nhân » (*homo stupidus*).

Cây-cối đời này không biến-hóa gì mấy, đại-khái cũng giống như ngày nay.

Nói tóm cả bốn thạch-kỳ trên : mới đầu mới có những giống cây giống vật rất đơn-sơ, mỗi giống sinh-trưởng lên thời lại biến-hóa đi, biến-hóa đi thời lại phiên-phức ra, sinh ra có nhiều những tính-cách mới, những tính-cách ấy nhờ sự di-truyền (*hérédité*) truyền mãi đi, càng truyền lại càng biến mãi đi và phiên mãi ra, sau thành ra khác giống cũ; càng ngày càng khác, rồi đến khác hẳn mà thành ra giống mới; bởi thế mà sinh ra những loài thuộc về cua-ốc, loài cá, loài ếch-nhái, loài bò-rạp, loài chim, loài có vú, sau cùng đến giống « người vượn », rồi đến « người rừng » là nguyên-tổ loài người ta bây giờ.

Trong năm-mươi triệu năm đầu, trên mặt địa-cầu chỉ có những giống vật đơn-sơ, không có xương, ở dưới nước. Trong ba-mươi-tư triệu năm sau, mới thấy các giống cua-ốc, cũng vẫn ở nước. Đến khoảng mười-một triệu năm về đệ-nhi-thạch-kỳ, bèn xuất-hiện các giống bò-rạp, nửa ở nước nửa ở cạn; thế là đã bắt đầu có giống ở cạn. Vào khoảng ba triệu năm về đệ-tam-thạch-kỳ thời những chim muông hiện ra vô-số, hình-thể càng ngày càng hoàn-toàn. Sau hết, đến trong khoảng 10 vạn năm về đệ-tứ-thạch-kỳ thời ở trong các giống chim muông xuất-hiện ra giống người là giống hoàn-toàn hơn nhất cả, nhờ có trí-tuệ, gây ra văn-minh, mà mỗi ngày lại càng tài-giỏi khôn-ngoaan mãi lên.

Trong các giống động-vật ta vừa kể trên đó, giống họ dần-dần chuyển sang giống kia, là qua nhiều bậc trung-gian mới thật định-thành mô-giang, không phải vụt giống nọ mà thành giống kia, thế thời đủ biết rằng sự sinh-hoạt trên mặt đất có tiến-bộ dần-dần và liên-tiếp không dứt. Tỉ như một giống ngựa : từ con long-mã (*phenacodus*) đến con ngựa ta bây giờ,

trung-gian các nhà bác-học đã tìm thấy bốn-mươi-tư thứ ngựa, mỗi thứ khác nhau một tí, khác nào như bốn-mươi-tư bậc thang, tự xưa lần-lần đến giờ vậy. Quan-sát những sự biến-hóa lần-lần, cho dò tìm thấy cái vết thay-đổi của vạn-vật, từ bậc thấp tiến lên bậc cao, như trèo cái thang vô-bạn, đó là một cái công-phu vĩ-dại của khoa-học đời nay vậy.

Ông HÆCKEL là nhà bác-học có tiếng ở nước Đức về phái « biến-hóa » (*transformiste*) đã ức-dạc mà phác-họa được thành một cái « cây thế-hệ » (*arbre généalogique*) của các giống sinh-vật trên mặt đất, từ con « nguyên-sinh-rừng » (*monère*) cho đến loài người ta.

Trong sách « Thế-giới tiến-hành luận » (*Le monde marche*) của ông Bác-sĩ PELLETAN có câu rằng : « Sách cảnh-trọng địa-cầu bây giờ với địa-cầu đời trước, thấy hiển-nhiên có tiến-bộ trong cách gây-hình tổ-chức vạn-vật. Cứ xem toàn-bộ những giống vật kỳ-quái đã đến trước người ta mà quyền làm chúa-tể trên địa-cầu thời đủ biết vậy. » Lại một nhà làm sách khác nữa, có câu rằng : « Như thế thời người ta không phải là một vị thiên-thần bị giáng-hạ xuống địa-giới như trong tôn-giáo thường dạy, chính là một con động-vật đã kinh-qua nhiều lần biến-hóa mới tới bây giờ vậy »

2. — Sự tiến-hóa trong cơ thể giống người.

Người ta không phải là một giống đặc-biệt; chẳng qua cũng là một con vật như các con vật khác. Bởi có tư-tưởng, bởi biết hợp-quần, nên lên cao hơn được các giống kia, nhưng lúc nguyên-thủy cũng là ở trong loài động-vật, duy là giống động-vật hoàn-toàn nhất mà thôi. Sự sinh-hoạt trên mặt đất vì như một cái cây to lớn thời các giống vật khác là những cành

trà-tranh, cành thấp cành cao, sâm-si khác nhau, đến giống người ta là cái bông hoa trót-vót đầu cành vậy. Bởi thế nên trước khi nói về người ta phải xét qua các giống động-vật khác tiến-hóa ra làm sao. Xét thế mới biết rằng người ta vốn là kết-quả của sự tiến-hóa đời trước, nên trong bản-năng vẫn có cái khuynh-hướng về đường tiến-hóa. Song cũng lại phải biết rằng sự tiến-hóa đời trước ấy là sự tiến-hóa thiên-nhiên, sự tiến-hóa theo lẽ tự-nhiên, không do ý-thức. Tuy lúc mới sinh ra nhân-loại, giống « người vượn » với giống « người rừng » chẳng qua cũng là tiến-hóa theo lẽ tự-nhiên đó mà thôi, nhưng mà dần-dần người ta này trí-tuệ, có ý-thức ra, thời không phải chỉ tiến-bộ như cái máy mà thôi. Đến khi đã biết cái địa-vị mình, biết cái giá-trị mình, biết mình là giống thông-tuệ khôn-ngoa, thời bấy giờ tự ý tự chí, ra sức ra công, làm cho mỗi ngày một hay hơn lên, bước cho mỗi ngày một tấn-tới lên; bởi thế mà ngoài sự tiến-bộ thiên-nhiên lại có một sự tiến-bộ của nhân-loại nữa, sự tiến-bộ này lại mau chóng và rực-rỡ hơn sự tiến-bộ kia nhiều.

Sự tiến-bộ của nhân-loại ấy lúc mới đầu còn chưa được rõ-rệt lắm, một là hãy còn chậm-chạp, hai là tựa-hồ như có lúc đứng tiến lại thấy thoái, cho nên có người ngờ là không biết có tiến-bộ thật hay không; nhưng ngày nay thời đã hiển-nhiên rồi, không còn nghi-ngờ nữa. Cứ lấy toán-thể nhân-loại mà xét thời thấy có tiến thật, mà càng tiến lại càng mau, càng xa đời thượng-cổ và gần về cận-đại thời sự tiến-bộ lại càng thấy rõ-rệt vậy. Cái đó cũng không có lạ gì, vì một sự tiến-bộ này xui-giục ra nhiều sự tiến-bộ khác, một cái hay cái tốt tất sinh-sôi nảy-nở ra vô-số cái hay cái tốt khác, như nhân mãi lên, thành ra vô-cùng.

Tới ngày nay thời sự tiến-bộ đã rõ-rệt đến thành hẳn một cái chủ-nghĩa, một sự tin-ngưỡng của người loài; thành một cái động-lực khiến cho người ta hoạt-dộng, mà là một cái động-lực rất mạnh, vì nó hành-dộngra hai cách: một cách có thể gọi được là « tiến-cực », một cách có thể gọi được là « tích-cực. » « Tiến-cực », là nó bày tỏ cho người ta trông rõ cái cõi vật-giới ở dưới mình, là nơi ti-tiện xấu-xa, người ta đã kinh-quá biết mấy nghìn vạn năm mới thoát khỏi, ngày nay tất hết sức muốn lánh cho xa, lên cho cao, để không thể truy-lạc vào đấy nữa. « Tích-cực », là nó bày cho người ta ở con đường trước mắt một cái cõi đẹp-đẽ, khôn-ngoa, công-bằng, đạo-đức, để giục lòng tiến lên cho tới được, khác nào như cầm cho cái đích để noi theo, nhất-thiết muốn ganh-đuá với cò-nhân cho được hơn cò-nhân mới nghe.

Người ta phải có lòng tin ở lẽ tiến-bộ thời sự tiến-bộ mới càng ngày càng mau thêm lên; lòng tin ấy chính là cái thuật sinh-tồn của người ta và của các dân-tộc vậy.

Nói về sự tiến-hóa trong cơ-thể người ta về đệ-tứ-thạch-kỳ. — Đầu các sự tiến-bộ của loài người là tiến-bộ trong cơ-thể người ta. Sự tiến-bộ này là biểu-hiệu hiển-nhiên của các sự tiến-bộ khác, vì người ta mỗi ngày một hơn lên, cứ xem ngay các bộ-phần trong thân-thể mỗi ngày một hoàn-toàn ra thời đủ biết; như cái trán nở rộng được khối óc to, thế là biểu-hiệu sự thông-minh; con mắt thẳng, nhìn ngay trước mặt trừng-trùng, thế là biểu-hiệu cái tinh-tự-do độc-lập; thân-thể vừa mạnh-mẽ và vừa mềm-mại, vừa thẳng-thần và vừa giông-giặt, thế là biểu-hiệu cái tư-cách kiên-ngệ thanh-cao, v. v.

Những người thái-cổ về đầu đệ-nhị-thạch-kỳ, nghĩa là ít ra 10 vạn năm nay, thật không khác gì con vật, sánh với những dân rất dã-man mới phát-

minh trong khoảng thế - kỷ trước, lại còn thô-bỉ tục - lẫn hơn nhiều. Người đó ở trong hang trong hầm, săn bắt các giống vật mà ăn, ăn thời ăn sống nuốt tươi, có khi ăn thịt lẫn cả nhau (hiện nay cũng còn sót một vài dân dã - man có thói ăn thịt người). Suốt đời chỉ những chống-cự với các mãnh-thú đời bấy giờ cùng những kẻ đồng-loại mình ; sức mạnh có thật mà tri - khôn thời hãy còn hẹp - hòi lắm.

Nhưng bởi sự cần-dùng phải nghĩ chế ra các đồ, trước còn dùng những cành cây, những tảng đá làm khí-giới, sau đã biết đập đá ra từng mảnh, rồi chuốt đá mà làm đồ dùng (cái dao, cái cạo, cái dùi, v.v.). Rồi dần dần mới biết làm đồ bằng đồng bằng sắt. Các nhà làm sách thường chia đệ-tứ-thạch-kỳ ra làm năm đại - thời - kỳ (*âges*), mỗi đại-thời-kỳ lại chia ra tiểu - thời - kỳ (*périodes*) theo như cái biểu sau này :

ĐẠI - THỜI - KỲ	TIỂU - THỜI - KỲ
<p>Đời đá đập hay là « cự-thạch-đại » (<i>âge paléolithique</i>)</p>	<p>Thời-kỳ <i>Chelles</i> (còn di-tích tìm được ở bãi cát <i>Chelles</i>, hạt <i>Seine-et-Marne</i>, nước Pháp).</p>
<p>Đời đá chuốt, hay là « tân-thạch-đại » (<i>âge néolithique</i>)</p>	<p>Thời-kỳ <i>Saint-Acheul</i> (tìm thấy xương con voi « ma-mút » ở <i>Saint-Acheul</i>, hạt <i>Somme</i>, nước Pháp).</p>
<p>Đời dùng đồng thau (<i>cuivre</i>)</p>	<p>Thời-kỳ <i>Moustier</i> (tìm thấy xương con gấu lớn ở <i>Moustier</i>, hạt <i>Dordogne</i>, nước Pháp).</p>
<p>Đời dùng đồng thiếc (<i>bronze</i>)</p>	<p>Thời-kỳ <i>Solutré</i> (thấy di-tích ở <i>Solutré</i>, hạt <i>Saône-et-Loire</i>, nước Pháp).</p>
<p>Đời dùng sắt</p>	<p>Thời-kỳ <i>Madeleine</i> (thấy xương con hươu ở <i>Madeleine</i>, hạt <i>Dordogne</i>, nước Pháp).</p>
	<p>Thời-kỳ ở hồ thứ nhất.</p>
	<p>Thời-kỳ ở hồ thứ nhì.</p>

Muốn biết những giống người cổ ấy tri khôn ít nhiều thế nào, cứ xét ngay hình-thể và dung-tích cái sọ những người ấy thời biết.

Hình-thể cái sọ, đời nọ sang đời kia, khác nhau nhiều lắm. Người ta đã so-sánh ba cái sọ giống « người vượn » (*pithecanthrope*) về cuối đệ-tam - thạch - kỳ đầu đệ - tứ - thạch - kỳ (một cái của ông *KRAMBERGER* tìm thấy ở *Krapina* gọi là *pithecanthropus krapinensis* ; một cái của ông *D^r Du-bois* tìm thấy ở đảo *Java* gọi là *pitheanthropus erectus* ; một cái tìm thấy ở

Neanderthal, gọi là *pithecanthropus neanderthalensis*) với các sọ giống « người rừng » về đầu đệ-tứ-thạch-kỳ tìm thấy ở *Cro-Magnon*, thời thấy ba cái trước lỗ mắt lồi, mũi rẹt, hàm răng to, đến cái sau thời đã thấy bớt dần đi. Đại-đề các giống người đời xưa hàm răng giở ra (*prognathes*) như giống hươu giống vượn bây giờ ; càng về gần đời nay thời hàm càng thu dần vào. Bây giờ những giống còn dã-man, như mấy giống da đen, vẫn còn thấy hàm giở ra.

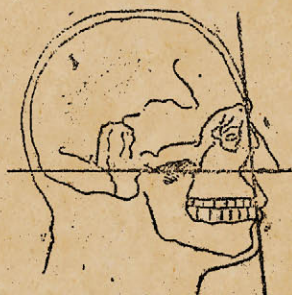
Có một cách khảo-nghiệm, là cách đo góc mặt (*angle facial*). Đo góc mặt

tức là đo hình sọ; vạch một đường giọc từ phần giữa trán cho đến sống mũi dưới, lại vạch một đường ngang từ sống mũi dưới cho đến sau tai, rồi đo cái chỗ góc trước-thợ hai đường gặp nhau, thấy rộng hẹp khác nhau,

càng về thượng-cổ càng hẹp, càng gần đời nay càng rộng, càng người dã-man càng hẹp, càng giống văn-minh càng rộng.

Đo góc mặt như thế thời thấy rộng hẹp như sau này :

Các giống vượn thượng-dăng.....	góc mặt rộng là 65° (độ).
Giống « người vượn » ở Krapina (<i>Pithecanthropus krapinensis</i>) —	66° —
Người giống da đen.....	70-72° —
Đầu người tìm thấy ở miền Bougon.....	72° —
Người giống da vàng.....	76-77° —
Người giống da trắng.....	80° —
Tượng thần Jupiter (là pho tượng đẹp nhất của Hi-lạp đời xưa, có thể cho là cái mẫu hoàn-toàn của hình-thể người ta, sau này có ngày tới được thế).....	90° —



Người da trắng
Góc mặt rộng (80°)



Người da đen
Góc mặt hẹp (70°)

Lại còn một cách khảo-nghiệm nữa, là đo lòng sọ rộng hẹp thế nào, xem đó cũng biết rằng từ xưa đến giờ cái

thể-tích của sọ người ta đã rộng ra nhiều lắm, tức là cái óc đã to ra nhiều :

Sọ người đời cổ tìm thấy ở Néanderthal (đầu đệ-tứ-thạch-kỷ), dung-tích là 1220 centim. cubes.	
Sọ người thổ-dân ở Úc-châu (Australie) đời nay... —	1228 —
Sọ người Ai-cập tìm thấy trong các hang hầm... —	1240 —
Sọ người Mã-lai (<i>Malais</i>) đời nay..... —	1328 —
Sọ người ở thành Paris về thế-kỷ thứ 13..... —	1425 —
Sọ người Paris đời nay..... —	1558 —

Người đời thượng-cổ, cái dung-tích sọ cũng bé như sọ con trẻ, bằng sọ các giống dã-man đời nay. Đời nọ sang đời kia, cái dung-tích ấy rộng mãi ra; theo như ông Broca đã xét nghiệm, sọ người Paris có trong mấy thế-kỷ

mà to ra nhiều lắm. Chắc người các giống văn-minh khác cũng thế.

Coi đó thời biết qua đời nọ sang đời kia hình-thể đầu-sọ người ta đổi đi nhiều lắm, trước giẹp sau tròn,

trước dung-tích hẹp, sau dung-tích rộng.

Lại người đời thượng-cổ cánh tay dài hơn người đời nay. Cánh tay của người Paris cũng mỗi đời ngắn kém đi một ít.

Xương người thượng-cổ to lớn lắm: xương đùi tròn trùng-trục như cái cột, xương ống chân cũng như cái cột giọc đôi; xương ở cái sọ Néanderthal có chỗ dày tới hơn 1 centimètre; xương cằm dưới vừa to mạnh và vừa giở ra.

Tóm lại thời người thượng-cổ chẳng qua cũng là một con mãnh-thú, trán hẹp và lứt đi, hàm to và giở ra, mắt bé, chân tay to, mặt hình miếng trám. Hiện nay cũng còn một vài giống dã-man ở Phi-châu Úc-châu như thế, duy không có sức mạnh bằng người đời xưa mà thôi. Sánh những giống người ấy với người văn-minh

đời nay, xa cách nhau biết bao nhiêu ! Nhà triết-học nước Anh, ông HERBERT SPENCER đã nói rằng : « Sánh hình-thể một người Papou (là người dã-man ở châu Phi) đời nay với ông NEWTON (tàu dịch là Nữu-đốn) cách xa nhau nhiều hơn là con vượn với người Papou vậy ». Ấy sự biến-hóa của nhân-loại mau như thế. Các giống khác cũng có tiến-hóa, giống thời chạy nhanh, giống thời bay cao, giống thời lội tạt, nhưng đều không được mau bằng giống người, vì giống người được hơn các giống là biến-hóa trong não-chất nhiều, mà não-chất lại là nơi trụ-sở của trí khôn, nên càng biến-hóa lại càng khôn hơn lên, càng khôn bao nhiêu lại càng tiến-bộ bấy nhiêu vậy.

(Còn nữa)

HỒNG-NHÂN biên-dịch

SÚ-HOÀ NHÀN-VỊNH⁽¹⁾

(Dịch thơ triều Lê)

IV

34. — Cảnh núi Ấn-sơn

Buồm theo gió thổi, sóng vỗ chèo nhanh, chưa bao lâu đã qua huyện Bình-lạc, lạ-lùng thay cho phong-cảnh ở đây, sông chia ba ngã, tron-von núi mọc giữa dòng, như cột trời, như cây đá, thế bích-lập, ngọn vân-bình, bên bên ôm lại như hình vòng cung. Ngai mới lên núi ngắm cảnh, trên có cái đình, biển đề « Điều-thúy », hình xây bát-giác, thế học tứ-vi, thực là một nơi danh-thắng :

Cung-giang một ngọn tiêu-cô-phong,
Đèo thúy mài xanh ẩn giữa dòng.
Dáng tượng viên-châu rồng nhả nước.
Hình ngò bảo-thạch hạc rơi không.
Cương-nham bốn mặt liền vây trướng.
Xa chéch hai bên nửa uốn cung.
Danh-thắng lại thêm đình Điều-thúy,
Giang-sơn đó cũng một non Bồng.

35. — Sớm ngày sang đò sông Chiêu-giang

Qua vùng Bình-lạc đến cửa sông
Chiêu, thì trời vừa rạng sáng, trở mũi
thuyền lan, trông ra nước phẳng một

(1) Xem Nam-Phong số 48, trang 432-435; số 49, trang 62-67; số 50, trang 129-132.

lần, núi non quanh quất hai hàng cao-cao, ngửa lên trông thì đầu non nhả khói, kẽ đá phun mây, cây cối xanh u tứ-phía, dầm khe trắng xóa một dòng, như gương trong, như bát úp, như rốn bể, như thành mây, người đang ngắm cảnh, thuyền đã xuôi dòng. Giang-hồ quen thú vẫy-vùng, xa-xa trông lại cao ngậm một bãi :

Dải sông êm ả ngọn kinh-ba,
 Một chiếc thuyền lan gõ mái qua.
 Núi chạy thế tèo cò chuyền-chiết,
 Nước trong khi dĩa gió thanh hòa.
 Cây xanh láng xóm in màu khói,
 Hoa đỏ dầm khe nhuộm bóng hà.
 Phong cảnh thực không rời ửng tiếp,
 Dẽ nên diễm-xuyết lá thi ca.

36. — Buồng thuyền chơi núi Họa - sơn

Thuyền đi tới huyện Quế-âm thì chiều, trời đã thuộc về tiết xuân, lá liễu srong bay, bông mai tuyết diễm. Ngài mới dùng thuyền lại bước chân lên thưởng-cảnh Họa-sơn, bấy giờ nước lặng mây quang, trời êm tiết ấm, trông ra tứ phía chập-chồng núi đá, coi như những trướng gấm dựng bên bờ sông, dưới thì nước xanh như dải lá nhuộm lục, dòng phẳng như dây lụa trắng ngang, khác nào một bức tranh treo, thợ trời khéo vẽ :

Buồm gió cao cao dòng nước xa,
 Bông xuân nhàu-nạt khi xuân hòa.
 Màu yên ngang thắt đai rừng lại,
 Mặt núi nghiêng chao mũi lịch (1) qua.
 Trắng xóa srong-nham dây bạch-luyện (2)
 Xanh liền biệch-lạc dải thanh-la (3).
 Hỏi ai ai ấy tay kỳ-họa,
 Họa được thên-nhiên mới gọi là.

(1) Mũi-lịch = Mũi thuyền có hai mặt.

(2) Bạch-luyện = Nước suối trắng như lụa.

(3) Thanh-la = Nước sông xanh như là.

(4) Đền ngự = Đền đốt bằng mỡ cá.

(5) Gối điệp = Gối nằm mơ giấc bướm.

(6) Nói tỉnh nhớ nhà quê.

(7) Đất hiểm nhất trong nước Tàu, hai người đứng trong đánh nổi trăm người ở ngoài.

(8) Vua Việt tên là Câu-Tiến.

37. — Đêm nghe tiếng hát

Hạ - tuần tháng hai thuyền vừa đến thành tỉnh Quảng-tây, ngài đậu thuyền lại dưới đình Trạm-án, ngày hôm ấy mưa xuân phun-phún như sương bay tuyết xuống, như gieo ngọc phun châu, trông ra sông nước một màu long-lanh. Lơ-thơ lơ liễu buồn mành, con oanh học nói trên cành mĩ-mai. Đến mai nghe tiếng sinh ca trên đình rẻo-rất, tiếng khoan như gió thổi ngoài, tiếng mau sầm-sập như trời đổ mưa, tình riêng riêng những ngẩn ngơ, lữ-đình lúc ấy có thơ thuật hoài :

Mờ-mịt mây đen khắp một thành,
 Sịch nghe dào hát tiếng trên đình.
 Hòa mưa cao thấp rơi bên trướng,
 Theo gió khoan mau lại trước mành.
 Bật khách đèn ngư (4) dong một bóng,
 Làng quê gối điệp (5) tỉnh năm canh.
 Ngựa Hồ chim Việt (6) lòng riêng chạnh,
 Hoài-thở ngậm nên khúc tả-tình.

38. — Phong cảnh thành Quế-lâm

Thành này ở về tỉnh Quảng - tây, một mặt sông ngăn, ba bên núi bọc, giang-sơn rộng-rãi như riêng một góc trời. Trong cảnh có lần thành Việt-vương, ngọn núi Độc-tử, trại quan Phục-ba, đền ông Gia-cát, song-song tả hữu hai bên xóng bầy, đôi ngọn có dải thất-tinh, giang-sơn sao khéo hữu-tình, nhìn xem phong-cảnh ngậm-thành bài thơ :

Trăm-hai hình-thể trướng Quan-trung (7),
 Ba mặt hoàn-sơn một mặt sông.
 Góc trại Phục-ba thành bãi ngựa,
 Bên đài Gia-cát ám mây rồng.
 Bá vương (8) đất hiểm lần thành đứng,

Tinh-đầu(1) đèo cao bảy ngọn chồng.
Chốt máy kia kia non Độc-tú,
Tron von một cột đỉnh trên không.

39. — Cẩm nhợ thành cổ

Trong thành tỉnh Quảng có một lần thành gọi là cổ-thành, tường xây bằng đá rất là chắc-chắn, mặt chính-nam ba cửa, còn ba mặt mỗi mặt một cửa, sân thêm lát đá, bệ lên nhiều bậc, chính là một chỗ triêu-thị ngày xưa, trong có núi Độc-tú, cao ba bốn nghìn trượng, sau nhà tắm-điện có ao bán-nguyệt, vòng quanh chân núi, tương-truyền là thành cũ của ông Việt vương.

Chỉ những đèo ao (2) cả nước Ngô.
Tiếc cho lại được bữa Cô-tổ (3).
Trạm mây cột đá (4) lần mây tỏa,
Tắm nguyệt ao xuân (5) mảnh nguyệt cổ.
Đứng vững bốn bên tường điệp-trĩ (6),
Chiếu không sáu cửa hồng tà-ô (7).
Giang-sơn khách lại còn lưu-luyến.
Cụ Phạm (8) lòng nao một Ngũ-hồ.

40. — Trại quan Phục-ba

Trại này ở về phía đông thành, cao năm trăm trượng, đối ngọn có chùa Thê-hà, dưới có đền thờ ông Mã-Viện, trong đền rộng-rãi, cửa trại thênh-thang, bên đông đá mọc như cột dựng,

tục hiệu là hòn đá thử grom của quan Phục-ba, trông hãy còn như vết grom chặt, bên trên có đài quán, nhân thế núi lập thành ra :

Quả núi bên sông nước nửa vầy,
Phục-ba một trận đấu còn đây.
Đá xưa thí kiếm (9) trùn rêu cỏ,
Độ-g cũ đình tham (10) tỏa khói mây.
Tựa mái ngư ông (11) ca nhỏ nhỏ,
Đeo hồ sứ-khách (12) hứng say say.
Tướng quân (13) trông lúc sang Nam-việt,
Giới trụ (14) nêu cao để chốn này.

41. — Quế-lâm bát-cảnh

(Thành Quế-lâm có tám cảnh đẹp)

Quanh thành Quế-lâm, non xanh nước biếc, danh - thắng rất nhiều, tương-truyền có tám cảnh đẹp hơn cả : 1^o núi Vòi-voi, 2^o núi Chọi-gà, 3^o chùa Thê-hà. 4^o lầu Chuông-trống, 5^o núi Lưu-tiên, 6^o núi Thất-tĩnh, 7^o ngọn Độc-tú, 8^o đền Gia-cát.

1 — Núi Vòi-voi.

Cửa đông một quả núi xanh,
Ước chừng nửa dặm cách thành chẳng xa,

Dưới chân nước tạp chảy qua,
Nguyên-danh người vẫn gọi là tạp-san.
Một dãy rừ bên than vòi-vòi,

- (1) Núi thất-tĩnh.
- (2) Lòng báo thù nước Ngô.
- (3) Tên đền vua Việt.
- (4) Núi Độc-tú.
- (5) Ao bán-nguyệt.
- (6) Tường thành cao.
- (7) Mặt trời xế.
- (8) Ông Phạm-Lãi biết nước Việt sắp bại, chèo thuyền đi chơi Ngũ-hồ để lánh nạn.
- (9) Vết thử grom.
- (10) Đình-tham = chốn dừng ngựa.
- (11) Ngư-ông = ông đánh cá.
- (12) Sứ-khách = quan đi sứ.
- (13) Chỉ quan Phục-ba.
- (14) Giới-trụ = cột đá phân địa-giới.

Trăm nghìn dòng nước sói chung-quanh.

Thông-nham một khiểu hữu-tình,
Nhác trông cảnh tượng như hình vôi-

Ngài vừa dạo gót lên chơi, [vôi.
Thong-dong có vịnh một bài cổ-thi :

Ngà mây cốt đá sắc rêu rêu,
Rủ xuống bờ sông hiệu một điều.
Trện lớp sóng rền lời thét mạnh,
Quần dòng nước xối tuyết phun cao.
Nửa trung gác tháp tầng sinh khói,
Một khiểu thông nham thế nuốt triều.
Trần áp thành đông nghìn dặm đất,
Trái bao lãng cốc (1) vẫn không xiêu.

2

Núi Chọi-gà.

Núi kia hai dặm cách thành,
Đường đường đất Việt chênh-vênh
nghìn trùng

Lưng non giải tấm bình-phong,
Gót sa đạp lại một dòng Quế-giang.

Yên-quang với ba-quang một sắc,
Bóng cây lồng cỏ biếc mây xanh.

Hai bên đầu đá chông-chênh,
Nhác trông mảng tượng như hình dấu-
[kê.

Bên sông hai dải núi chênh-vênh,
Vẫn trông như tranh lại chẳng tranh.
Mỏ đá ngang mây chiều cũng-hướng, (2)
Gót sa đạp nước thế tung-hoành (3).
Khói mờ thu-sắc (4) in màu tía,
Sóng lộn xuân-quang (5) ánh vẻ xanh.
Khách lại dừng thuyền xem khí-thế.
Muốn đem Hán Sở (6) vẽ nên tranh.

(1) Lãng cốc = gò sụt thành hồ, nghĩa là cuộc đất đổi dời.

(2) Cũng-hướng = châu lại.

(3) Tung hoành = dọc ngang.

(4) Thu-sắc = sắc mây tía mùa thu.

(5) Xuân-quang = bóng vẻ xanh mùa xuân.

(6) Hán-Sở = ông Hán Cao-tổ cùng ông Sở Hạng-vương tranh nhau thiên-hạ trong năm năm trời.

(7) Thiên-thai = núi có động tiên ở.

(8) Tăng-viện = nhà sư ở.

(9) Phạn-gia = nơi tam-bảo.

(10) Vạn-niên = hoa cây từ cầu vạn niên.

(11) Bách-thiệt = chim oanh hót.

(12) Niêm-đề = các nơi có chữ đề vịnh.

(13) Vãng ô = bóng mặt trời.

3

Chùa Thê-hà.

Bên thành bảy dặm cách sông,
Ai đi một cảnh non Bồng tới nơi.

Lưng chừng núi có khai một động,
Về đài liêu lãn bóng đan-hà.

Từ-cầu gắm vóc thêm hoa,
Hoàng-oanh tiếng tiếng sinh ca vang
lừng.

Biên đề chữ rằng đường Hoan-biểu.

Nước vàng son nét nét tươi-mầu.

Tả biện là chốn cao cao,

Dinh trắng gác gió cành dao cây quỳnh.

Khen cho phong cảnh hữu-tình,

Kê danh-thắng nhất châu-thành mọi
[nơi.

Ngẩng kê Thiên-thai (7) cõi vật hoa,

Đền đạo gác bảo vệ thê-hà.

Mười phần xuân-sắc nơi tăng-viện (8),

Trăm đạo hào-quang chốn phạn-gia (9).

Trước động vạn-niên (10) màu cầm-lú,

Bên non bách-thiệt (11) tiếng sinh-ca.

Gió đưa đập phá niêm-đề (12) khắp,

Ngửa mặt vãng ô (13) bóng chữa tà.

4

Lầu chuông trống

Thênh-thang ở giữa thị-thành,
Bốn bề chung lại cảnh thanh còn rây.

Ở bên dưới đá xây làm cửa,

Đề thông đường xe ngựa tri khu.

Bên trên có dựng một lầu,

Cao cao hơn cả địch-lâu mọi từng.

Khi trời sáng gió quang trăng tạnh.

Bóng thiêu - dương chiếu ánh giữa

trời.

Trên treo chuông trống một đôi,
 Đêm đêm khua náo hồi hồi điểm canh.
 Mấy dãy phố vòng quanh bốn mặt,
 Trăm hàng non bức vách đứng quanh.
 Phong quang chẳng những vui-vầy,
 Khi lên Mục-bá giải bày mưu-viên.
 Lúc thông thả bèn lên ngắm cảnh,
 Vui tấm lòng có vịnh bài thơ :

Nền tảng trong thành đất một khu.
 Cao cao trăm thước ngọn trùng-lâu.
 Dấu thông dưới cửa đường xe ngựa,
 Thế bức trên không vị đầu ngư.
 Bốn vách khói mây màu tích-thủy,
 Năm canh chuông trống tiếng phòng-thu (1).
 Đạo lên há những vui phong-cảnh.
 Mục-bá (2) mưu cao lúc to-trừ.

5

Núi Lư-tiên.

Ngoài tây nam cách thành sáu dặm,
 Núi Nam-kê liền động Bàn - tiên.
 Đường từ trong động trèo lên,
 Loanh-quanh bụi rậm đến trên tiên tòa,
 Khí trong quét hết bóng mờ,
 Dấu tiên Trọng-Viên bao giờ còn đây.
 Chữ thuyền-ca mấy bài được - phủ,
 Nét đàn-thanh khắc đá hãy còn.
 Đỉnh đài về chốn tả-biên,
 Cao cao vách gấm liềm liềm mây xanh,
 Lãnh-nhiên lại có một đỉnh,
 Xa trông như vẽ bức tranh tiên - đài :

Mây lớp tang-thương (3) đã đổi đời,
 Dấu tiên u-ân hãy còn đây.

- (1) Phòng thu = giữ gác.
 (2) Ông Lý Đức-Dụ nhà Đường khi xuất trần có dựng lầu tru-biên.
 (3) Tang-thương = cuộc đất đổi đời, bãi dâu biến sục làm hồ sâu.
 (4) Nghiên đan = tán thuốc tiên.
 (5) Chữ hồng = nấu thuốc tiên.
 (6) Khung-đỉnh = đỉnh cao ngất trời.
 (7) Sâm-dao = ngọn cây sâm như ngọc đao.
 (8) Mãng-ngọc = mầm măng đẹp như hạt ngọc.
 (9) Đàn-khung = đàn cao.
 (10) Động-cổ = động cũ.
 (11) Đài-lan = cảnh chùa.
 (12) Gương thủy-nguyệt = trăng dưới nước.
 (13) Lá phàm-phong = bướm treo gió.

Một bầu thế-giới động trong động,
 Bốn vách yên-vãn trời dưới trời.
 Đá cũ nghiên-đan (4) hơi gió quét,
 Lò xưa chữ-hồng (5) bóng trắng phai.
 Khách lên trên đỉnh khung-đỉnh (6) đứng,
 Quên hết trần-duyên một kiếp người.

3

Núi Thất-tinh

Núi kia một dặm cách thành,
 Xa trông như vị thất-tinh liền liền.
 Tục-truyền có bát-tiên ở đó,
 Cửa song mây động đá rất nhiều.
 Kỳ-hình vạn-trang xinh sao,
 Đường đi vẫn tưởng lối vào Thiên-thai.
 Trên đỉnh núi có nơi đạo-viện,
 Chùa Thế-hà đứng mền một bên.
 Lầu đài lộng bóng vân-yên,
 Chợt trời khéo đúc thiên-nhiên hai tòa.
 Lần lần ngai đã xem qua,
 Mua vui có vịnh năm ba câu thần :

Chiếu ánh vì sao đỉnh bích không,
 Xâm-dao (7) mặng-ngọc (8) ngọn chông chông
 Đàn-khung (9) đá lão thông xanh phủ,
 Động cổ (10) xuân sâu khói biếc phong.
 Vẽ ảnh đài Lan (11) gương thủy-nguyệt (12),
 Sắc mờ sông Quế lá phàm-phong (13).
 Bát-tiên thẳng-hội nơi nao đó,
 Truyện cũ truyền-văn há có không.

7

Núi Đột-tứ

Một khu đất phẳng trong thành,
 Đột lên một ngọn chênh-vênh chạm trời

Trên non san-sát lâu dài,
Theo chiều chiều núi đặt bày khéo sao.

Mây từng mây phủ cao cao,
Xa trông phong cảnh khác nào cung
[tiên.

Dưới dinh đá thiên-nhiên khéo đúc,
Bức cầm-bình vây bọc tứ vi.

Độc thư dấu cũ Giàn-chi,
Chữ đề nét đá tri-tri vẫn còn.

Tron-von mọc một ngọn phủ dung (1),
Trượng quá trăm năm đỉnh biếc không,
Tinh đầu (2) trời sa chùng tặc thướt,
Trần-hiền (3) giếng cách phông nghìn trùng.
Phục-ba gió tại bên lưng thối,
Gia-cát mây đài dưới gót rung.
San-sát cương-nham vây bốn mặt,
Cột trời thêm vững chốn nam-phong (4).

8. Đền Gia-Cát

Trong tỉnh thành tây nam một góc.
Đỉnh đầu non có nóc tầng đài.

Thênh thang bốn mặt vắn khai,
Gần xa khắp hết viết dài tiêu lâu.
Trương - truyền lúc Hán triều khi
trước,

Ông Khổng-minh phá giặc Hoa-miêu
Dựng lên một nóc đài cao.

Đề xem bộ-trận lúc nào diễn binh.

Hiện nay dài vẫn chéng-vênh,

Dấu xưa vết đá rành-rành còn ghi.

Lên đài đứng tưởng khi thi-thiết,

Mấy nghìn năm vẫn tiếc kỳ-tại.

Gao-cao một nóc mé thành tây,

Đài cũ uy-nam dấu vẫn rày.

Quả-nguyệt rèm cao che lấpkhỏi.

Chiêu-phong cửa rộng khóa lần mây.

Ba quân kiếm kích bày hàng núi,

Muốn đội tinh kỳ phát ngọn cây.

Thế cục trong ngoài khôn khéo đặt,

Đường-đường chính-chính để ai hay.

(Còn nữa)

Lương-ngọc Vũ-Bích dịch

TẠP-TRỎ

(Tóm-lắt những tin-tức cùng lời bàn hay trong các báo-chí Tây)

Sống, chết. — Ông JAGADISH BOSE là một nhà khoa-học trước-danh ở Ấn-độ. Đầu năm nay ông có sang chơi Paris, nhân dịp có làm một bài diễn-thuyết bằng tiếng Anh ở nhà học-viện GUMET, họp cả các nhà khoa-học triết-học có tiếng ở Paris. Bài diễn-thuyết ấy có ảnh-hưởng trong học-giới to lắm.

Theo ông Bose thời cách sinh-hoạt của động-vật với thực-vật cũng giống nhau. Ông nghiên-cứu đã hai-mươi năm

nay, nghiệm ra phạm thực-vật cũng như động-vật, hễ có vật ngoài kích-thích, tất có ở trong phản-động, cách phản-động hai giống cũng như nhau. Phản-động (*réaction physiologique*) như thế tức là sự sinh-hoạt đó. Phản-động là thần-kinh phát-động (*impulsion nerveuse*), giống cây giống vật đều có cả. lúc mạnh lúc yếu. có lúc thời dờ hãn ra, chính là những lúc mê ngủ, lại đến khi tắt nghỉ cũng hấy rùng mình một cái, ta thường gọi là « giãy chết » (*spasme de la mort*), giống cây giống vật đều

(1) Phù-dung = tên riêng của núi Độc-lú.

(2) Tinh-đầu = sao Bắc-đẩu trên trời.

(3) Trần-hiền = bụi cát mù lùm đất.

(4) Nam-phong = cõi nam thành Quế-lâm.

nghiệm thấy thế cả. Giống cây sống cũng có « mạch - động » (*pulsation*) giống vật thời gọi là « tim đập » (*battement du cœur*). Lại khi tiêm những chất độc hay chất mạnh gì vào da thịt cây hay con vật nào, đều thấy có phản-động (*réaction*) giống nhau cả.

Ông BOSE nói rằng : « Những sự phản-động rất nhỏ-nhất mà chúng tôi cũng kinh-nghiệm được như thế, là nhờ có phát-minh được mấy thứ máy-móc mới, khiến cho những sự xưa nay không thể mắt thấy tai nghe được, bây giờ cũng nghiệm được hết. Như xưa kia chế được cái kính hiển-vi (*microscope*), những vật rất nhỏ đã trông thấy được, nhưng sức kính hiển-vi còn có hạn. Nay chúng tôi chế cái « sinh-trưởng-biêu » có sức đo nam - châm (*crescographe magnétique*) để đo cây mỗi giây đồng-hồ lớn được bao nhiêu, sức mạnh 5 vạn lần hơn cái kính hiển - vi rất mạnh. Nếu cực - lực phóng-đại ra, có thể tới từ 1 triệu đến 100 triệu lần to hơn. Người ta thường nói « chậm như con sên », nay cứ lấy cái số phóng-đại của máy « sinh-trưởng-biêu » mà nhân cho cái tốc-độ của con sên thời trong 24 giờ đi quanh trái đất được 200 lần ! Máy nhạy cho đến nỗi cứ xét cái giấy tóc ở máy biết rằng gần đây có người đứng hay không, và người nằm ngủ yên hay là người đang làm việc. . . . »

Ông BOSE lại nghiệm công-hiệu của các thứ thuốc vào thân-thể cây và vật cũng giống nhau như hệt. Các thầy-thuốc thường nghiệm cùng một vị thuốc mà trị cho hai người, công-hiệu có khác nhau hẳn, vì thân-thể mỗi người mạnh yếu có khác, nên phản-động với cái sức thuốc cũng khác. Cây cũng vậy. Ông BOSE thử lấy một mớ hạt-giống, thật là giống nhau như hệt, ông chia làm đôi ; một phần thời ông làm cho tăng sức mạnh lên,

một phần thời làm giảm sức mạnh đi, rồi lấy một liều thuốc độc pha với nước tưới vào hai phần, nghiệm ra thời cái phần hạt giống yếu không chịu được thuốc độc bị chết, mà phần hạt giống mạnh thời không những không vì thuốc độc kém mạnh đi, lại nhờ thuốc độc thêm mạnh lên.

Cũng có khi một cây vẫn đã chịu được sự kích-thích ở ngoài, nhưng chợt có cái kích-thích mạnh hơn thời sức phản-động bịn-rưng hẳn. Thế là cây chết. Nhưng dần chết rồi mà bề ngoài chưa có thay đổi ngay. Những cái giáng lá xuống, héo đi, là sau khi chết lâu rồi mới thấy. Người ta lúc tắt nghĩ rằng mình một cái, cây lúc chết cũng có rung-động một cái, nhưng có « sinh-trưởng-biêu » mới nghiệm thấy được. Tự lúc rung-động ấy về sau thời tuy bề ngoài coi vẫn xanh-tươi mà ở trong thật không còn sinh-hoạt gì nữa.

Ông BOSE lại nghiệm thuốc-độc cho liều mạnh thời làm chết, mà cho liều vừa thời có thể làm cho tăng thêm cái sức sinh-trưởng, chỉ khó là định được rõ cái liều đến thế nào là hại, nhưng nhờ có « sinh-trưởng-biêu » có thể thực-nghiệm được. Đã từng nghiệm dùng một thứ thuốc độc rất mạnh, nhưng chỉ tiêm một tí-tí vào cái cây thời thấy cây mọc lên tốt lắm, sinh hoa kết quả rất mau, mà cây ấy về sau không có giống sâu bọ gì ở được. Sự thí-nghiệm như trên này có thể giúp cho nghề canh-nông nhiều lắm.

Ông BOSE đã hai-mươi năm nay mở ra một nhà học-viện lớn ở thành Calcutta (thủ-đô Ấn-độ); bấy lâu nay thí-nghiệm nghiên-cứu là ở đây cả. Ông nói sắp xuất-bản một pho sách đề ký-tái những sự phát-minh của ông. Sách ấy các nhà bác-học trong thế-giới đương mong-đợi để hoan-ngheñh.

Ông BOSE là người Ấn-độ, vậy cũng là người Á-châu như người mình. Trong bài luận của quan Thượng Thân Trọng-Huê đăng trong *Nam-phương* kỳ trước có ước-ao rằng bao giờ nước mình cũng có người học khá có thể vào các hội học các nước văn-minh, sánh vai được với người các nước, thời dân mình mới thật là đã tiến-bộ. Hiện nay Á-châu ta về khoa học mới có ông Y-si Nhật bản KITAZATO (Hạ-tá bác-sĩ) phát-mình được coa trùng bệnh hạch, lại có ông Bác-sĩ Ấn-độ BOSE chế-tạo được máy sinh-trưởng-biêu. Đời nào cho nước mình cũng có một ông BOSE, một ông KITAZATO? Còn xa-xôi lắm!

Một thứ thuốc tiêm chữa lao. — Hai ông Y-si JORGE HOWARD và SANTIAGO RENO trình cho Hội Y-học Bác-sĩ (*Académie de Médecine*) thành Paris biết hai ông mới chế được một thứ thuốc tiêm chữa bệnh lao, thí-nghiệm đã có công-hiệu.

Thuộc về phép trị bệnh lao (*phtisio-thérapie*), lâu nay đã nhiều người nghĩ ra nhiều thứ thuốc lắm, mà chưa thấy thứ nào là thật trúng, cho nên thiên-hạ đối với các thuốc lao vẫn có bụng hoài-nghi. Nay hai ông y-si này quyết rằng đã thử tiêm cho hai-trăm người đau lao và cứu được nhiều lắm; nhất là con trẻ mắc bệnh « lao màng óc » (*méningite tuberculeuse*), tiêm thuốc vào đường xương sống (*voie intra-rachidienne*) thời kiến-hiệu lắm.

Ta cũng nên biết vậy và mong rằng hai ông sẽ nghiên-cứ kỹ hơn nữa và chế được một thứ thuốc thật hay để trị nỗi cái bệnh rất ghê-gớm là bệnh lao, thời có công với nhân-loại lắm.

Mạo tên ký vẽ tranh vẽ. — Gần đây ở bên Tây có một chuyện mạo tên ký vẽ tranh vẽ cũng lạ. Nguyên hồi năm 1905 có một người vẽ mỹ-thuật vẽ chơi một bức tranh nhỏ: cảnh hoa cầm lộ với

mấy quả hạnh-đào. Cách ba năm sau, năm 1908, có người khách buôn thấy bức tranh đó ưng-ý bàn với người chủ đổi cái máy ảnh lấy bức tranh. Đổi rồi bán cho người khác 80 quan. Cách ba năm nữa, bức tranh thấy ở nước Anh, đánh giá là 30.000 quan. Tự Anh lại thấy đem về Pháp, bán cho một người lái buôn 30.000 quan, người này bán cho người khác khác, người khác ấy lại bán cho một người khác nữa đúng giá 90.000 quan. Người sau ấy lại không muốn giữ, giao cho một nhà buôn nọ bảo định giá bán là 150.000 quan. — Đến năm 1920, người chủ vẽ tình-cờ trông thấy bức tranh của mình về 15 năm trước, hỏi giá mới biết đã tăng lên lạ-lùng như thế, xem đến tên thời ra ký tên WHISTLER là một nhà hội-hóa trước-danh ở nước Anh; người chủ vẽ làm giấy thưa tòa, hiện bức tranh bị tịch-ký để xét.

Nhào đó dư-luận trong mỹ-thuật-giới nhao-nhao lên. Nhiều người tức về người đời không sành, đối với một bức tranh không biết xấu đẹp thế nào, cứ bẳng ở tên ký, thành ra bị những quân vô-liêm-sĩ nó đánh lừa. Xét tranh vẽ, xét chân-châu ngọc-thạch, cũng như ở nước ta xem sâm xem quế, hay là xét... văn-chương quốc-ngữ bây giờ, thật là vô-bằng-cứ!

Nghề văn-học-phê-bình ở nước Anh. — Văn-học-phê-bình (*critique littéraire*) là hình-phẩm phê-phán các sách về văn-chương. Ông THOMAS MOULT trong báo « Anh-cát-lợi-tạp-chí » (*The English Review*) có một bài luận xét về nghề phê-bình ở nước Anh, nói rằng nghề này có lẽ đã suy mất rồi. Ông giải rõ những lẽ bởi sao mà đến suy. Ông nói rằng ngày xưa chỉ có các tạp-chí mới có những bài phê-bình, là chủ-ý giúp cho người đọc sách biết chọn sách mà đọc trong cái rừng những sách mới xuất-bản mỗi ngày.

Hồi bảy giờ một lời khen lời chê là có quan-hệ lắm. Cổ khi khen một câu làm cho một quyển sách bán trong tuần lễ chạy hết. Ngay giảm sáu năm trước khi chiến-tranh, nghề phê-bình cũng còn có giá-trị. Ông kể có một hiệu sách mới mở cửa hàng ở một nơi tỉnh-ly nước Anh; mấy bữa trước tờ báo ở tỉnh có giới-thiệu một quyển sách mới, hiệu sách buôn hơn trăm quyển, mới khai-trương đã bán hết sạch. Lại như ông ARNOLD BENNET giữ mục bình-phẩm sách mới trong báo *The New Age*, một lời khen chê rất có quan-hệ cho sự tiêu-thụ sách lắm.

Song đó là chuyện cũ. Hiện nay không những các tạp-chí, đến các nhật-báo cũng bình-phẩm sách, mà bình-phẩm toàn-thị là khen hết, song khen quá không có giá-trị gì nữa, vì nghiệm ra không có ảnh-hưởng gì đến sự tiêu-thụ như trước nữa. Người làm sách, người in sách, hết sức khần-khoản cho sách được khen, mà người đọc báo thì không tin những lời khen ấy nữa.

Xét ra, nghề phê-bình đến nỗi suy, thiên-hạ không trọng nữa, là hiện nay ở nước Anh không có một tay văn sĩ nào có giá-trị chuyên mục phê-bình ở các báo, và người đọc báo ngờ lời phê-bình là có bụng tây-riêng hay vì quyền-lợi.

Thiên-hạ đã có bụng ngờ như thế thì phạm những bài phê-bình có ý ngờ hết, không phân-biệt là bài nào phê-phán phải-chăng, bình-luận đích-đáng, bài nào là khen hảo khen huyền, tán-tụng vô-vi.

Hội Vạn-quốc. — Nhà chính-trị có tiếng ở nước Anh LORD ROBERT CECIL, là đại-biêu của Chính-phủ Anh ở hội Vạn-quốc, có một bài luận về hội ấy đăng trong « Tạp-chí thành Genève » (*Revue de Genève*), đại-ý như sau này.

Nhiều người bài-bác hội Vạn-quốc (*Société des Nations*) vì thiên-hạ kỳ-

vọng về hội ấy nhiều mà hiện nay chưa thấy kết-quả được mấy. Nhưng phải biết rằng phạm sự cải-cách lớn, hay là những công-nghiệp to, người khởi-xướng ra thường lúc sinh-thời không được kịp trông thấy sự kết-quả. Tự mười thế-kỷ nay, biết bao nhiêu là những nhà chính-trị, nhà tư-tưởng, nhà bác-ái, xướng lên rằng sự chiến-tranh là hại, và phạm các quốc-gia có điều gì trái nhau về việc lợi-quyền, việc quốc-thể, muốn lấy chiến-tranh mà giải-quyết không đời nào giải-quyết được xong. Nhờ có những người ấy đề-xướng lên, dần-dần công-chúng cũng khuynh-hướng về đường ấy mà thành ra một cái tư-trào mạnh. Kịp đến đời nay cái tư-tưởng ấy mới hiện ra thực-tế, mà thành ra Hội Vạn-quốc này. Thế là cái nền đã có, nay mỗi ngày một xây dựng thêm lên, một buổi đã thành sao được. Hoặc nghiệm ra có sai-lầm khiếm-khuyết điều gì thì nên chữa sửa lại, chớ không nên nhất-thiết bài-bác hết.

Cốt là cái chủ-nghĩa hay, có thể thực-nành được, không phải là sự huyền-trởng, thế là đủ, còn từ ngày hòa-ước ký đến giờ, thiên-hạ chưa được thái-bình, thời không thể lấy lẽ ấy mà bảo rằng hội Vạn-quốc mới lập đây cũng đến hư-hỏng như các hội đã lập từ trước đến giờ. Thiên-hạ rối-loạn lắm mới thành ra cuộc chiến-tranh mới rồi, chiến-tranh xong, không có cái thế-lực gì làm cho thái-bình yên-đàn ngay được.

Nay chỉ ước nguyện cho các dân-tộc hiểu cái lẽ rằng phạm nước nào gây ra sự ác tất sớm trưa sẽ phải chịu ác, ác giả ác báo, cũng như người ta vậy, và không có khi nào một nước phải chịu lấy vào cái ác của nước khác, hệ hiệu được lẽ ấy thời Hội Vạn-quốc mới thực-hành được cái chủ-nghĩa ấy lần này.

Tương-lai của Công nghệ Nhật-bản. — Trong « Nguyệt-nguyệt tạp chí »

(*La Revue du Mois*) có một bài của ông GEORGES BOURGIN nói về tương-lai của công-nghệ Nhật-bản, tóm đại ý như sau.

Bây giờ giữa là lúc Anh mới tặc-kết đồng-minh với Nhật; Mi đương lo Nhật chế thêm tàu trận; Hòa-lan đương lo các thày thám mỏ Nhật đi kiếm mỏ dầu hỏa ở các nơi; các nhà máy sợi ở Ấn-độ cũng đương mưu tranh nghề chế sợi bán sợi với Nhật; trông nên xét cái tình-hình kinh tế của Nhật-bản hiện nay và về sau thế nào.

Trong khi chiến-tranh, nước Nhật được nhờ cái thế lực Đức ở Á-đông bị lụn-bại mà kẻ chân nước Đức, được hưởng lợi nhiều lắm. Lại được nhờ cái tình-thế riêng có tham-dự cuộc chiến-tranh mà không bị thiệt-hại gì thành ra hại chiến-tranh ít-chịu mà lợi chiến-tranh được hưởng. Bởi thế mà nước Nhật trước khi chiến-tranh là một nước có nợ, sau chiến-tranh thành một nước chủ nợ. Nhưng mà Nhật thiếu những « nguyên - liệu » (*matières premières*), nghĩa là những vật-chất cần-dùng để chế ra các đồ hàng. Song thợ Nhật-bản chăm làm lắm, nếu làm cho cực-lực thời về phần nhân-công chắc nước Nhật được hơn các nước. Ngày nay tiền công thợ cũng phải theo giá ăn, uống mà tăng lên; người ta đã tính ra giá ăn uống năm 1919 hơn năm 1917 là 256, 1 phần trăm, nghĩa là gấp hơn hai lần rưỡi.

Nhờ sự vận-tổng tiện-lợi, cách sinh-hoạt có lẽ sau này sẽ đổi đi. Hiện tổng-số đường xe hỏa trong nước là 9.503 cây-lô mét, định mở thêm ra nữa cho đủ dùng thời phí ước tới 40 triệu *livres sterling* (tiền nước Anh giá chừng 50 *francs* Pháp; lại định cho mấy đường chạy bằng điện-khí, vì than hiện không đủ dùng và giá đắt lắm trước chiến-tranh giá có 9 *shellings* 11 một tấn (*tonne*), nay tăng đến 33 *shellings* (tiền nước Anh giá chừng hơn 2 *francs* Pháp). Nhật-bản là một đảo-quốc, tàu chạy quanh bờ biển cũng phải nhiều lắm mới đủ vận-tải; hiện bây giờ có cả thảy 80 vạn 6 nghìn tấn; nhưng mà giá vận-tải cũng tăng lên nhiều lắm. Còn đường-lộ đại-đề cũng xấu lắm; hiện có 6 ngàn cái xe ô-tô vận-tải (*camions*) chạy các đường.

Những nghề sau này xem ra có cơ phát-đạt to thời có nghề chế thuốc nhuộm và chế các chất hóa-học.

Còn nghề hải-quân-chế-tạo thời hiện nay đương chế những thiết-hạm (*cuirassés*) và tuần-dương-hạm (*croiseurs*) theo kiểu tối-tân để phòng-bị với Mi. Tuy ngay sau khi chiến-tranh có mấy xưởng chế-tạo thủy-quân bị khuynh-đảo, nhưng mà hiện nay các nhà chế-tạo Nhật-bản đương hết sức tìm cách cho khỏi phải mua vật-liệu ở ngoài.

TRÚC-ĐÌNH

DỊCH NGHĨA BÀI CA « KHUYẾN HIẾU »

孝 爲 百 行 首
Thế-gian nết hiếu là đầu,
詩 書 不 勝 錄
Ai mà có hiếu mới hầu thành thân.
富 貴 與 貧 賤
Giàu sang cho đến tiện bản,

俱 可 追 芳 躅
Đều nên hiếu với song-thân mới là.
若 不 盡 孝 道
Nếu mà khinh dè mẹ cha,
何 以 分 人 畜
Áo-xiêm thì cũng thành ra thú cầm.

我今述哩言
 Bài này là một phưng-trám,
 爲汝效忠告
 Làm người nên phải lưu tâm sau này.
 百骸未成人
 Từ khi chưa biết ban ngày,
 十月懷母腹
 Cru mang mười tháng mẹ rầy mệt thay.
 渴飲母之血
 Đói thì ăn thịt mẹ ngay,
 饑食母之肉
 Khát thì uống máu ai rầy đỡ cho.
 兒身將欲生
 Tới khi tháng đủ ngày no,
 母身如在獄
 Thân mẹ như kẻ tù đồ nên thương.
 惟恐生產辰
 Đến khi sinh nở lại càng,
 身爲鬼眷屬
 Khác gì như kẻ chia vàng giữa sông.
 一旦見兒面
 Một mai sinh được con hồng,
 母命喜再贖
 Thân mẹ như mới chuộc cùng Diêm-
 Vương.
 此言胎產難
 Đây là công đức đã trồng,
 未難於養育
 Công nuôi lại gấp trăm đường công sinh.
 一種誠求心
 Định-ninh một dạ chí-thành,
 日夜勤撫鞠
 Đêm ngày bú mớm công-trình xiết bao.
 母臥濕簟席
 Chỗ ướt thì mẹ nằm vào,
 兒眠乾衲褥
 Phần con chỗ ráo khi nào dám quên.
 兒睡正安穩
 Ru con con ngủ đã yên,
 母不敢伸縮
 Nhìn hơi nín tiếng mẹ liến mẩn thình.
 兒穢不嫌臭
 Tanh hôi chẳng lấy làm kinh,
 兒病甘身覲
 Những khi đau yếu lấy mình chuộc con.

橫簪與倒冠
 Chỉ mong con đợc vuông tròn,
 不暇思沐浴
 Trăm cái, lược giặt, lại còn cần chi.
 兒若能步履
 Khi con biết chững biết đi,
 舉步慮顛仆
 Lại e vấp ngã chẳng khi nào rời.
 兒若能飲食
 Khi con đã biết ăn chơi,
 省口恣所欲
 Bớt mồm, bớt miệng, tài-bồi cho con.
 乳哺經三年
 Ba năm ẵm bế không chồn,
 汗血耗千斛
 Thân mẹ khí-huyết hao-mòn quân bao.
 劬勞辛苦盡
 Sớm khuya chín chữ cù lao,
 兒至十五六
 Mong con khôn lớn khi nào dám khuấy.
 生養幾疲勞
 Công nuôi công đẻ đã đầy,
 行止難拘束
 Còn công dạy dỗ, chạ rầy khó thay.
 衣食父經營
 Áo cơm cha phải tìm ngay,
 禮義父教育
 Khuyên răn lễ nghĩa, cha nay ai tây.
 專望子成人
 Trồng cây hái quả có ngày,
 延師課誦讀
 Học hành cha phải tìm thầy dạy cho.
 慧敏恐孜孜
 Còn như con tri con ngu,
 愚怠憂碌碌
 Trí thì lo nhọc, ngu thì lo ngầy.
 有過急爲掩
 Điều xấu thì muốn che ngay,
 有善先表暴
 Còn những điều tốt muốn rầy phở ra.
 兒出未歸來
 Con đi khi chưa về nhà.
 倚門繼以瑯
 Mẹ cha dựa cửa mong chờ buồn tênh.

兒行十里程
 Con đi mười dặm hành-trình,
 親心千里逐
 Mẹ cha tưởng tượng như hình xa-xôi.
 兒長欲成婚
 Khi con khôn lớn nên người,
 爲訪閨中淑
 Tìm nơi xứng-đáng kết đôi Châu Trần.
 媒妁費金錢
 Những là tốn phí kim ngân,
 釵釧捐布粟
 Nũ-trang đủ thức thoa quần biết bao.
 一日媳入門
 Đến khi đón được dâu vào,
 孝思遂衰薄
 Lòng con hiếu thảo được nào như xra.
 父母面如土
 Mẹ cha coi giống bụi tro,
 妻子顏如玉
 Vợ con yêu giầu như hoa trên cành.
 親責反睜眸
 Cha mắng thì cãi cho nhanh,
 妻嘗不爲辱
 Đến khi vợ mắng làm thình cho rồi.
 母披藍衣衫
 Mẹ thì rách rưới lòi-thôi,
 妻著新羅穀
 Vợ thì là lợt hẳn hoi nhiều bề.
 父母或鰥寡
 Nhớ khi quan quá bất tề,
 爲兒守孤獨
 Vì con thủ tiết không hề lấy ai.
 父慮後母虐
 Sợ người di ghê đặng cay,
 鸞膠不敢續
 Phiếm loan đành chịu rút dây xướng tùy.
 母慮孤兒苦
 Mẹ thì thương kẻ cô nhi,
 孀憐忍寂寞
 Một mình một bóng cần gì đổi thay.
 身受不知恩
 Biết bao cơn nặng áo dày,
 有恩報不速
 Công như trời đất nữ này quên đi,

健不親哽噎
 Áo cơm đã chẳng cần chi,
 病不親湯粥
 Những cơn đau yếu chẳng hề thuốc thang.
 衣服或單寒
 Quần nâu áo vá cũ càng,
 衾綯失溫煖
 Đệm chăn rách nát không thương chút
 [nào.

風燭忽垂危
 Ngọn đèn trước gió ghê sao,
 兄弟分財穀
 Anh em tranh cạnh phần nào xót xa.
 不 思 創 業 難
 Vun trồng không nghĩ công cha,
 惟 道 遺 資 薄
 Nói năng chỉ oán truyền-gia bản hàn.
 忘 却 本 興 原
 Nữ nào quên cả gốc nguồn,
 不 念 風 與 木
 Cây kia muốn lặng gió còn lung lay.
 蒸 嘗 亦 虛 文
 Tở rũi tưởng thế là hay,
 宅 兆 何 辰 卜
 Chẳng qua trái-khâu sao tầy chân-tâm.
 人 不 孝 其 親
 Cha con không nghĩ tình thâm,
 不 如 禽 與 畜
 Người kia sao đực như cầm thú nay.
 慈 烏 尚 反 哺
 Quạ khôn mớm trả mẹ ngay,
 羔 羊 猶 跪 足
 Dê con quì bú giống này nên thương.
 人 不 孝 其 親
 Người kia không biết bẽ bàng,
 不 如 草 與 木
 Không bằng cây cỏ lại càng đáng khinh.
 孝 竹 體 寒 暑
 Trúc kia còn biết giữ mình,
 慈 枝 護 本 末
 Cành che mưa nắng thương tình gốc cây.
 勸 爾 爲 人 子
 Khuyên ai tử-đạo nhường này,

孝經須勸讀
 Hiếu-kinh sách ấy có thầy ta đây.
 孟宗泣竹邊
 Mạnh-Tôn ngồi khóc gốc cây,
 筴再生幾簇
 Mũa đông mà mọc lên dày những măng.
 王祥臥寒冰
 Vương-Trường nằm chón hàn-băng,
 鯉魚自躍踊
 Lý-ngư đầu bống nhảy đàng trước kia.
 蔡順拾桑葢
 Thuận-Tôn nhặt quả dâu về,
 賊爲奉母粟
 Giặc thương lại lấy thóc chia mẹ liền.
 郭巨賣生兒
 Quách-Cự biết thương mẹ hiền,
 供親爲大欲
 Bán con truyện cũ còn truyện về sau.
 丁蘭誠求心
 Đinh-Lan qui lạy khấn cầu,
 血流像手足
 Tự-nhiên trợn chảy máu đầu ngón tay.
 如何今世人
 Dám khuyên nhân-tử đời này,
 不傲古風俗
 Sao không biết học những thầy hiếu-kinh.
 何不思此身
 Sao không biết nghĩ thân mình,
 形體誰養育
 Nào ai nuôi dạy tác-thành cho ta.
 何不思此身
 Nghĩ mình từ thuở mình ra,
 德性誰式穀
 Ấy ai rèn đúc cho ta nên người.

父母卽天地
 Công lao như bễ như trời,
 罔極難報復
 Trời cao bễ rộng đền bồi bao xong.
 親恩說不盡
 Bút nào tả được cho cùng,
 略舉粗與俗
 Kể qua một chút đề lòng nhớ ghi.
 聞歌燥然悟
 Nghe ca lĩnh-ngộ tức thì,
 省得悲哉蓼
 Đọc thơ Nga trước thương bi đến giờ.
 勿以不孝首
 Đâu người bắt hiếu càng dơ,
 枉戴人間屋
 Vào nhà, nhà cũng thờ-ơ bẽ bàng.
 勿以不孝身
 Thân người bắt-hiếu ai thương,
 枉著人間服
 Mặc áo, áo cũng chán-chờng lấm thay.
 勿以不孝口
 Miệng người bắt-hiếu ghê thay,
 枉食人間穀
 Ăn cơm, cơm cũng tức đầy muốn ra.
 天地雖廣大
 Dù rằng trời đất bao la,
 難容忤逆族
 Lê đầu dong kẻ phá gia từ rầy.
 及早悔前非
 Khuyên ai lỗi phải chừa ngay,
 莫待天誅戮
 Họa ra mới tránh khỏi ngày thiên chu.

Ngô Huy-LINH

Ký-lục tòa án Hải-phòng

VIẾNG CỤ NGUYỄN BÁ-HỌC

Bản-chi lại mới tiếp được mấy bài viếng Cụ NGUYỄN BÁ-HỌC, xin đăng như sau này

N. P.

I

Khi được tin buồn rằng cụ Trước-Khanh Nguyễn Bá-Học đã tạ-thế thì bính nhân lấy làm ngậm ngùi trong dạ mà

thương tiếc cụ vô-cùng. Than ôi ! một nhà đạo-đức mô-phạm như cụ mà bất-hạnh đã li-biệt cõi trần thì trách nào

chẳng khiến cho báo-giới và văn-học-giới nước ta phải sinh lòng cảm-hoài trông nhớ cụ. Cái sự-nghiệp lúc sinh-thời của cụ thể nào thì đã có các báo-trương kể rồi, bi-nhân bất-lắt phải nhắc lại làm gì. Bi-nhân viết bài này mục-dịch là trước phân-tru cùng qui-quyển, sau cùng các ngài ở Nam-Phong tạp-chí. Bi-nhân nguyên là ở làng-giềng với cụ và lại được cái hân-hạnh quen biết cụ đã lâu. Bi-nhân vẫn kính-phục cụ là một bậc tài-học yêm-bác, phẩm-hạnh thanh-cao. Cụ nhất-sinh chỉ trọng cái đạo Trung-dụng của thánh hiền, thường thường chỉ lấy cái đức thành để khuyên răn học-trò. Bi-nhân đi học xa hề được kỳ nghỉ hè về chơi nhà là thể nào cũng sang chơi thăm cụ; mỗi bận được ngồi thừa-tiếp chuyện cụ thì thấy tinh-thần khoan-khoai thanh-thời vô-cùng. Những lời đàm-luận của cụ thật là chính-dáng phân-minh, nghiêm-trang trân-trọng, hoặc bàn về triết-học phương Tây, hoặc bàn về luân-lý phương Đông, hoặc bàn về các việc lớn lao trong thế-giới, ý-kiến tư-tưởng của cụ cùng của bi-nhân dù không hẹn trước mà đúng nhau như hệt vậy.

Mỗi khi bàn đến cái tình-trạng của xã-hội nước Nam ta thì cụ thở dài mà than rằng : « Ôi ! luân-thường diên-dã, đạo-đức suy-vi, ngọn sóng dỗi-phong kia đã chấn-áp mắt cả nhân-tâm, chủ-nghĩa bài-kim nọ rất là thịnh - hành. Hễ ai động làm một cái công cuộc gì thì chỉ khu-khu mưu sự tư-lợi lấy một mình mà chẳng trông chi đến điều công-ích lòng vị - nghĩa cả. Người đời nay đối với bốn chữ *Lễ, Nghĩa, Liêm, Xĩ*, không còn có chút cảm-tình gì. Thế cho nên sống vào thời buổi này mà thực - hành được cái đạo - đức của thánh-hiền nghĩ cũng khó lắm thay ! »

Những lời khí-khải cao-thượng ấy, bi-nhân hình như hãy còn nghe thấy văng - vẳng bên tai. Ngán thay ! cái hiện-tượng của nước ta đời-bại là như

vậy, phạm những bậc thức - giả như Nguyễn tiên-sinh trông thấy ai là chẳng phải chau mày mà than - thở cho cái thời-suy thế-nhược. Ngày nay vị - tất đã có được mấy người còn chút Irong-tâm mà thông-thiết xót-xa cái nền luân-thường đạo-lý của thánh-hiền, cái qui-cử phép - tắc của tiên-nhân đã bị chìm đắm trong bể dục bát-ngát mông-mèu ! Đương lúc đạo-đức văn - hóa gặp cơn ba-đào dữ - dội lay chuyển, may thay cho xã-hội lại có được những người như Nguyễn tiên - sinh đề cứu vớt lại một đôi phần cho khỏi phụ mất cái lòng hay cùng cái trí sáng của cổ-nhân.

Thế mới rõ rằng cái đạo Trung-dụng của thánh - hiền vẫn là cái đạo mà những kẻ thế-nhân nông-nổi hẹp-hòi khó mà noi theo được. Đức Khổng tử có nói : « Quân-tử trung dung, tiểu nhân phản trung dung » Ông Đồng Trọng - Thụ cũng có nói : « Quân - tử chính kỳ nghị bất mưu kỳ lợi, minh kỳ đạo bất kể kỳ công ». Cứ xem như thế thì đủ biết rằng Nguyễn tiên - sinh thật là một người quân-tử : ngôn ngữ giản - dị, cử-chỉ khoan-hòa, tư-cách thanh-tạo, tinh-tình thuần-nhã, nhất nhất đều hợp cái lẽ Trung dung của các tiên-nho vậy.

Bi-nhân nhớ có một lần cụ ôn-tôn mà khuyên bi-nhân rằng : « Con người ta học để làm gì ? học để biết vậy. Biết để sửa mình, để trau-dồi nhân-cách cho hoàn-toàn, trước là hiền-đạt thân mình, sau là ích-quốc lợi-dân. Nếu chỉ coi sự học là một cái thang để bước lên con đường phú-quí vinh-hoa mà thôi, thế thì mục-dịch sự học-thuật rất là thấp hẹp. Người ta bao giờ cũng phải học, học đến lúc chết mới thôi. Nhưng học thì phải hành mới được, có phần học-vấn mà lại thiếu phần thực-tiễn thì cũng vô-ích. Người ta học cần phải chuộng đạo-đức chân-lý, chứ đừng nên chuộng văn-chương phù-hoa bay bướm ở bề ngoài ». Thật là

một câu trăm-ngôn đích đáng cho bĩ-nhân; bĩ-nhân rất lấy làm vẻ vang mà xin ghi lòng tạc dạ những lời châu ngọc ấy không bao giờ dám quên vạy. Theo như cao-ý của cụ thì mục-dịch sự học siêu-việt biết là nhường nào! Học là để lập-chí chính-tâm, tu-thân xử-thế, khám-phá mê-thành, kinh-bang tế-thế. Cái học của người hiền-nhân quân-tử là cái học thiết-thực hữu-dụng, phú-quốc cường-dân, phủ-tri thế-đạo, chỉnh-đốn cương-thường, bay-bồng vẫy-vùng trong bể thánh rừng nho, cách xa biết bao nhiêu với cái học hư-vấn phù-phiếm của kẻ bỉ-tiện tiền - nhân, bôn-tâu tri - trực trên con đường danh-lợi nhục - vinh. Cứ coi như cụ suốt đời chỉ mãi-miệt siêng-năng về sự học, đôn-đốc tận-tụy với sự học, thật là một tấm gương lồng-lộng soi sáng cho bọn thiếu-niên hậu-tiến chúng ta vạy.

Cách đây hai tháng, cụ có phen nài với bĩ-nhân rằng: « Phải ít lâu nay tôi thấy trong người tôi một yếu lăm, nên tôi không làm bài đăng vào *Nam-Phong tạp-chi* được, ấy là một sự bất-đắc-dĩ cho tôi lăm ». Xem thế thì đủ hiểu rằng cụ là một người bình-sinh rất ưu-thời mẫn - thế, nhiệt - thành quốc-văn, ngày đêm lo lắng về cái tiền-đồ học-vấn của nước ta sao cho chóng được mở-mang tiến-hóa để theo kịp người. Những bài trước-tác hay dịch-thuật của cụ toàn là những bài có giá-trị và rất là bổ-ích cho xã-hội trong

buổi giao-thời biến-cách này, mục-dịch là để cảnh-tỉnh người đời, duy-tri đạo-đức, bảo-tồn quốc-túy. Than ôi! cụ có chí lớn như thế, nhưng chỉ hiềm một nỗi rằng mắt cụ chưa được trông thấy cái kết-quả viên-mãn hợp với tấm lòng sở-nguyện của cụ, mà cụ đã vội từ-giã cõi đời để đặt yên mình vào giấc ngủ ngàn thu. Nhưng đã có sinh thì tất-nhiên phải có tử; người thác nhưng danh tiếng hãy còn, cái sự-nghiệp, cái văn-chương của cụ sẽ cùng với núi Gôi sông Vị lưu-truyền mãi mãi. Buồn thay! từ nay trở đi bĩ-nhân có nhân-hạ về chơi dưới Nam-thành thì chỉ thấy cỏ cây rầu-rĩ, nhà vắng sản rêu, nào có được gặp mặt một bậc lão-thành để nghe những lời đàm-luận cổ-kim, chỉ-giáo khuyến-lệ.

Nguyễn tiên-sinh ơi! thừa tiên-sinh còn ở chốn dương-gian thì tiên-sinh vẫn nhiệt-thành quốc-văn, hăm-mộ sự học, nay tiên-sinh xuống dưới nơi tuyên-đài, nếu có linh thiêng ra nữa thì cũng nên phù-hộ cho quốc-văn mỗi ngày một hưng-thịnh, cho sự học trong nước càng lâu càng phát-đạt, khiến cho bọn hậu-sinh mai sau khỏi phải cái khổ học mướn viết nhờ, có tiếng không dụng, có xác không hồn: đó là một điều kẻ thư-sinh này trông đợi mong-mỏi lăm. Bĩ-nhân xin đem lòng chí-thành mà cầu cho vong-linh cụ được mát mẻ thanh-thoi, siêu-thăng lên cõi Bồng-lai Cực-lạc.

Thanh-Lưu NGUYỄN-VĂN-LUẬN

II

Mưa gió không thường, sao đời vật đổi, bành kiền-khôn xây hoại đến tới, người trần-ai xúi xúi hiệp-tan!

Mới rồi chúng tôi được xem báo *Trung-Bắc* có đăng hải « Đám-tang cụ Nguyễn-Bá-Học ở Nam-định », thì chúng tôi kinh thần bối-thường và sinh mỗi cảm-tình lai láng! Tuy chúng

tôi chưa được thừa-nhan cụ khi nào, nhưng bao nhiêu lời hùng-biện cao-đam của cụ vẫn lừng-lẫy khắp một phương cầu này mà chúng tôi đã được lăm phen nghe thấy, mà lòng hăm-mộ một bậc tiên-nho như chan như chứa ở lòng không bao giờ quên vạy.

Vả lại cụ là lệnh-nhạc Tiên-dầu tiên-sinh. Tiên-sinh cùng chúng tôi là văn-chương hữu-nghị, văn-thủ tri-giao. Vậy nên được tin buồn xin cũng có mấy lời chia sầu cùng Tiên-sinh và quý-quyển.

Mà không những chia sầu cùng Tiên-sinh mà thôi, mà lại cũng lấy làm ái-bi cho nền Hán-học sau này đã mất hết một người có mô-phạm đề duy-trì hỗ-cứu cho các nỗi khó khăn lắm vậy.

Ôi ! Hán-học suy-dồi, nhân-tâm biến-cải, tri-hóa mới chưa thành, mà đức-hóa cũ đã lặn - hời mòn - mỗi ; những nhà cụn-học lão - thành có nhiệt - thành với nhơn-tâm thế-đạo, mong ra tay kéo vớt lại, thời cũng không dặng mấy người, vì đời bây giờ không phải câu-thức như trước, mà lại phải khai-thông dân-tri, cho nên phải tham bán cả Âu-học, Hán-học mà dựng nên một nền quốc-văn giáo-dục cho hiệp-lhời hiệp-thể nó mới hoàn-toàn nhơn-cách cho, nếu thiên về một mặt nào, tất là chệch-mệch đó. Như cụ Nguyễn Bá-Học là gồm đủ các tư-cách ấy, mỗi khi cụ làm ra bài văn nào và bài tiểu-thuyết nào toàn có cái lý-tưởng mới cũ điều-hòa dễ dặt-dù người và khuyên răn đời, cái công-nghiệp vĩ-dại thay ! thế mà trời sao không tựa người hiền, nữa để cho bề nghệ cái lòng khuynh - hường của công-chúng đương đối với cụ có nhiều sự trông mong, từ đây nền quốc-văn thiếu một cánh tay lớn, thật đáng tiếc thay.

Tôi ở xa được tin cụ Nguyễn Bá-Học là một tay trợ-bút có giá-trị của Quý-báo mới tạ-thể, lấy làm cảm-động lắm.

Những bài của cụ trước-thuật trong báo *Nam-phong* mấy năm nay xem ra đã ảnh-hưởng cho luân-ly xã-hội ta

Song le tử sinh hữu mệnh, ta cũng không nên phiền nản hoài, vì như làm một cái nhà to lớn, ngót trăm năm mới xong, thế thời không phải một tay người kiến-tạo mà nên ; tất phải số nhiều người giúp sức kể theo ; kỳ cho đến ngày thành - công thời kể trước người sau đều làm một sự công-ích cho xã-hội cả. Vì thế mà khi làm-chung cụ có di-chức mấy lời rằng : « Bảo - Tồn Quốc - Tủy », đó là cái chủ - nghĩa của cụ nhất - sinh tâm-huyết toàn thuộc vào bốn chữ đó. Than ôi ! người tuy khuất chỉ vẫn còn, mong sao đồng-bào tó-bồi vào để chóng thành cái cơ-sở ấy. Lợi ủy-thác ấy chính Tiên-Dầu tiên-sinh là đã một người tăng thọ-tri với Cụ trong buổi sinh-tiền, thời xin Tiên-sinh gắng lấy.

Sau này chúng tôi kính vẫn Cụ một cặp đôi gọi là biển chứt mền tưởng không cùng :

Chấp niên lai, nhiệt-tâm giáo-dục
 卅年來。熱心教育。
Nam-quận di-thiên, hách hách huy âm
 南郡遺篇。赫赫徽音
tiểu tạp-chi.

Thiên lý ngoại, hàm-mộ quốc-văn,
 千里外。歆慕國文。
Đông-kinh thạch-sĩ, ta ta liêu mộng
 東京碩士。嗟嗟了夢
hốt lân-văn.

忽新聞。
 ĐẠM-PHƯƠNG Nữ-sử
 Nguyễn-khoa-Thanh-Nguyên,
 Tôn-thất Văn-Bình, đồng-văn

III

nhiều lắm.

Trong buổi quốc-dân đang trông mong vào cái nền đạo-đức văn-chương của Cụ đang gia-công xây-đắp, mà Nam-thành đã với âm văn-tĩnh, thật là một ngày đau-đớn đáng kỷ-niệm cho bao-giới nước ta vậy.

Tôi thành-tâm nghĩ một câu văn-liên sau này, trước là để tỏ chút cảm-tình của người đọc báo ở chỗ thâm-sơn cùng-cốc đối với một bậc lão-thành đạo-học mới qua đời; sau nữa để giải lòng phân-ưu cùng quĩ-xã:

Năm Tân - Dậu mùa thu tháng hầy, Ai-Liên ở Đào-thôn, được tin Nguyễn Bá-Học tiên-sinh tạ-thế, vội-vàng xuống tỉnh, để tiễn Tiên - sinh một bước sau cùng, ai ngờ đến Năng - lĩnh, mình là người đi tiễn chưa đến, mà đã gặp người đi tiễn trở về, một bước trên-tràng, trăm tình ngo-ngẩn, trông theo nào thấy dấu nào, chỉ thấy mấy cây cỏ-thụ, trước rẫy Trường - thi, một nắm tân - phần, gần nơi Văn-miếu; bàng-khuàng thấy cảnh nhớ người, nghĩ duyên mà lại ngậm-ngùi cho duyên! Mình đã không có duyên tri - ngộ với buổi đương-thời, lại không có duyên tri-ngộ với người thiên-cổ; nhân tình sinh cảm, nhân cảm sinh sầu, bèn thuận con chèo quế, dạo cảnh thành-tiền, mượn thú non sông, làm thuốc tiêu-khiên.

Tình-cờ gặp một người tâm-hữu, là Thuần-Nam-tử, đọc cho nghe một câu đối nôm rằng: « *Mấy lời di-chức đình-ninh, chết đến chưa quên hồn nước cũ; Một mối cảm-tình vương-việt, sống lâu còn nhớ chuyện ngày xưa.* » Tôi hỏi: « Câu này anh viếng ai, mà có cái cảm-tình như thế. » Bạn tôi nói: « Câu này tôi viếng cụ Giáo Học. » Tôi hỏi: « Anh biết Cụ từ bao giờ? » Bạn tôi nói: « Tôi biết Cụ từ khi tôi mua báo *Nam-Phong*, và ở miệng xã-hội, thực thì tôi chưa được thừa-nhan cụ bao giờ, vẫn ao - ước sẽ có một ngày được gặp trưởng - giả, thế mà vừa rồi đọc báo *Trung-Bắc* đã thấy bài văn ông PHẠM QUỲNH chủ-bút báo *Nam-Phong* viếng

Nền quốc-văn đương buổi phối-thai, gây dựng mong nhờ tay lão-thủ.

Chuông luân-lý im hồi cảnh-tĩnh, tinh-thần còn lại báo Nam-phong.

NGUYỄN-KIỆM tự *Giản-Khanh*
(Cao-bằng)

IV

cụ rồi, đọc đi đọc lại hai ba lần, lấy làm cảm - tình lắm, góm cho trẻ tạo tham-lam, vo-vét chẳng để sót lại một ông già, cho nên mới có câu này, để viếng cụ ở trong cõi mình - mình, và tỏ cái lòng với anh em mình rằng: nếu ở đời mà có ích cho đời, thì đừng lo đời không biết mình, dấu đến muôn kiếp về sau, cũng còn có người tri-kỷ».

Chao ôi! một người biết cụ ở trong tờ báo, mà còn có cái cảm - tình lai-lãng như thế, huống chi tôi chính là người biết cụ ở lúc bình - sinh, cái lương-tâm tôi nó thúc-giục mãi, không thể ngơ tình đi được, bởi thế mà có bài văn này.

Kể từ lúc bắt đầu tôi gặp cụ là năm 1902, khi ấy nhân lúc ngọn sóng bể học tràn khắp ba kỳ, một hôm đi qua Nam - định, mượn tình đồng-bào, tự giới - thiệu lấy vào yết - kiến tiên - sinh, tuy tiên - sinh chưa biết tôi bao giờ, mà cũng coi như người biết cũ vậy, cũng không lấy là người niên-thiếu mà đãi tôi, rồi lại lấy lời thành-thực mà bảo tôi rằng: Cái trách-nhiệm ngày nay ở bọn thiếu-niên, thiếu-niên hay thì nước hay, thiếu-niên hèn thì nước hèn, thiếu-niên già thì nước già, thiếu-niên trẻ thì nước trẻ, thiếu-niên thịnh thì nước thịnh, thiếu-niên suy thì nước suy, thiếu-niên giàu thì nước giàu, thiếu-niên nghèo thì nước nghèo, thiếu-niên vinh thì nước vinh, thiếu-niên nhục thì nước nhục, như mặt trời mới mọc, như vàng trắng mới tròn, như cảnh

hồng thuận gió, như hoa hồng đương non, ấy cái vinh-hạnh tiền-dồ của bạn thiều-niên đây ; -- lần ấy là lần thứ nhất tôi được thấy tiên-sinh.

Đến năm 1909, tôi dạy học ở Bách-cốc, tiên-sinh có quá-bộ đến chơi, nhân hỏi đến việc giáo-dục, tiên-sinh nói : Việc giáo-dục ngày nay, nên giữ lấy ông Khổng ông Mạnh nhà mình làm gốc, dạy các con em nên dạy cả cách làm người, chớ không những dạy cách làm việc, rồi thì diên-dụ đến luân lý, lối và -chương, trong tư gia-tộc, ngoài đến quốc-dân, rõ thực ngôi hầu chuyên một lúc, hơn đi học mười năm ; -- lần ấy là lần thứ hai.

Đến năm 1919, tôi ở đồn-diên Phúc-yên về tham tiên-sinh, tiên-sinh hỏi việc làm ruộng có được phát-dạt không ? và phong-cảnh có vui không ? Tôi nói buồn lắm, ba bề rặng rậm, bốn mặt non xanh, sớm hôm tâm-sự, chỉ có râm ba chú Mần, năm bảy thằng Mờng mà thôi, ngoài ra chẳng còn có gì thú nữa. Tiên-sinh nói người ta nếu biết tìm cái thú, thì không có chỗ nào là buồn, càng ở chỗ buồn, thì lại càng là cái trường học thiên-tạo địa-thiết cho mình, nhà triết-học có nói rằng : Người ta không lấy cái khổ làm khổ, thì cái khổ nó cũng không làm khổ được mình ; -- lần ấy là lần thứ ba.

Rồi ra, bèo hợp mây tan, sông Thương tỉnh Bắc ; trăng chào hoa đón, bến Nhĩ hồ Tây ; không mấy khi được tiếp trường - giá, mãi đến hồi đầu tháng bảy vừa rồi, nghe tin tiên-sinh yếu, vào thăm, thì tiên-sinh nói : Tôi vẫn nhớ ông lắm, mà không biết có được thấy các ông lần nữa hay không ?

Ấy cái cuộc trăm năm của tiên-sinh, tôi được thấy cả thầy bốn lần, mấy lần trước thì thấy ở nơi thư-viện học - đường, một lần này thì thấy ở nơi Trường - thi Văn - miếu.

Than ôi ! diên-hình còn đó, triết-nhân đi đâu, swong cỏ mờ mờ, lùm đàu cho thấy, thói đàu không được thấy cái chân-thân của tiên-sinh ở nơi học-đường ở nơi thư-viện, mà được thấy cái chân-giá của tiên-sinh ở báo *Nam-phong*, ở báo *Trung-bắc*, thì tiên-sinh đâu thác cũng như là còn. Còn như lịch-sử tiên-sinh, nào đức-hạnh văn-chương, nào lịch-duyet tư-tướng, nào công-tác-thành nhân-tái, nào lời báo-tốa quốc-tử, lúc sinh-tiền đã hết lòng vì nghĩa-vụ, khi lâm-chung đủ làm gương cho hậu-nhân, ở như tai mắt người đời, và ở như tạp-chí tân-văn, chúng tôi không cần phải nói nữa.

Than ôi ! bóng câu vì - vụt, kiếp phù-sinh thắm-thoắt có là bao ! Đã chen chân vào cõi trần-ai, vòng sinh-tử đổ ai tránh khỏi. Nay thử hỏi khắp trong hoàn-vũ, suốt mặt nhân-hoàn, có ai sống mãi mà không chết, và có ai chết đến hai lần không ? Chắc là không. Thế thì trong cái quãng năm sáu mươi năm, bảy tám mươi năm, chín mười mười năm, làm thánh-hiền hào-kiệt, làm chí-sĩ nhân-nhân, làm hiếu-tử trung-thần, làm nghĩa - phú tiết-phụ, làm đại-gian cự-ác, làm loạn-thần tặc-tử, rồi sau cũng về kho vô-tận cả. Thế mà có người sống cũng như chết, có người chết mà vẫn sống, là làm sao ? Là chỉ vì có công với có tội với xã-hội mà thôi, có công với xã-hội, thì chẳng cần xã-hội trọng, chẳng cần xã-hội nhớ, xã-hội cũng nhớ ; có tội với xã-hội, thì dẫu muốn sám-hối, sám-hối cũng không được, van đư-luận, đư-luận cũng không dùng.

Cứ xem như Cự, nào có cao-khoa hiên-toạ, bìa đá bằng vàng gì đâu, cụ chỉ là một ông đồ già mà thôi, mà, đến lúc đưa đám cụ, nào chính-giới nào giáo-giới, nào thương-giới, hầu khắp cả các sắc người, thậm-chi đến cả người chỉ biết cụ ở trong mấy tập

quốc-văn, mấy hồi thuyết-bộ, mà cũng giở bát lệ cảm-tình, tổ tẩm lòng kính-mến, thế mới biết cái ma-lực của đạo-đức, cái mãnh-lực của văn-chương, cảm người đến thế, mà nào có thấy mình-tình nhà-táng, trạm-tế vòng-hoa gì đâu, nào có thấy kèn-trống om-xòm, trâu bò tuận-táng gì đâu, mà có cái vẻ linh-đình trang-trọng đến như thế.

Nay chúng tôi viếng cụ, không dám bắt chước thói đời, vì người sống mà viếng người chết, thực vì cụ mà viếng cụ, lại không phải vì cụ mà viếng cụ, thực vì xã-hội mà viếng cụ. Chúng tôi đây, người thì biết mặt, kẻ thì biết tiếng, nhưng nói tóm lại, thì đều biết bụng cụ cả, đã biết bụng cụ, thì tất có cảm-tình với cụ, đã có cái cảm-tình với cụ, cho nên mới vì cụ mà tiếc cho xã-hội ngày nay. Xã-hội ngày nay đang lúc giáp-hột, giáp-hột về nhân-tài, giáp-hột về đạo-đức, giáp-hột về ngôn-luận, giáp-hột về văn-chương, những mừng thầm có cụ là một người

lão-thành, lại ở trong vòng giáo-dục ba bốn mươi năm, đã từng quen tay chế-tạo nhân-tài, hướng-chỉ cái tinh-hạnh ôn-hòa của cụ, ai đã tiếp cụ một lần, thì cũng dễ cảm-hóa ngay, những đình-ninh Trời còn để cụ mười lăm năm nữa, để trở đường trở nẻo cho bọn anh em ta, đi cho đến nơi đến chốn, làm thơm lây cho cả quốc-tộc nhà ta, cho khỏi phụ cái lòng nhiệt-thành khai-hóa của Nhà-nước, đang dắt ta lên đường tiến-hóa, lên cõi văn-minh. Ai ngờ cụ đã chán nước đời, mà sinh ra lòng tị-thế, để yên giấc ngủ nghìn năm ở nơi lạc-quốc. Đói gánh giang-sơn, chứt lại cho đàn hậu-tiến; một trời trăng gió, vui cùng các đấng tiên-nhân; thôi từ đây mưa Âu gió Á, thế nào cụ cũng chẳng quan-tâm gì nữa!

TRẦN ÁI-LIÊN

(Lai-xá, Nam-định)

V

Về đến tỉnh Nam-định, lên đến đỉnh núi Gôi, ra đến giữa sông Vị, mắt trông đám mây kéo ngang trời, tai nghe ngọn gió qua mặt nước, hình như cụ Bá-Học Nguyễn tiên-sinh hãy còn vơ-vẩn đầu đây, còn thỏ-lộ những lời kim-ngọc, còn có tấm lòng vương-viu với quốc-dân ta vậy. Thực thế, tiên-sinh về mà tâm-sự tiên-sinh để lại, tiên-sinh mất mà danh-giá tiên-sinh vẫn còn. Nhớ tiên-sinh lúc còn bình-sinh, tìm-tòi hết lẽ, dạy bảo hết lời. Tân-học bây giờ mới thịnh, mà tiên-sinh đem công nghiên-cứu đã hai ba mươi năm nay; cụ-học bây giờ đầu suy, mà tiên-sinh còn muốn duy-trì đến nghìn vạn năm nữa. Than ôi! khổ-tâm thay, tiên-sinh! Người ta khổ-tâm để cầu lấy công-danh phú-quí, tiên-sinh khổ-tâm để giúp cho nhân-quần xã-hội. Tấm lòng quý-hóa

của tiên-sinh, ai mà không kính, không mến, không một lòng sùng-bái. Trong xứ ta, nói đến đức-tình tiên-sinh thì nhiều người phục, nói đến văn-chương tiên-sinh thì nhiều người khen; nhưng cái tâm-sự của tiên-sinh thường ân-phục ở trong phương-thốn, thường xuất-hiện ở nơi đâu non mặt bể, người không biết tiên-sinh khó lòng mà biết được. Than ôi! những bậc anh-hùng hào-khiet chí-sĩ nhân-nhân mà chỉ có mấy câu không-ngôn làm duyên với đời, thực đáng tiếc thay! thực đáng buồn thay! Nhưng địa-vị tiên-sinh lập-đức lập-ngôn cũng đã là đủ. Từ xưa đến nay lập-đức lập-ngôn đều là những việc lập-công ở trong thế-giới. Tiên-sinh thực là một bậc hoạn-nhân, mà đến bây giờ mới biết tiên-sinh là hoạn-nhân vậy. Tiên-sinh thọ 65 tuổi, chúng tôi còn

hiềm là ít, còn muốn tiên-sinh ở lại để làm mô - phạm cho chúng tôi ; mà chính tiên - sinh chắc cũng còn muốn ở lại để bảo - lồn quốc - túy, để xem cái kết-quả về sau. Nhưng ông Trời kia đã đưa tiên-sinh về nơi cực-lạc, nghĩa là không để cho tiên-sinh còn lo còn sợ gì nữa, thì chúng tôi cũng phải yên lòng mà chịu, mà chắc tiên-sinh bây giờ cũng

ngâm cười ở nơi chín suối.

Than ôi ! cái núi cao ngất, con sông trong vắt ; trông theo ngọn gió, tiên-sinh đầu đỏ, trông lên từng mây, tiên-sinh đầu trắng. Mở tập *Nam-phong* ra, nhìn bức chân-dang, đọc bài di-bút, chúng tôi vẫn còn có dư-sự.

TRẦN THỨC-CÁP (Thái-nguyên)

ĐOÀN-THIÊN TIÊU-THUYẾT

GIỌT LỆ HỒNG-LÂU (1)

(Thư gửi cho bạn)

Ngao - ngán cho thân phận má hồng,
Nghĩa thu khôn xiết nỗi long - đong.
Lời thề non nước lời thề hã,
Cái kiếp phong-trần cái kiếp chung.
Cầu lý sượng - sùng khi gió thổi,
Chén quỳnh lai-lãng lúc trăng trong.
Năm năm tháng tháng ngày ngày những...
Cho chán rồi ra cũng một chông.

T. H.

Giang hồ từ thuá mười lăm,
Đến năm mười chín còn năm trông xuân.
Xuân kia còn độ bấy lần,
Tâm thân phơi chồn bụi trần mà thương !

H. V.

Nửa đêm hôm 13 tháng Chạp năm Kỷ-mùi.

Cậu Phong,

Từ hôm em vào nhà thương đến nay, thắm-thoát đã ngót một tháng trời. Ngày nào cũng như ngày nào, chỉ những ăn cùng ngủ, những lo cùng phiền, trước mắt bên tai đây những cảnh nào-

nùng trong nhà dưỡng-bệnh. Ngày thì đình tai tiếng lũ điên kêu khóc ; đêm thì rên - rĩ tiếng người bệnh quanh giường. Buồn ra ngắm cảnh thì cảnh chỗ nào cũng như đây những tử-khí ở chỗ gần đất xa trời này.

Mấy hôm nay trời âm-u mây phủ, cây khô lá úa, gió bắc mưa dầm, bình

(1) « Giọt lệ Hồng-lâu » là một bộ xã-hội-tiên-thuyết tả tình-cảnh một mỹ-nhân khuê-các vị gia-tin' về phải lưn-lạc, sa chân vào chốn Hồng-lâu. Bức thư này về hồi « Lao-nương đũa hà thương. » - S. A

như ai đã đem cảnh buồn thiên-nhiên mà pha lẫn với buồn nhân-tạo để vẽ bức tranh ử-dật của nhà thương cho được hoàn-toàn. Cả ngày em chỉ trùm chăn nằm mà ngậm-ngùi thế-sự, mà than-thở nỗi lòng; chốc-chốc nghe tiếng giầy xích cửa đã tưởng cậu vào thăm, mà chẳng ra thì chỉ thấy người đầu đầu vào thăm ai ai cả! . . .

Hôm qua nghe thầy Mậu nói chuyện em mới biết cậu còn ở đây, nếu không đã tưởng cậu về Nam rồi, vì đến hơn chủ-nhật nay không thấy bóng người yêu đâu cả. Lúc thầy Mậu vào thấy em đương ăn cơm (cơm nhà thương thì cậu còn lạ gì thầy ấy hỏi rằng: « Có chịu khó ăn cơm trong này được nhỉ, mấy hôm nay có ai vào thăm không? » Nghe câu hỏi mà em nhúng đau lòng, ứa nước mắt quay đi gạt thắm mà gương trả lời rằng: « Thưa thầy, em không muốn phiền người nhà. » Nhưng, cậu ơi! như em thời lấy ai vào thăm, chỉ em bạn hát thì một chủ-nhật một lần là nhiều, còn những ai ai thì đứng trông mà mỏi mắt! Người đời như chúng em chỉ có người yêu, người chuộng, người « thờ » lúc khỏe mạnh, lúc môn-môn tơ đào mà thôi, còn ra khi son phai phấn nhạt, khi liễu ủ hoa sầu, khi đau yếu một mình võ-võ chốn nhà thương thì tình-nhân đã « bồng tếch tênh tang » đâu hết cả.

Em cảm đến tình thương người, lòng thủy - chung của cậu nên em xin người anh - phi - mẹ một mảnh giấy mà thổ - tận cau - tràng bằng mấy chữ bút chì, cậu đừng trách em nhà.

Đêm đêm em nằm em nghĩ, nghe tiếng gió vù - vù, giọt mưa thánh - thót mà nhớ khi ai với cậu, cậu với ai trò chuyện suốt đêm ở trong túp tranh bên gốc cây me đường Phố-Áp.

Em lại nhớ lúc trời mưa đường lội, em một nằm trong màn bên ngọn đèn

mờ, thấy cậu lững-thững đi vào, mũ ướt giầy bùn, chân bước miệng cười, lại bên giường em, rồi móc túi áo lôi lấy hai thang thuốc treo lên sào màu. Cậu ơi, những khi em mệt thế này, em hình như trông thấy hai thang thuốc giấy trắng chữ đỏ treo lơ-lửng ở kia. Hai thang thuốc ấy chẳng đáng mấy mươi mà em yêu, em quý vô-ngần. Thôi thì không còn gì bằng nữa. Những khi người đưa đi thử nhân Gô - đa, đi chọn gấm hàng Đào; những khi thủy-liên cho từng lớp, nước-huê lặng từng chai; những khi tiền cao-su trả hàng đêm, vé rạp hát lấy hàng xấp, em coi cũng như không cả. Chẳng qua là một cách khéo trả tiền chầu hát mà thôi. Khi em được thế thì em dùng, em dùng cho xa-phi, em dùng xong em cười, em chờ người đại. Thật vậy, nếu không có cái đại cái mè ấy, nếu không có những trận cười khuyah-gia bại-sản, trận cười hổ vợ lia con ấy, thì chúng em lấy đâu mà tiền tiêu quanh năm, lấy đâu mà huê hột, áo quần. Cậu ơi! còn người mẹ, còn con hát, còn con hát, còn người mẹ, ấy thế rồi các ngài lại trách chúng em bạc! Đòi chân-tình và chung-tình của chúng em thì chúng em lấy đâu mà tặng các ngài được.

Cậu ơi! thế mới biết hai thang thuốc của cậu là quý; làm cho em chưa uống mà khỏi, hứa với em bao nhiêu là chuyện vui ngâm cảnh thú riêng, ấy tình là thế, nghĩa là thế, ái-ân là thế đó, cậu à!

Em tuy nương-náu Bình-khang mà có một cảnh-ngộ riêng, là cái cảnh gạt thắm nước mắt trong tiệc rượu, cảnh chết trong ruột mà phải cười, bị người làm khổ mà phải chiều chuộng. Chắc trong đám chị em cũng có người gặp cảnh ấy, nhưng em được cái hạnh hạnh trời cho tình ngữ. Trong giấc mộng mười mấy năm nay nhiều phen thức giấc dậy mà ngắm chị em ngái ngủ nói mơ với quan viên bị thuốc mê chưa tỉnh.

Cũng nhờ cái tình ngũ ấy mà em vẫn biết em là ca-nhi, em vẫn cứ thù-phận ca-nhi, vì khi người đời không ai hiểu giọt nước mắt của mình thì đừng khóc mà người ta ghét. Chả thế mà những khi em buồn, em tìm đến nói chuyện với các bà cũng nằm một phòng thì ra họ cứ vờ đi hết. Họ biết em là ca-nhi thì dè dặt ra một xã-hội, cho là thù người bỏ đi, thù người không hiểu luân-lý là gì, thật thà là gì. Vâng, phải lắm! Em cũng biết vậy, có dám giận các bà đâu, chỉ trách các bà lòng còn, khiếm cốt tề-tâm. Các bà chưa hiểu thấu được « giọt lệ hồng-lâu » ra thế nào. Ủ, thật vậy, lứa tình bán nghĩa là nghề của chúng em, thương hảo khóc huyền là việc của chúng em; nghề đã đến thế, việc bắt phải thế, không làm sao được. Vậy thì nên trách nghề mà không nên trách người làm nghề. Các bà thử nghĩ xem, người làm ruộng mà sợ hùn làm chán, người mổ-xẻ mà sợ máu rây tay, người buột thuốc mà ghét ô-uế, người coi ngục mà kinh hình-phạt, thì làm trọn việc mình sao được. Các bà cứ cho thuốc-bổ nhất-dịnh ích người, thuốc độc nhất-dịnh giết người, các bà chỉ hiểu cho một phía đời mà thôi. Chác đâu trong chốn hồng-lâu không có người tuy tài-sắc kém Kiều mà cảnh-ngộ, tâm-sự cũng đoạn-trường như Kiều vậy. Còn như nghề tốt hay xấu, vị-tất đã tại các em. Từ khi cha sinh mẹ đẻ, nhà cửa sa sút, mua đi bán lại biết mấy lần. Có học góp được chữ nào, có chút tư-chất nào, thì chỉ dùng ra mà nói mĩa và viết những thư như thư này, nghĩa là viết thư cho tình-nhân mà thôi. Trên thế-lộ nào ai đã cấm biên chỉ rõ đường hay đường dở cho chúng em đi, khi chúng em đã đi lầm đường rồi, nào ai ra tay tế-độ bắc cầu cho chúng em sang?

Những gái kém giáo-dục như chúng em ở đời có hai cảnh: Một là thương

yêu; hai là đau đớn. Em lại không biết hậu-nhật là gì ư? Lắm khi đứng ngồi trong tiệc rượu, đứng kê trên tay tình-nhân hết sức chiều chuộng mà đã thấy hậu-lai rồi, thấy cảnh con hầu sớm trưa lược đầu, khăn mặt, thấy cảnh đứng sau màn hay dựa cột nhà người, hề khách đến thì trốn trong nhà mà pha nước, khách về thì ra dọn chén lau bàn. Vâng-vâng đã nghe tiếng mắng-rức mĩa-mai của vợ cả cay nghiệt. Ai không gặp cảnh ấy thì lại bị nổi dờ-dang, chằm-chằm yêu mến chiều-chuộng các ông rồi đến khi nhạt phèo phai son, khi quá yêu đến nổi nhỡ-nhàng thì các ông bỏ. Đã đẹp là chưa cái thân-phận đàn bà! Lúc ấy kèn ai, đánh ôm lòng ôm con mà đòi đoạn xa gần, chết đi thì tội với trời mà trở về thì chắc rằng cũng đến nhện dơi. Nếu ai sợ những cảnh ấy mà trọn đời cứ nương-náu chốn Bình-khang thì lại đến cầu « sống thì tình chẳng riêng ai, hai tay thóc xương là người tình không », mà cái khổ cũng chẳng kém gì hai cảnh trên vậy. Vì em đã nói, chúng em chỉ ở được với đời khi khỏe mạnh, khi xuân còn mà thôi. Ấy hậu-nhật chúng em là thế, cần gì mà phải lo xa, mà phải gìn-giữ; cho nên trong lòng có mấy chút ái-tình chung-tình nào thì cũng đến tiêu-ma đi hết.

Tại ai vậy? Tại các ông ư? Tại chúng em ư? Tại cả, mà không tại ai cả. Ấy vì cái nghề của chúng em thôi. Thật vậy, khi nổi danh tài-sắc thì xôn-xao ong bướm dập-diu. Toàn thấy những kẻ yêu người quý. Những tiếng nỉ-non dài ngắn, những câu thệ-hải minh-son, nghe đã đầy cả tai, coi thường như tiếng người hàng-nước chào khách qua đường vậy. Thành ra chúng em cũng chỉ lấy một tiếng chào khác mà cãi lại. Đến khi đã chán giọng đong-dưa, đã mỏi thói điem-đào, lòng đã nảy ra một chút ái-tình, muốn kiếm một lòng ki-ác mà giải-bày tâm-sự,

thì thành ra như chuyện thăng chần-hò nói dối vậy : khi không có hồ đến thì kên lên để đánh lừa người lại cứu ; khi có hồ thật thì tha hồ khóc gào không ai đến nữa ! Chúng em chỉ vì dùng nhiều câu thề-bời quá, nên về sau phải ôm khối chung-tình mà đau-

dớn ngậm-ngùi cho đến khi tan-nát hết.

Thôi người em còn yếu lắm, viết ngắn này cũng đã mệt lắm rồi, xin để lần sau.

Người cậu thương : Lan-nương

Song-An HOÀNG NGỌC-PRÁCH

NGƯỜI ĐÀN BÀ ĐIÊN

(Tả-chân tiều-thuyết)

Ông Đãng-dờ-ling nói với tôi rằng :
— Bác này ! tôi trông thấy đàn chim rẽ, lại sực nhớ đến một chuyện ghê-gớm trong khi chiến-tranh vừa rồi.

Bác hẳn biết cái trại của tôi ở xóm Cò-mây đấy nhỉ ? Ấy, ngày trước, tôi ở trại ấy nhằm ngay lúc quân Phở đến đóng ở trong xóm.

Ở bên lán-giềng tôi có một người đàn bà vì đau-khổ quá mà hóa điên. Khi người ấy mới 25 tuổi, chỉ trong một tháng trời mà mất cả cha, mất cả chồng, mất cả con mới đẻ ra nữa.

Thần Chết bình như đã biết công, biết ngõ cái nhà người ấy, nên vừa mới bước chân ra lại đã tìm vào ngay lập-tức.

Làm thân con - gái đang thủa trẻ - trung như thế mà gặp phải những cảnh-ngộ rầu-rĩ ảo-nảo như thế, thành ra cứ nằm bệt ở trên giường, trong một tháng rưỡi trời, không lúc nào là không mơ-màng hoảng - hốt. Hết mơ-màng hoảng - hốt lại đâm ra rời-rã lư - đừ, suốt ngày nằm không động-đậy, duy có con mắt là đưa đi đưa lại thôi. Người ấy ăn-uống, chỉ gọi là mỗi bữa một thí cơm. Hễ lần nào gia - nhân muốn nâng cô ấy dậy, cô ấy hét lên như sợ người ta đâm chết vậy. Bởi thế người nhà cứ mặc cô ấy nằm, chỉ trừ khi tắm rửa và thay chần-đệm là phải bế cô ấy ra thôi.

Một bà già ngồi bên cạnh cô ấy để thỉnh-thoảng cho cô ấy uống nước và ăn một ít thịt nguội. Cô ta không nói một lời bao giờ, nên không ai biết cái tấu lòng tuyệt-vọng của cô ta ra làm sao. Cô ta có nghĩ đến những người đã qua rồi chẳng ? Cô ta có mơ-màng cái gì bất-tình nhân - sự chẳng ? Hay là cái tư - tưởng cô ta nó đã chết đứ-đừ như làn nước đục ở trong ao tù-hãm rồi ?

Ròng-rãi mười lăm năm trời, cô ấy cứ nằm bẹp như thế ở trong giường.

Tôi khi xảy việc chiến-tranh thời quân Phở đến đóng ở tại xóm Cò-mây nhằm ngay vào mấy ngày đầu trong tháng chạp.

Mấy ngày đó, đến tận bây giờ tôi hãy còn nhớ rõ-ràng như là chuyện hôm qua : trời rét quá, tưởng chừng như đá cũng nứt vậy. Tôi thời bị bệnh đau các đầu xương, đang nằm sóng-sượt trên cái ghế bành-tượng dài, bỗng nghe thấy tiếng quân giặc kéo tới, bước nặng-nề mà dịp-dàng. Tôi nhìn cửa sổ ra thời thấy quân giặc đi qua đường cái.

Quân giặc kéo đi vô - chừng - hạn, mãi mãi không hết, đũa nào cũng như đũa nào; mà chân tay cử-động thì cứng nhắng cứng nho; thật không còn lẫn với người nước khác được. Xong rồi, những chủ-tướng phán-phát các

quan-quan cho mỗi nhà một ít, nhà người đàn-bà diên ở bên láng-giềng tôi phải chứa 11 tên lính và 1 ông quan tư, lính đã què-kệch tục-tần, lại hay nóng-nảy ác-nghiệp.

Mấy hôm đầu-tiên thì cũng thường thường vậy, không có làm sao cả. Cũng có kẻ đã nói cho ông quan tư ấy biết rằng bà chủ-nhà kia bị ốm nặng, nhưng ông ấy cũng mặc kệ, không cần . . . Song-le chẳng bao lâu ông quan nọ nghĩ đến người đàn-bà cấm cung ấy, phát tức lên, muốn biết người ấy phải bệnh-tật gì, thì gia-nhân họ bảo rằng phải bệnh buồn-rầu quá nên cứ nằm liệt ở trên giường đã mười lăm năm nay rồi. Dê-thường viên võ-tướng cho rằng người đàn-bà nọ tự-cao nên không lo mướn ra ngoài sợ khi trông thấy người mình lại phải trò-chuyện lời-thôi, đùa-bỡn cợt-nhả chẳng ?

Vi thể hẳn ta bắt người ốm phải tiếp hẳn ; bắt người nhà phải đưa hẳn ta vào hẳn trong phòng người ốm. Hẳn ta hỏi gặt lên rằng :

— *Pà ơi ! tôi mời pà từng giậy, pước xuống tày cho tôi tước tiếp pà !*

Người diên nhìn quay lại, mà không nói làm sao cả, hai con mắt thì bàng-hoàng hoảng-hốt, không còn chút tinh-thần nào nữa.

Viên tướng Phở lại nói rằng :

— *Tôi không chịu tước những nước chích-thượng ấy tâu ! Nếu cô không tâng dấy cho tử-lễ thời tâng này sẽ có cách làm cô phải li lại nữa kia !*

Người diên vẫn không cự-cậy, cứ nằm yên đó hình như không trông thấy viên quan-tư Phở vậy.

Viên quan tức quá, yên-trị rằng người nọ định không thêm nói với mình nữa lời, ấy là khinh-rẻ mình lắm lắm đó, bèn chêm một câu nữa rằng :

— *Mày giỏi cứ nằm yên đó mãi đến ngày mai . . !*

Nói xong rồi đi ra.

Đến ngày hôm sau, bà già coi có ta, sợ thất-thần, định mặc quần áo cho có ta, song có ta không chịu vừa kêu vừa dấy rầm-rỉ cả lên. Đến lúc viên tướng giặc bước vào, bà già chạy ra ôm lấy đầu gối hẳn ta mà kêu van rằng :

— *Bẩm quan lớn ! bà tôi không buồn đứng dậy, tôi đã hết sức kêu nài rồi, xin quan lớn đại-xá cho, kẻo bà tôi khổ sở lắm rồi đây !*

Viên Phở cũng lúng-túng, dẫu rằng giận thật, song vẫn chưa dám cho lính kéo người diên xuống đất ; sau bỗng-dưng bật cười lên sáng-sắc rồi hô lên mấy tiếng bằng chữ Phở cả.

Tức-thì bốn người quân khênh cả cái đệm ra như ta khênh một người bị-thương vậy. Người diên cứ nằm đó, không cự-cậy, không nói-nặng ; hề có ta được nằm yên là ai muốn nhắc đi đâu cũng mặc.

Giờng khênh đi trước thì gói quần-áo của cô ta đi sau, đã có một người lính khác cầm theo.

Viên quan võ xoa tay đọc to một câu rằng :

— *Nếu pà không giậy mặc quần-áo lấy mà tí chơi với tôi một lát, tôi sẽ có cách . . .*

Rồi thấy cái đám rước ấy đi về phía rừng Ý-mẫu-viên.

Cách đấy chừng hai giờ, thấy quân-lính trở về tay không cả.

Thời từ đó không ai trông thấy người diên nữa. Chẳng hay những quân giặc kia đã đem đi đâu ? Đem đi để làm tinh-tối những gì rồi ? Tinh không còn ai biết.

Đang độ ấy thì suốt ngày đêm lúc nào cũng có tuyết xuống, thành ra bao-

bọc cả đồng-bằng lẫn rừng núi, trắng-toát như một tấm rêu lạnh phủ kín một người chết cứng vậy. Lang, sói thì lượn cả đến cổng nhà chúng tôi mà găm-thét inh-ôi.

Lúc nào tôi cũng nghĩ vơ-vẩn đến người đàn-bà mất-tâm mất-lịch ấy luôn luôn. Tôi đã nhiều lần chạy-chợt cùng các quan Phủ để dò tin-tức người ấy ra làm sao, chỉ suýt nữa là bị họ đem bắn.

Sau mãi tới mùa xuân; các quân-hinh chầy đi hết; nhà người điên đóng cửa kín mít, lối ra, ngõ vào, cỏ lên rậm-rạp.

Bà già coi người ốm đã chết từ tháng chạp kia rồi; thành ra không ai để tâm đến cái việc thăm-trọng ấy nữa. Duy còn một tôi không bao giờ quên được thôi.

Chẳng hay người điên đã bị những quân ác-kia làm gì rồi? hay là người ấy đã chạy trốn qua rừng, gặp ai người ta phước-đức bắt lấy đem bỏ vào nhà thương nào cho? Nhưng nếu có vậy chắc cũng không ai biết lý-lịch cô ta ra làm sao, vì cô ta không nói kia mà! Riêng tôi cứ nghi-ngờ vơ-vẩn thế mãi, không tìm vào đâu cho biết đích-sắc được! Nhưng ngày qua tháng lại, cái món thương-tâm của tôi càng dần-dần mà nguội bớt đi.

Sau mãi đến mùa thu năm ấy, tôi thấy chim rẽ cứ đàn-lũ bay qua, mà cái bệnh đau xương nó cũng không

hành-tội tôi lắm nữa, tôi mới cố men vào tận trong rừng. Tôi bắn đã được 4, 5 con rẽ rồi, chợt lại nhằm trúng một con nữa, thế nào nó rơi ngay xuống một cái hố chông-chất những cành-cây. Tôi phải nhảy xuống để lấy chim lên. Tôi thấy chim rơi ngay bên cạnh một cái đầu-lâu người chết. Tôi giật thót mình, nhớ tới người điên thuở trước, như bị một quả trúng ngay giữa ngực vậy. Trong cái năm tối lảnh ấy cũng chẳng tí gì người bỏ thấy ở khóm rừng này, song tôi không hiểu tại làm sao tôi cứ quyết rằng cái đầu-lâu nọ chính là đầu-lâu người điên kia; tôi chắc lắm, bác ạ!

Rồi thốt-nhiên tôi nghĩ ra, hiểu rõ hết. Ra những quân giặc khêu cả đem lẫn người điên bỏ trong khoảng rừng hiu-quạnh đó; người điên cứ kháng-kháng một lòng, không rời ý cũ, tay không cựa, chân cũng chẳng co, chịu nằm chết ở đó, sương-tuyết cứ nhẹ-nhàng rơi xuống, phủ đặc cả thân-thể con người bạc-mệnh ấy đi, để cho lang-sói đến ăn thịt và chim-chóc đến tha len trong cái đệm rách về làm tổ cho con ở.

Tôi bèn lấy cái sọ ấy, đem về giữ lấy, và ngày đêm cầu-nguyện con-cháu sau này không bao giờ lại còn phải trông thấy binh-khí chiến-tranh nữa!

BUI HUY-CƯỜNG dịch

trong tiểu-thuyết DE MAUPASSANT

Imposer silence à une opinion est pernicieux, surtout parce qu'en le faisant on vole la race humaine tout entière; la postérité comme les contemporains, et plus encore ceux qui diffèrent de cette opinion que ceux qui la partagent.

JOHN STUART MILL

Ngăn-cấm cho một cái ý-kiến không hiểu ra được là một sự hiểm-độc, vì làm như thế khác nào như ăn-trộm mất một cái cửa chung của cả loài người, kẻ hậu-thế người đương-thời đều bị thiệt cả, và có lẽ những người không đồng ý-kiến ấy lại thiệt hơn là người cùng một ý-kiến.

CẨM-HOẠC TÂM-NGUYÊN

琴學尋源

(Khảo về nghệ đờn ở nước ta) (1)

Bài thứ V

LƯU-THỦY chậm.
32 nhịp

流水 緩調 三十二拍

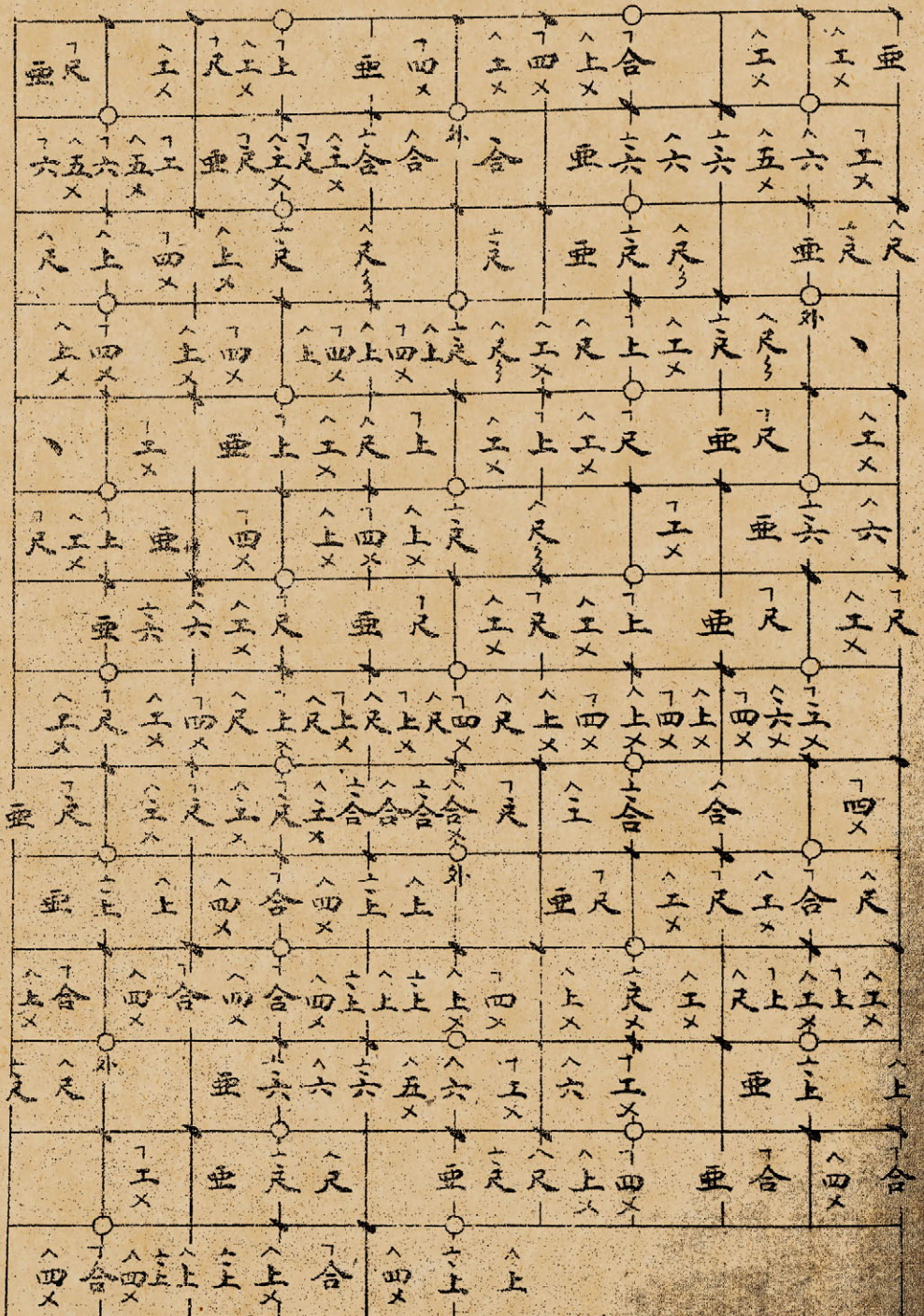
(1) Xem Nam-Phong số 47, trang 370-386; số 48, trang 468-481 số 49 trang 44-61 số 50 trang 149-158



CHÂN-TRÁP, 492 nhịp.

振 鬻 一 百 三 十 二 拍





VĂN-UYÊN

Bác Đồ đi cấy (Săm)

Đi thi cấy ; đi thi cấy,
Anh biết mình anh thôi ! tếch thẳng
ra đi cấy.

Bởi chung dốt - dốt anh chịu ngay
xuống bò (1).

Tiền lương anh trời đã dành cho,
Một năm hai lần lĩnh cũng vừa số
anh ăn chơi.

Phong-lưu từng-trải mùi đời,
Chẳng dù chẳng lọng anh chỉ hơn
người được chữ tự-do.

Khi vui đủng-đỉnh đến làng-nho,
Khi buồn ra đứng mát nghe kể chuyện
bò nó nghêu-ngao.

Bước chân anh ai cấm ai rào,
Dù ngang dù dọc dù sao mặc lòng !
Hỏi tình rằng thế có sướng hay
không ?

ÁI-LIÊN

Bà My-Ê

Ơn vua nợ nước trả cho xong,
Dám tiếc làm chi mảnh má hồng.
Sau trước vẫn cam thề sống thác,
Mất còn nở để thẹn non sông.
Mây sầu lớp lớp bay về Bắc,
Sông thẳm rừng-rừng cuộn hướng Đông.
Đội phải chiếu rồng ban triệu đến,
Đã đành trọn tiết với vương-công.

ĐẠM-PHƯƠNG nữ-sử.

Vịnh cờ hoa lau

I

Cỏ rừng cây nội vẫn tầm-thường,
Ứng vận diêm lảnh giúp đế-vương.

Chống nổi mây mưa trảm trận gió,
Quệt tan mù khói mấy ngàn sương.
Ngủ nhờ lảnh mặt cơn nguy-hiểm,
Đình cây ra tài tập chiến-trường.
Độc sử nước nhà thôi bắc-thuộc,
Cờ lau mục-tử trước làm gương.

THANH-NGUYỄN.

II

Phối-phối đôi ngàn ngọn tuyết sương,
Khiến người lại nhớ chuyện Đinh-Hoàng.
Dấng dầy mặt trận phao ngũ trắng,
Kéo khắp sườn non rải lá vàng.
Lướt gió xông mưa chỉ sá ngại,
Khua ong đuổi kiến đã nên đường.
Điêm lảnh ứng thuở chơi đùa trẻ,
Mỗi một từ đây mới vững-vàng.

ĐẠM-PHƯƠNG nữ-sử.

III

Thấy hoa lau lại nhớ vua Đinh,
Độc-lập nhờ ông mở nước mình.
Lặng một phương trời ngũ trắng trắng,
Cuốn trăm trận gió lá xanh xanh.
Lo-thơ ngũ bóng chơi đàn trẻ,
Hiu-hắt như còi gọi diêm-bình.
Hỡi kẻ phất cờ đầu vắng tá,
Ngàn năm cây cỏ vẫn lưu-danh

Thị-độc TRẦN BAN

IV

Nước ta cờ dựng tự Đinh đầu,
Đầu giao cờ chơi mấy ngọn lau.
Xấp-xoi thề ngũ xông gió trận,
Phất-phơ như lá diêm sương màu.
Nép bên sông cạn dăng dài thẳng,

(1) Chịu bỏ bẹp.

Ở giữa đồng không cặm trước sau.
Động cũ Hoa-lư đầu khuất bóng,
Muôn năm còn tiếng trẻ chăn trâu.

MỘNG-PHẬT

Qua Đèo-ngang (tức-cảnh)

Ô-tô nhẹ tách thẳng đường mai,
Qua đến Đèo-ngang mới điểm hai.
Xanh-ngắt một màu cây đặc núi,
Trắng-phao muôn khoảnh nước in trời.
Bơ-sơ cửa ải ngăn mưa gió,
Quanh-quất đường xe khúc vắng dài.
Bia-dá hãy còn nề nếp cũ,
Trái tăng sương-tuyết chữ chưa phai.

ĐAM-PHƯƠNG nữ-sử

Sau khi nghỉ hè lại ngược Cao-
Bằng (1920)

Gió thổi hiu-hiu bóng xế tà,
Một mình buồng khẩu quăng đàng xa.
Trông với phần-tử từng mây cách.
Thẹn mặt bông-tang bụi cát pha,
Sông nọ chân cò khôn lặn-lội,
Non kia vó ký mắng bôn-ba.
Trên yên ngắm cảnh rừng xanh biếc,
Buồn nỗi tha-hương nhớ nỗi nhà.

Lữ-hoài

Xuống bề lên rừng thiếu nỗi chi !
Phong-trần từng giấm mặt nam-nhi.
Trông trăng thêm lủi thân lưu-lạc,
Ngắm núi dường khêu mối biệt-ly.
Chén rượu bàng-khuàng lòng cảm cảnh,
Phiếm đàn diu-dạt khúc tương-trì.

Canh khuya gối chiếc khôn thành mộng
Vãng-vãng bên tai dễ khóc ri.

Chơi núi

Vùng ó chênh-chếch nhạt màu son,
Đạo bước cùng nhau tới đỉnh non,
Hoa rụng đầy khe, khe róc-rách ;
Rêu in ngắn đá, đá tron-von.
Trông về cố-quận xa xa tít,
Dòm xuống bình-nguyên bé-bé con.
Thở hút chứa-chan không-khi tốt,
Ra về đã thấy bóng trăng tròn.

Đề đền Nùng-Trí-Cao đại-vương.

(Đền ở trên núi Sầm-sơn, tỉnh Cao-bằng,
tên là đền Cao-Sầm. Núi Sầm-sơn chính là
chỗ ông Nùng-vương tập quân ngày trước).

Khí thiêng rừng núi đúc anh-hào,
Trống trận năm xưa rầy đất Tàu.
Vỡ mặt bình Nam năm hồ-tướng,
Thét roi ải bắc một long-câu (1).
Mở thêm bờ-cối trời trăm Việt,
Riêng dựng cơ-đồ đất tám châu.
Hương lửa ngàn thu non nước cũ,
Sầm-sơn cao ngất Hiên-giang sáu.

Tự-thuật (1920)

Niên-hoa bầm dốt đã ha mươi,
Trần-bãi lênh-đênh mấy độ rồi !
Cuộc đất vắn xoay sao thế mãi ?
Phương trời lưu-lạc đến bao thời ?
Chuyện đời rất mặt con cười khóc.
Ngã lợi chen chân lối ngược xuôi.
Mượn chén thanh-liên khi chênh-
[choang,
Toan đem tám-sự hỏi ông Trời !

Thái-phong Vũ Khắc-Tiếp

DỊCH BÀI THƠ » CÁI HỒ » CỦA ÔNG LAMARTINE

Bản-chi tiếp được nhiều bản dịch bài thơ « Hồ », nhưng xét ra cũng sát-sì
nhau cả, không bản nào hơn hai bản đã đăng kỳ 49 trước, vậy tưởng không cần

(1) Tự chuyện Nùng-đại-vương có ngựa long-câu ngày đi ngàn dặm.

phải đăng hết ra đây làm gì. Duy có bản sau này của một ông bạn đọc báo ở Nam-kỳ, dịch cũng xát nghĩa lắm, xin đăng ra đây để công đồng-lâm. Ông lại gửi thêm một bản dịch bài thơ « Mùa Thu » cũng của ông LAMARTINE, xin đăng cả nguyên-văn, cả lời dịch như sau này.

Cái hồ

N.-P.

Cứ trôi-nổi đưa hoài bến mới,
Giữa trường-hôn mãi tôi không yên ;
Thế thì trên bề thiên-niên,
Ta không ngày dặng neo thuyền hay sao ?

Hỡi hỡi hồ ! năm đầu vừa mãn,
Chỗ bế ; xưa cùng bạn sánh đôi,
Hãy coi ! ta lại bồi-hồi,
Ngồi trên hòn đá nàng ngồi, chạnh riêng !

Hồ khi ấy cũng rền vực hằm,
Cũng bỏ gành bình lắm xo-rơ ;
Cũng là gió tạt vô bờ,
Lắm vắng bọt sóng chờn người mến
[thương.

Có nhớ chẳng ? đêm trường mát mẻ,
Cả hai ta lặng-lẽ ra vờ ;
Vẳng nghe trên nước dưới trời,
Thấp cao chèo nhịp, nhất loi sóng đàn.

Bỗng đâu giọng trầu-hoàn chưa hẳn,
Đưa vào bờ một bản thanh-tao ;
Sóng như lắng tiếng ngạt-ngào,
Giọng mình nghe mến bèn rao mấy lời:

« Hỡi niên-nguyệt, một hai đừng cánh !
Hỡi khắc-giờ hữu hạnh, ngưng đi !
Đề ta hưởng phước bất-kỳ,
Một đời bụi đỏ mấy thì tuổi xanh !

« Lắm kẻ rúi cầu xin dưới thế,
Thì mau qua, chớ để nhọc người ;
Rước theo cho rảnh nợ đời ;
Còn ai hưởng phước đó thời quên đi.

« Mà xin hưởng vài thì dễ dặng,
Ngày tháng qua, tuổi chẳng chờ ta (1) ;
Xin đêm nay : « Ráng dần-dà » ;
Té hừng-đông sắp đỏi nà đêm nay !

« Vậy tua đề lòng này thân-ái !
Bóng qua song, ta phải hưởng liền !

Người không bến, ngày không biên ;
Ngày riêng thắm-thoát, người riêng
[tiêu-tàn ! »

Thì-giờ ghét chi trang tình nặng,
Mấy hồi cùng lai-láng nguồn ân,
Lẽ đâu lệ cánh không dừng,
Lia ta mêu thê mấy lần gian-nguy ?

Sao lại thế ! phượng chi dành tích ?
Biệt rồi sao ? giờ thích mắt sao ?
Thì-giờ cho phước dường bao,
Thì-giờ phải sạch, khi nào trả ta ?

Hỡi vô-bạn, thi qua thắm-thắm,
Chớ ngày chôn nhiều lắm để chi ?
Những là cao-hứng mấy khi,
Đoạt rồi, xin nói : vậy thì trả không ?

Hỡi hồ ! động ! non bông ! rừng tới !
Trơ tuyết sương, hoặc gọi không già,
Bao nhiêu cảnh lịch sơn-hà,
Đêm này xin giữ ít là dấu chi !

Hỡi hồ đẹp, xin ghi tình lại,
Dầu thanh-bình, dầu phải phong-ba.
Và ghi trong nồng diềm-dà,
Trong chòm thông sậm, trong và đá gie

Gởi cho ngọn gió nghe rền thổi,
Gởi tiếng gành, gành dội tiếp vang.
Gởi gương trăng bạc rõ-ràng,
Thường gieo mặt nước thanh-quang
[một màu !

Xin gió phất lách-lau rền-rĩ,
Cùng mùi hương thanh-khí hồ sinh,
Loài hữu-chất, vật vô-hình,
Đều rằng : « Người đã nặng tình ái-
ân ! »

Nam-kỳ NGUYỄN NGỌC-ÂN
phiên-dịch

(1) Nhứt-nguyệt thệ-hỉ, tuế bất ngã dĩ (Lượn-ngữ)

L'automne.

Salut! bois couronnés d'un reste de verdure!
Fenillages jaunissants sur les gazons épars!
Salut! derniers beaux jours! le deuil de la
nature

Convient à ma douleur et plaît à mes regards.
Je suis d'un pas rêveur le sentier solitaire;
J'aime à revoir encor, pour la dernière fois,
Ce soleil pâlissant, dont la faible lumière
Perce à peine à mes pieds l'obscurité des bois.

Oui, dans ces jours d'automne où la nature
expire,
A ses regards voilés je trouve plus d'attraits;
C'est l'adieu d'un ami, c'est le dernier sourire
Des lèvres que la mort va fermer pour
jamais.

Ainsi prêt à quitter l'horizon de la vie,
Pleurant de mes longs jours l'espoir évanoui,
Je me retourne encore et d'un regard d'envie
Je contemple ces biens dont je n'ai pas joui.

Terre, soleil, vallons, belle et douce nature,
Je vous dois une larme aux bords de mon
tombeau!
L'air est si parfumé! la lumière est si pure!
Aux regards d'un mourant le soleil est si
beau!

Je voudrais maintenant vider jusqu'à la lie
Ce calice mêlé de nectar et de fiel:

Au fond de cette coupe où je buvais la vie,
Peut-être restait-il une goutte de miel!

Peut-être l'avenir me gardait-il encore
Un retour de bonheur dont l'espoir est
perdu!

Peut-être dans la foule, une âme que j'ignore
Aurait compris mon âme et m'aurait ré-
pondu!

La fleur tombe en livrant ses parfums au
zéphire

A la vie, au soleil, ce sont là ses adieux:

Moi, je meurs; et mon âme, au moment
qu'elle expire,

S'exhale comme un son triste et mélodieux.

LAMARTINE

Mùa thu

Chào rừng dư chót tàn thưa!
Lá vàng lác-đác, cỏ thưa lai-rai!
Chào ngày thanh-bạch chẳng dài!
Tiêu-diêu cảnh ngoại, ai-hoài tinh trong.

Đường quanh bước, dạ sầu đông;
Nhơn khi còn thấy, thả lòng rắng trông;
Ác kia lững-đứng phai hồng,
Bóng trên thỏn-mỏn, rừng trong lò-mờ.

Ngày thu cảnh-trương tiêu-sơ,
Càng xem ủ-dột, càng ưa dịu-dàng;
Khác chi bạn già lên dằng,
Hay người gần xuống sống vàng nuôi ai.

Như ta đành phải xa đời,
Lòng sầu mạnh bạc, lụy roi cõi già.
Chạnh tình ngành lại ngó qua,
Của chưa hưởng trước, qui đã theo sau.

Trời thanh, đất lịch một bầu,
Mồ hoang hầu gởi, giọt sầu xin dâng!
Gió thơm ngát! bóng trong ngần!
Kẻ gần thác nhắm dương-trần tốt thay!

Mong lòng cạn chén hôm nay,
Ngọt-ngon cũng mặc, đắng-cay cũng
đau:

Chén đời nếm mật bầy lâu,
Họa may dưới cựa còn đâu chút đường!

Họa may cái số đoạn-trường,
Đành cho chút phước nay dường hết
trông!

Họa may giữa đám người đông,
Có ai hiểu thấu đam lòng chúng ta!

Hoa tàn gởi chút thơm hoa,
Cho đời, cho gió đặng mà biệt-ly:
Đáy tàn, gần phải xa đi,
Sầu tước chín khúc, chạnh ghi mấy
vần.

Nam-kỳ NGUYỄN NGỌC ẪN
phiên dịch

THỜI-ĐÀM

Việc cải-lương hương-chính ở Bắc-kỳ. — Kỳ trước đã nói qua về việc cải-lương hương-chính ở Bắc-kỳ. Kỳ này xin lược giải tờ chu-tri của quan Thống-sứ Bắc-kỳ ngày 12 Aoút 1921 chỉ bảo cho các quan công-sứ đầu tỉnh về cách-thức thi-hành sự cải-lương ấy. Tờ chu-tri này khác nào như lời chú-thích hai bản nghị-định số 1919 và 1950 đặt ra hội-đồng tộc-biểu và sổ chi-thu cho các làng.

Quan MONGILLOR nói rằng ngài quyết định việc cải-lương này là chủ-ý trừ những điều tệ trong hương-chính. Điều tệ thứ nhất là các kỹ-dịch trong làng xưa nay không có chức-trách nhất-định; điều tệ thứ nhì là các khoản đóng góp trong làng không có sổ-ngạch nhất-định, dân-dân em thường phải gánh-vác nặng-nề. Muốn trừ điều thứ nhất, bèn đặt ra hương-hội, họp những người đại-biểu các họ cũ ra để trông nom việc làng; muốn trừ điều thứ nhì, bèn đặt ra sổ dự-toán chi-thu, để định trước các khoản xuất-nhập mỗi năm. Mục-dịch tờ chu-tri này là giải-thích về cách nên đặt sổ dự-toán chi-thu ấy như thế nào

Nói về cách biên-định và thi-hành dự-sổ chi-thu. — Theo điều thứ 21 trong nghị-định, chỉ những làng nào 500 dân trở lên và nộp thuế hơn hai ngàn bạc mới bắt đầu đặt sổ chi-thu. Hạn-định như thế là để cho các quan tỉnh và quan phủ-huyện hết sức trông nom được, vì việc cải-lương này thành-hiệu ít hay nhiều là ở như công-đốc-suất của quan An-nam.

Sổ dự-toán phải bắt đầu từ ngày mồng một tháng giêng tây (1er Janvier); đáng lẽ bắt đầu từ ngày tết nguyên-đán an-nam thời phải hơn, nhưng mà nay người An-nam cũng đã quen ngày tháng tây rồi, và lại ở tỉnh Hà-đông thí-nghiệm đặt sổ chi-thu đã mấy năm, đều theo ngày tháng tây cả, không thấy trở-ngại gì. Vậy nên nhất-luật theo ngày tây cho tiện, nhưng bên cạnh nên chừa cả ngày tháng an-nam để tiện đối-chiếu.

Sổ dự-toán do viên Chánh-hương-hội dự-thảo, rồi đem ra quyết-nghị ở hương-hội, sau trình quan phủ-huyện xét rồi bầm-lịch, quan tỉnh xét rồi tư sang quan Sứ, quan Sứ duyệt-ý mới thi-hành được. Muốn cho kịp thi-hành đầu năm sau thời sổ dự-toán phải đem ra quyết-nghị ở hương-hội vào khoảng tháng mười 10 (Octobre) năm trước.

Nói về các khoản thu-nhập. — Đặt ra sổ chi-thu phải định rõ các khoản thu-nhập, trước là để cho dân làng có tiền mà kinh-lý mọi việc công-ích, sau là để trừ những sự đóng góp quá-đáng.

Điều thứ 6 trong nghị-định chỉ kể những khoản thu-nhập thường về công-diễn công-thờ và các thuế-lệ riêng của làng, không kể đến những khoản phụ-thầu bách-phân (centimes additionnels) về các thuế nhà-nước, các khoản phụ-thầu này lâm-thời có thể thêm vào được, nhưng không nên định trước làm thường-khoản.

Các khoản thu-nhập cưỡng-bách là những khoản phải nộp theo như khoản lệ trong làng và những lợi-tức về công-diễn công-thờ. Những tiền khoản-lệ, là các khoản tiền cào, tiền ma, tiền khao vọng, tiền tên lão, trong nghị-định đã ước-định các sổ-ngạch làm hạn, không thể hơn được. Người dân nộp tiền theo lệ thời không phải làm cố-bản thuế làng xa-phí vô-ích như trước nữa.

Ao, ruộng, ruộng, đất công của làng phải mở đấu-giá bình-trung trong dân làng. Ruộng đất công đây không phải là hạng « công-diễn quân-cấp » phải chia cho khắp người làng, nhưng là hạng công-diễn đã đặt làm của chung, hoặc ít quá không thể quân-cấp, cùng những hạng bút-diễn, lương-diễn, hậu-diễn, v. v. Tiền lĩnh-trung ấy phải bỏ vào công-kho.

Khoản thu-nhập tùy-nghị có định: 1° một thứ thuế về trâu, bò, ngựa, thuế này nhiều làng đã có rồi; 2° một thứ thuế thổ-trạch, phân ra các hạng nhà gạch, nhà gỗ, nhà tranh và tính theo từng gian; 3° những tiền phạt vi-trải lệ làng, do tòa hương-hội nghị

phạt (các khoản phạt này trong khoán-lệ làng phải định rõ và trình quan Công-sứ duyệt mới được thi-hành). Các khoản thu-nhập này thời tùy-ý hương-hội muốn đặt hay không đặt cũng được.

Tiền phụ-thâu về thuế Nhà-nước cũng là một khoản thu-nhập tùy-nghĩ. Tiền phụ-thâu về thuế điền thời phàm những người cấy ruộng trong làng dù là công-điền, tư-điền hay là ruộng phụ-canh, đều phải nộp hết.

Quan-trọng nhất là điều thứ 8 định rằng phàm các khoản thu-nhập có kê trong sổ dự-toán kỹ-dịch mới được thu, và phải thu đúng như số-ngạch đã định, không được thu lạm. Người kỹ-dịch nào thu lạm, hay là thu một khoản nào không có định trong sổ; phải đem ra tòa Nam-án xử tội. Quan Thống-sứ dặn các quan Công-sứ phải trông nom kỹ về điều đó.

Đã đặt ra sổ chi-thu thời không có khoản gì phải nộp bằng vật-chất. Như nộp lúa xuong, từ nay bỏ; tuần canh đồng thời được ăn lương, chớ không được nhận lúa nữa.

Còn về khoản cuối cùng điều thứ 6 định rằng ngôi-thứ ở đình-trung là thuộc về danh-dự mà thôi, chớ không được những quyền-lợi riêng như miễn-sai, miễn nộp, v. v, như trước nữa; điều này thi-hành có lẽ cũng hơi khó, vì có ý sửa lại một cái tệ-tục đã thông-hành ở nhà quê; nhưng quan Thống-sứ dặn các quan Sứ và quan ta phải giảng-giải cho dân hiểu là một sự công-bằng, tuy có thiệt cho mấy kẻ đàn-anh hay bất-nại dân, nhưng lợi cho cả đồng-dân không phải gánh vác thay cho bọn kia nữa.

Những khoản thu-nhập phi-thường, là các khoản của Nhà-nước hay của người ngoài trợ-cấp, các tiền bán công-điền công-thổ cùng các khoản thặng-thâu (*surtaxes*) về thuế nhà-nước. Những khoản này là gặp những khi đặc-biệt, phải làm việc gì công-ích to-tát mà tiền thu-nhập thường không đủ, và phải xin phép quan Sứ mới được biếu vào dự-toán. Những khoản thu-nhập đặc-biệt tới hơn 2 ngàn đồng thời lại phải có phép quan Thống-sứ nữa mới được.

Nói về các khoản chi-xuất (điều thứ 9 và 10).— Chia ra làm hai hạng: chi-xuất thường, chi-xuất đặc-biệt. — Chi-xuất thường lại

chia ra: a) chi-tiền về việc hương-chính; b) chi-tiền về việc công-ích; c) chi-tiền về việc tế-tự.

Chi-tiền về việc hương-chính là những khoản như sau này: tiền phụ-cấp về lộ-phí cho các kỹ-dịch phải lên quan tỉnh hay quan sở-tại, tiền này ước-định là ba hào hay bốn hào một ngày; — tiền công cho tuần (từ nay là ăn-lương của làng, chớ không được lấy tiền lấy lúa của tư-dân); — tiền phụ-cấp cho lý-trưởng thay vào bút-điền trước, cho thủ-quĩ và cho thư-ký, — tiền giấy bút; — tiền sắm đồ dụng-cụ, như bàn, ghế, tủ, v. v.

Chi-tiền về việc công-ích là những khoản như sau này: bảo-tồn các đình, chùa, miếu, sở chung của làng và tu-bổ thường; — tiền cứu-cấp cho những người ốm - đau tàn-tật và tiền kinh - phí về nhà-thương nhà-đẽ, các nhà - thương nhà-đẽ này nên mấy làng chung nhau mà đặt, lúc mới đầu Nhà-nước sẽ liệu trả lương khoán - hộ và có đỡ cho; — tiền vệ-sinh, thứ nhất là tiền đào giếng và giữ giếng cho sạch - sẽ, nếu làm được những bề lọc nước như làng Thanh-Hệch tỉnh Hà-dông thời hay lắm; — tiền học-phí, tiền bảo-tồn nhà trường, trả công thầy giáo; mấy làng họp nhau lại mà lập một trường cũng được; nếu có đủ trường hương học thời bỏ khoản lương tổng-sư hiện nay còn phải góp cho sổ chi-thu Bắc-kỳ, v. v.

Chi-tiền về việc tế-tự là những khoản như sau này: tiền mở hội vào đám, các quan phải trông nom cho những khoản này mỗi ngày một bớt đi; — tiền giỗ hậu, lấy lợi-tức hậu-điền mà chi vào và phải theo cái di-ý của người để của lại; — mua những đồ dụng-cụ về hội-hè ma-tray, như kiệu, lộ-lộ, tàn quạt, v. v, khoản này cũng phải giữ cho tiết-kiệm.

Những khoản chi-xuất phi-thường thời lấy ở tiền thu-nhập đặc-biệt mà chi. Chi-xuất phi-thường như: những việc tu-bổ to về đình chùa miếu sở công, hay là xây dựng mới, dẫn nước, đặt cống, đắp đường, v. v, cùng những khi thiên-tai lụt hạn, chặn-cấp cho dân đói. — Những khoản này quá hai nghìn đồng phải xin phép quan Thống-sứ, như trên đã nói.

Nói về cách thi-hành sổ chi-thu. — Quyển thi-hành sổ dự-toán là ở một tay chánh-hương-hội, vậy chánh-hương-hội phải chuẩn-cti các khoản, trách-nhiệm cũng nặng, phải chọn

người danh - giá và mẫn - cán; lúc mới đầu chắc ít người muốn làm một chức nặng - nề như thế; các quan phải cố-võ cho những người khá chịu ra làm; quan Thống-sứ có hứa rằng người nào làm được việc sẽ cho phẩm-hàm. — Tiền bạc thời do thủ-quĩ giữ, có một người thự-ký phụ để biên sổ-sách.

Tiền thu về công-diền công-sứ phải theo kế-ước, còn những tiền nộp phạt, nộp ma, nộp khao, vọng, v. v. theo giá ngạch đã định, người đương sự phải nộp cho thủ-quĩ chiếu giấy tổng-thu (*titre de recette*) của chánh-hương-hội.

Còn các thuế-lệ khác (như thuế trâu bò, thuế trạch, v. v.) phải làm sổ thuế-bạ (*roles*) biên rõ tên mỗi người dân phải nộp cho làng bao nhiêu định trước, rồi yết - thị cho công-dân đều biết.

Quan Thống - sứ truyền cho quan sở-tại phải giúp cho các làng trong việc thu các thuế cho làng và thuế nhà nước, nghĩa là gặp người nào trây lười không chịu nộp, làng thừa thời quan phải ra tay trừng-trị. Hiện nay lý-trưởng thầu thuế nhà-nước nhiều khi cũng khó-khăn lắm, như có người làng phải đóng thuế mà ở nơi khác, lý-trưởng chưa thu được phải ứng ra, gặp khi như thế thời quan sở-tại phải giúp, đại-khai như bắt khai tên người chưa nộp thuế ấy ở phủ, huyện, tỉnh nào, rồi nhờ quan sở-tại nơi ấy giục hộ hay la thu hộ.

Những khoản chi-xuất dưới 20 đồng thời Chánh-hương-hội được tự quyền chi lấy; nhiều hơn thời phải đem ra cả hội-đồng quyết-nghị. Những khoản chi-xuất phi-thường phải có chữ quan sứ duyệt; tới hai ngàn đồng phải có phép quan Thống-sứ.

Những việc công - tác thường thời đem chương-trình trình quan sứ duyệt; những việc đấu-giá lĩnh-trương hơn 150 đồng thời phải trình giấy hợp-đồng người lĩnh-trương với làng cho quan sứ duyệt.

Trong quĩ có tiền thời làng mới được chuẩn-chi các việc, vậy những khoản đầu nhập, thủ-quĩ phải thúc-giục cho người ta nộp mau, như tiền thu về công-diền phải thu ngay vào đầu năm tây nghĩa là cuối mùa tháng mười An-nam.

Các quan An-nam có chân hội-đồng cả-lương xin rằng các tiền công của làng nên cứ để cho làng giữ lấy. Quan Thống-sứ cũng bằng lòng như thế, nhưng có dự-định rằng khi nào tiền công nhiều thời dân có thể đem gửi kho bạc hay gửi nhà băng được.

Quan Thống-sứ dặn các quan Sứ, quan Tỉnh và quan Phủ-huyện phải trông-nom kiểm-điểm sổ-sách các làng luôn cho khỏi sinh tệ.

Hiện nay chỉ những làng nào 50 đình trở lên mới phải theo lệ mới, những làng ấy cũng ít lắm, như tỉnh Hải-dương 1022 làng mà chỉ có 12 làng hơn 500 đình mà thôi. Quan Thống-sứ nói rằng bắt đầu hằng làm in-it thế để kiểm-điểm cho dễ. Ngai có dặn các quan Công-sứ không nên cho phép các làng to phân lập ra nhiều làng nhỏ, như xưa nay thường thấy, mà lại phải khuyên các làng nhỏ nên họp nhau lại mà làm thành làng to, cho những tiền công-phi về hương-chính san-sẻ ra nhiều người chịu thời phần mỗi người sẽ được giảm bớt đi.

Sau hết quan MONGUILLOT khuyên giục các quan Công-sứ nên gia-lâm đốc-suất việc cải-lương này cho được thành-hiệu, vì tài-chính trong hương-thôn được chỉnh-đốn thời các làng sẽ được thịnh-vượng, thực là một sự hanh-phúc cho dân Bắc-kỳ.

Chính-sách phòng-cơ ở Trung-kỳ. — Quan Khâm-sứ PASQUIER từ khi vào trong-nhậm Trung-kỳ chú-ý nhất về vấn-đề phòng-cơ. Ngày 1er Août vừa rồi, ngài gửi cho các quan Công-sứ đầu lĩnh ở Trung-kỳ một tờ chu-tri giải-lương về các kế-hoạch ngài dự-định để làm tiệt cái tai đói ở xứ Trung-bý. Xin tóm-lược đại-ý tờ chu-tri ấy như sau này.

Ngài nói việc phòng-cơ cứu-cơ là một cái nghĩa-vụ của Chính-phủ. Muốn làm trọn nghĩa-vụ ấy, Chính-phủ phải chú hai cái mục-đích như sau này :

1o thiết-kế để trừ-tiệt hẳn cái tai đói ở Trung-kỳ ;

2o trước khi thi-hành khoản trên được hoàn-toàn, hoặc xảy ra đói, phải dùng cách cứu-cấp ngay.

Sự đói ở Trung-kỳ thường xảy ra luôn, tuy không đến nỗi tai-bại dữ-đội như ở Ấn-

đói, nhưng trong dân mà có một người đến chết đói, thời cũng là quá rồi. Chính-phủ phải tìm phương cấp-cứu.

Muốn trị đói thời trước nhất phải biết cho rõ những khu nào thường phải đói. Quan Khâm-sứ truyền cho các quan Công-sứ phải cùng với quan An-nam và tổng-lý họa một cái bản-đồ các hạt, định cho rõ những « khu đói » (*aires de famine*), vẽ bằng sắc đỏ, rồi định theo một bản-đồ kẻ rõ diện-tích mỗi hạt và dân-số bao nhiêu. Những khu đói ấy lại phải tra cho kỹ trong khoảng hai mươi năm từ 1901 đến 1921, cho biết mỗi năm đói ít đói nhiều thế nào, và cách mấy năm lại một lần đói.

Định xong các khu rồi, phải tìm nguyên-nhân sự đói; nguyên-nhân tự-nhiên, như đất xấu, hạn, lụt, trùng, toi, v. v.; nguyên-nhân bất-kỳ, như gió bão, nước triều, hay là miền ấy vốn không cấy được lúa, trước chỉ trồng vào cái sản-vật gì để mua thóc mà ăn, mà nay cái sản-vật ấy vì một cơ gì mất đi mất v. v.; nguyên-nhân thuộc vì xã-hội, như bản-phủ bất-quản, ít người có ruộng, nhân-công không đủ, ít người cho vay, người Khách buôn trừ thóc, v. v.

Đã biết rõ những khu nào là khu thường đói, và nguyên-nhân sự đói thế nào, bấy giờ quan Khâm-sứ sẽ thương-thuyết với sở Công-chính và sở Kinh-tế đặt các phân-bộ những kỹ-sư cùng tay chuyên-môn đến khảo-sát tận nơi, để dự-định các công-trình dẫn-thủy nhập-diên và mở-mang các đường giao-thông, như đặt đường xe lửa, v. v. Dẫn-thủy nhập-diên là cốt để làm cho đất tốt lên, mở đường giao-thông là để vận-lái thóc - lúa chỗ này sang chỗ khác cho dễ.

Các nhà chuyên-môn đã dự-định chương-trình rồi, bấy giờ mới tính đến các khoản kinh-phí. Những công-trình to tát như thế phải phí nhiều tiền lắm, nên phải làm dần dần trong một kỳ hạn lâu-dài, nhưng cốt là làm cho tiếp-tục, đừng có gián-đoạn, vậy quan Khâm-sứ sẽ tìm đường dự-tính thế nào cho việc đã khởi đầu làm thời cứ phải làm mãi cho kỳ xong mới thôi.

Nay, trong khi thi-hành cái chương-trình trên chưa xong, nếu xảy ra có đói ở dân thời phải dùng cách cấp-cứu thế nào? Cứ thực ra thời các quan sứ phải xem xét tình-hình mùa-màng trong mỗi hạt, thấy trong những khu đói hay quanh những khu đói mà gặt hái kém thời phải phòng-bị trước. Cách phòng-bị tùy từng địa-phương mà định. Đại-khái phải theo mấy cái phương-châm như sau này :

A. Nói về cách vận-tải. — Phải xem trước những đường thủy đường bộ nào là tiện-lợi mau chóng để làm-thời đem gạo đến cho mau. Lại phải phòng những xe lửa, xe hơi, xe bò, xe lợn, các thứ xe trong địa-hạt nhiều ít bao nhiêu cũng phải biết trước để làm-thời có thể dùng mà chở gạo. Lại phải biết những chuyển-tàu biển nào ngày nào đáp những bến nào để liệu mà tải gạo ở ngoài Bắc vào hay là trong Nam ra.

B. Chứa sẵn thóc. — Trong địa-hạt những chỗ nào xem chừng có cái nguy-hiểm đói đến thì phải định sẵn nơi chứa thóc và đặt kho để chứa, giao cho lính khố-xanh coi. Nên chọn những chỗ nào vận-tải giao-thông dễ và ở vào trung-tâm khu đói.

C. Mua thóc. — Mua thóc do phủ Khâm-sứ thương-thuyết với quan Toàn-quyền mà mua. Mua thóc chứ không mua gạo, thóc vận-tải có nặng hơn gạo một chút, nhưng dễ được lâu, mà lại có thể dùng làm mạ được. Nếu có cần đến thời phủ Khâm-sứ sẽ xin với quan Toàn-quyền cấm xuất-cảng gạo ở trong Nam ngoài Bắc để cho Trung-kỳ trữ được đủ thóc đã. Song kể sau ấy tưởng cũng không cần dùng đến mấy khi, vì tuy vậy số thóc cần để cứu-cơ kê ra cũng không nhiều gì cho lắm; cứ lấy số trung-bình mà tính, những khi đói kém thật nhiên, bất quá chỉ từ 10.000 đến 30.000 người thiếu ăn mà thôi. Nếu ước mỗi người mỗi tháng cần đến 10 cân tây (*kilos*) gạo, thời số gạo để cứu-cơ trong một tháng ước độ 100.000 đến 300.000 cân mà thôi; vì cho đói lâu lắm là sáu tháng thời phải cần đến 1.800.000 cân gạo, tức là 2.400.000 cân thóc, nghĩa là 2400 tấn mà thôi.

D. Phát thóc. — Thóc ấy sẽ đem phát cho dân đói, nhưng mà không phải là phát không, chính là phát cho vay để đến mùa sau phải trả, mà trả bằng tiền theo thời-giá lúc trả, hơn nhà-nước được lợi, kém nhà-nước chịu thiệt. Vì xét ra cách phát chần xưa nay không tốt, chỉ đủ khiến cho dân sinh lười, không chịu khổ mà làm ăn. Nhưng mà cách phát thóc cho vay này cũng phải làm cho giản-dị, không nên dùng giấy-má lời-thời quá mà phiền dân. Việc phát thóc này các quan-lại Tây Nam, bất cứ thuộc vào ngạch nào, ngạch cai-trị, ngạch giáo-học, ngạch thương-chính, ngạch lục-lộ, đều phải giúp vào một tay, vì cứu-cơ cũng như cứu-hỏa, ai ai cũng phải giúp một phần.

E. Đặt những xưởng cứu-cơ. — Cách này là cách thường dùng xưa nay, lẽ gặp khi đói kém thì Nhà-nước hay bày ra công việc làm để họp những dân đói lại cho mà làm rồi trả công bằng thóc gạo cho mà ăn. Quan Khâm-sứ xét cách ấy mà dùng đương khi dân đã đói rồi thì không hay, vì họp những dân đói khất lại một nơi, không những làm không được việc mà thường ốm yếu sinh ra tật bệnh. Cách này nên dùng ngay khi xem ra sắp đói đến nơi thì mới có lợi. Và những việc bày ra để làm phải là những việc không cần-cấp lắm, như đắp các đường nhỏ, đào các cống thông, lấp hồ, lấp ao, trồng cây, v. v. Trả công thời trả bằng thóc gạo.

F. Vệ-sinh cho dân đói. — Cho dân đói có gạo mà ăn chưa đủ, còn phải giữ cho khỏi tật bệnh nữa, vì đói hay sinh bệnh. Vậy mỗi một khu đói phải đặt một sở cứu-bệnh, làm-thời phải thầy thuốc và khám-bộ đem thuốc về để phòng-bị và chữa bệnh cho dân đói. — Đó là phòng-bị cho sức khỏe, lại phải hộ-vệ cho sinh-mệnh tài-sản người dân trong vùng bị đói, vì bề khi đói thì sinh ra trộm cướp nhiều. Phải phải quan khố xanh cho lính về đóng các nơi ách-yếu để trừ những kẻ gian-phỉ.

G. Các nghĩa-thương. — Hiện các làng đã nhiều nơi có những kho trừ thóc gọi là nghĩa-thương. Nghĩa-thương là riêng của dân làng đặt ra, cũng có thể giúp cho cái chính-sách cứu-cơ của nhà-nước được nhiều. Quan nên khuyến-lệ cho dân lập ra nhiều.

H. Vì c cứu-cơ là việc nghĩa-vụ, mà lại cần-cấp như cứu-hỏa. Vậy không cứ quan-án, ai ai cũng phải nỗ lực góp vào.

Nay thi-hành cái chính-sách cứu-cơ ấy phải cần đến tiền, thứ nhất là tiền để mua thóc. Như một vụ đói vừa-vừa thời cứ chiều như số thóc trên kia đã tính phải cần đến 80.000p.; đối làm thì đến 200.000p. là cùng. Số tiền ấy kho dự-bị của Trung-kỳ cũng thừa đủ, phủ Khâm-sứ làm-thời sẽ trích ở kho ấy mà mua thóc. Và lại tiền ấy xuất ra rồi đến mùa sau dân lại trả lại, đầu chánh-phủ có thiệt cũng vô-kỷ.

Quan cai-trị Marty đã ở Pháp sang. — Quan cai-trị MARTY là một người có nhân-sáng-lập ra bản-chí, năm ngoài về Tây-nghĩ, đầu tháng này đã trở lại Đông-Pháp.

Các bạn đọc báo chắc đã biết tiếng quan MARTY. Trước khi về nghỉ bên qui-quốc, ngài làm ti-trưởng Tòa Chánh-trị ở phủ Toàn-quyền, là một cái cơ-quan trọng-yếu của chánh-phủ Đông-Pháp. Một tay ngài đã cùng với hai chủ-bút bản-chí sáng-lập ra Tạp-chí Nam-Phong này, lại cùng với các bậc danh-giá trong nước ta đề-xướng ra Hội Khai-trí tiến-đức, năm đầu ngài làm hội-trưởng, sau vì bận công việc nhường chức ấy cho quan Tổng-đốc Hoảng. Ngài là người Đại-Pháp mà thật là có bụng với người An-nam lắm, thủy-chung vẫn hết lòng giúp vào những việc công-ích cho dân ta. Đối với bản-chí thời ngài không những là một chân sáng-lập, một tay tán-trợ, mà lại là một người bạn rất đáng mến đáng yêu. Ngài đi vắng hơn một năm trời, bản-chí đồng-nhân vẫn thường tưởng nhớ đến, nay lại được trông thấy về đây bình yên mạnh khỏe, thật lấy làm vui mừng lắm.

Khi về nghỉ bên qui-quốc, quan MARTY đã kết-hôn với con gái quan thượng-tướng PEROVA. Phụ-nhân hiện nay còn ở Pháp, độ mấy tháng nữa mới sang đây.

Quan MARTY về đây lại tông-sự ở Phủ Toàn-quyền, nghe đâu ngài sẽ lĩnh chức ti-trưởng tòa Hài-hành, thay quan cai-trị hạng nhì LEBRUN mới có nghị-định đổi về về làm chủ tỉnh Cần-thơ, trong Nam-kỳ.

Đứng đầu tòa Chánh-trị ở phủ Toàn-quyền bây giờ là quan cai-trị LACOMBE cùng với quan MARTY là chỗ bạn thân. Quan LACOMBE cũng là một tay tán-trợ hữu-lực của bản-chí. Ngài là một quan cai-trị sắc-sảo và có cái chính-kiến cao rộng. Ngài cũng có chân-trị-sự hội Khai-trí tiến-đức.

Quan Thượng Thân Trọng-Huê về Kinh. — Sự thăng-thuyền là một việc thường trong quan-giới. Mỏ tờ nhật-báo, thường đọc thấy : « Quan Thượng nọ đổi tỉnh này sang tỉnh khác ; quan Phủ kia thăng hàm thuộc lên hàm đường, v. v. » ; trừ những ông được thăng-thuyền cùng những kẻ môn-hạ của các ông ấy, người ngoài tưởng không ai lấy những tin-tức ấy làm quan-trọng cho lắm. Có sao trong khoảng ngót một tháng nay khắp dư-luận trong nước đều đồng-thanh cả tiếng mà hoan-nghenh cái tin một vị đại-thần mới có sắc-chỉ triệu về Kinh để sung chức bộ-trưởng trong Triều ? Là bởi vì vị đại-thần này không phải giống như các vị đại-thần khác, vị đại-thần này chính là quan Thượng THÂN TRỌNG-HUÊ vậy. Cứ nghe thiên-hạ đọc ba chữ tên ấy cũng đủ biết cái lòng kính mến của quốc-dân đối với ngài lắm - thăm và sâu-xa biết đường nào! Bởi sao mà quốc-dân đối với quan Thượng Thân lại có cái cảm-tình đặc-biệt như thế ? Không phải là bởi ngài chức trọng hàm cao, không những là bởi ngài thế - thần huân - nghiệp, chính là bởi cái thanh - giá của ngài là một bậc thượng - quan thanh-liêm cần-cẩn, chính-trực công-băng, lại là bởi cái tâm lòng trung-quân ái-quốc của ngài, thường thổ-lộ ra những lời nói cân vắn, mà đã thấm-tuia vào trong lòng trong óc những kẻ hữu-tâm về thời-thế. Ấy bởi thế nên ngày nay được tin ngài sắp lại Kinh để đem cái lịch-duyet bấy lâu nay cống - hiến cho Triều-đình mà làm một tay bày-tôi thân-tín của Ngô-Hoàng, phạm kẻ thức-giả trong nước ai cũng lấy làm vui mừng, vui rằng Triều-đình đã tìm được một cái cột cái vững, mừng rằng Ngô-Hoàng đã chọn được một tay giúp việc hay. Nhưng mà trong sự vui mừng ấy lại có một chút kỳ-vọng cao-xa nữa : là mong rằng từ nay Vua hiền tới giỏi, như cá nước gặp nhau, việc triều-chính tất có ngày canh-cải, điều tệ-đoan đã đến lúc tiêu-trừ, chốn cở-đô sẽ mở ra một nền tân-chính, hợp với sự yếu-cần đời nay, thời may cho cái tiền-đồ nước Đại-Việt ta biết bao nhiêu !

Một người có lịch-duyet, có khí-khải, lại có tài-học như Thân đại-nhân, dẫu Hah bộ nào cũng không phải là không xứng-đáng. Nay Hoàng-thượng đồng-ý với quan Khâm

sứ Kinh định giao ngài lĩnh bộ Học, tưởng lại càng xứng-đáng lắm nữa, vì ngài lâu nay vẫn đề tâm về việc giáo-dục, và vốn lại là người học-vấn yêm-bác Âu-Á, kiêm-thông, thật là có đủ tư-cách để cải-lrong chấn-chỉnh việc học trong nước đương cái buổi thay cũ đổi mới này. Cõ-học nên bảo-tồn thế nào, tân-học nên chấn-hưng làm sao, trường Giám nên duy-trì thế nào để giữ lấy di-tích hán-học cũ, sử quán nên sửa sang làm sao để làm thành một cuộc tu-thư mới, tòa Hàn-lâm có nên lập không, sách Tư-diễn có nên làm không, sách cũ nên biên-tập thế nào, sách mới nên dịch-thuật làm sao, thứ nhất là sự phổ - thông giáo - dục nên điều-đinh với Chính-phủ Bảo - hộ để sửa sang thế nào cho thích-hợp với trình-độ và sự yếu-cần của quốc-dân, đó là những vấn-đề hường-lai ngài vẫn nghị-luận nghiên-cứ, nay quyền-chức đã đến tay, chắc sẽ ra công giải-quyết thực-hành cho được thập-phần thỏa-đáng.

Nay trong cái cảm-tình chung của quốc-dân đối với Thân đại-nhân, cái cảm-tình riêng của bản-chí lại có phần thâm-mật hơn nữa. Ngài là một người tán-trợ của bản-chí, nhưng ngài không phải chỉ đứng tên tán-trợ mà thật đã thực-hành cái chức-trách tán-trợ. Ngài thường khuyên-báo chỉ-vẽ cho đồng-nhân về đường ngôn-luận đời nay, tinh-thoảng ngài lại cho cái hân-bạn được đăng một bài trường-thiên đại-luận, mỗi lần in ra ảnh-hưởng vô-cùng. Vậy trong sự vui mừng chung đối với cái tin lại Kinh của Ngài, bản-chí lại có cái vui mừng riêng, là vui mừng một vị ân-nhân được Triều-đình và Bảo-hộ một lòng tín-đụng vậy.

Sau đây xin trích-lược mấy bài báo quốc-văn ở Bắc-kỳ chớ biết dư-luận trong nước đồng-thanh hoan-nghenh cái tin hồi Triều của Thân đại-nhân thế nào.

I

Quan Tổng-đốc hiệp-tá đại-học-sĩ Thân Trọng-Huê mới có chỉ-triệu về Kinh sung chức bộ-trưởng. Nghe được tin ấy, thái-cử-quốc đều ca-tụng đặc-nhan. Cái tài-học của ngài, cái phẩm-cách của ngài thì phạm những người đã được biết ngài, dù người Tây người Nam, ai cũng phải đồng-hanh tán-phục. Cái chính-

tiếp của ngài, cái liêm-tiết của ngài thì phạm những dân đã được nương bóng dưới cây đòng, ngàn muôn miệng còn tạc bia di-ái. Kể trong quan-giới nước ta bây giờ, nói về phẩm-trật thì người bằng ngài mà có người hơn ngài nữa cũng là chán, nhưng nói về tài-học, về phẩm-cách, về chính-tích, về liêm-tiết thì người như ngài hồ-đề có mấy ai. Sự nghiệp ngài còn lớn, vinh-dự ngài còn dài, đây chưa phải là một bài kê về lịch-sử ngài và những cái đó đều đã tỏ rõ ở trong lỗ tai con mắt mọi người, không cần phải thuật ra làm gì nữa. Đây chỉ xin giải bày mấy lời dư-luận đối với cái tôn-chỉ triệu ngài về bộ đó có những cái hi-vọng gì tốt cho Triều-đình ta và quốc-dân ta.

Ở nước ta bây giờ cái tình-hình chính-trị xir vào một cái cảnh-ngộ riêng; trong thì phải diu-dắt cho một dân cũ y-quan vau-vật mấy ngàn năm; ngoài thì phải đề-huê với một nước lớn văn-minh phú-cường nhất thế-giới; làm một nhà chính-trị ở một cái nước địa-vị khó-khăn như thế, nệ-cổ cả cũng không được mà tông-tào cả cũng không nên, cái phương-châm thi-thổ phải làm sao cho thích-hợp với nền - nếp xưa nay, lại phải làm sao cho thuận-ứng với phong-trào thời-thế, tất là phải những bậc thông-tài thực-triết, cụ-học giả mà tân học cũng thúy thì ứng-phó mới khỏi sai - lằm. Ngài vốn là người trong nho-học mà đã từng có đi du-học bên Đại-Pháp, Pháp-học ngài cũng vào bậc tinh-thâm; chế-độ điển-chương của bản-quốc, ngài đã không di-lưu chút nào, mà chính-trị pháp-luật của Âu-châu, ngài cũng lại am-tường hết thảy; lấy cái sở-học ấy mà suy ra sở-dụng thì duy-tân mà không đến canh-trương quá-sậu, tôn-cổ mà không đến chấp-ảo bất-thông, quốc-chính tất có nhiều vẻ thanh-minh, triều-crong tất có nhiều vẻ chấn-chỉnh; ấy là một cái hi-vọng tốt cho Triều-đình ta.

Ở nước ta bây giờ cái tích-tệ thứ nhất khó trừ là cái tệ-tập quan tham lại những; đã bao phen Nhà-nước tặng-bổng đề-dưỡng-liêm, chỉ-dụ thân-sức đề-khuyến-liêm, mà cái thói dung-tang thụ-lộ, nghe đâu vẫn chưa thấy giảm bớt chút nào, đến nỗi có một báo Tây kia đã phải

phân-nàn rằng: Cái nạn ăn cướp bị với giặc khách đã dẹp xong, mà cái nạn ăn cướp bị với quan-trưởng chưa thoát khỏi. Ôi! đặt quan phân chức cốt để vì dân; cái bổn-phận quan - lại là phải lo hưng lợi trừ tệ cho dân; nếu cái tệ-tập tham-những không trừ, thì dù trên Chính-phủ có lương-pháp thiện-chính đến thế nào, cũng không mong gì thừa-hành khỏi tệ mà có lợi được. Ngài sinh-bình vẫn hảo-phụ cái chỉ-chấn-chính quan-trưởng, đã từng có phát-biên ý-kiến ở trong tập - chí Nam-Phong, nay được quyền-bính vào tay thì việc ấy tất làm cho đến kỳ được. Và đức Khổng-tử có nói: « Mưu là người trên lấy xướng-suất người thì kẻ dưới ai dám không chình. Người trên như gió, người dưới như cỏ, gió đến đâu thì cỏ phải lướt theo. » Ngài làm quan thuở nay vốn có tiếng thanh-liêm, lịch-ly trung ngoại gần hai chục năm mà trong nhà không có tí gì dư-súc, thân-danh ông tông-độc mãm-mặc hàn-tổ vẫn như lúc thu-siub, không hề-lụy gì đến thanh-sắc hóa-lợi cả, đái người nhất-luật bình-dãng, một đời không biết a-phụ quyền-quí, lằng-ngược ngu-tiền là cái gì; đem một cái gương giá trong ngọc trắng như thế mà làm tiêu-biểu cho bách-liên thì kẻ tàn hạ mị thượng tất có lòng kiêng, kẻ tưng dục tuần tãi tất có bụng sợ, mà cái tệ-tập quan tham lại những, may ra có thể trừ-tuyệt được chăng; ấy lại là một cái hi-vọng tốt cho quốc-dân ta.

Ở nước ta bây giờ cái cấp-vu thứ nhất là phải khai dân-trí. Dân-trí không phổ-thông thì trăm nghiệp đều đành phải bỏ hoang mà nước mong gì giàu, người mong gì mạnh. Ngài hướng-lai không hề lúc nào những bỏ cái vấn-đề ấy, từ lúc còn làm quan nhỏ đã có sở-xin bỏ khoa-cử, đương lúc cả nước còn tùy-tâm về cái học cũ-nghiep mà ngài đã có cái kiến-thức như thế thì biết ngài lưu-tâm về sự khai dân-trí đã lâu; tuy vô-vị vô-quyền, cái kế-hoạch không triển-bổ ra được, nhưng bao giờ cũng vẫn lấy khai-đạo quốc-dân làm trách-nhiệm, nào phát-khởi hội Pháp-học-bảo-trợ, nào sáng-lập hội Khai-trí-tiến-đức, các hội công ở Bắc-kỳ hội nào ngài cũng có tên-trợ. Thậm-chi trong lúc bạ-thư lao-lực mà được chút thì-giờ nào rảnh-rỗi cũng đem công-hiến

nết về việc làm báo, diễn-thuyết, ngôn-luận cổ-xúy để truyền-bá tư-tưởng, cảnh-giác mê-mộng cho quốc-dân ; nay được quyền-bính đến tay, tất đem hết cái chí-nguyện binh-sinh mà trừ-tính mọi bề, giúp cái công-cuộc khai-hóa của qui chính-phủ Bảo-hộ đương làm cho trong nước dân-trí được chóng khai-thông, nhân-tài được chóng tiến-bộ, ấy lại là một cái hi-vọng tốt cho quốc-dân ta.

Thăng quan tiến chức là một sự thưởng, ngài vốn không tự lấy làm vinh mà quốc-dân ta cũng không lấy cái đó làm đủ mừng cho ngài vậy. Mừng là mừng Triều-đình ta được một vị trọng-thần, qui chính-phủ Bảo-hộ được một tay bang-thủ, quốc-dân ta được một người cầm cân nảy mực xứng-đáng để bước lên con đường tiến-hóa văn-minh.

(Trung-Bắc tân-văn)

II

Mấy kỳ trước bản-quản đã đăng tin rằng : Cụ Hiệp-tá Thân Trọng-Huê đại-nhân đã đắc-chỉ hồi Kinh, để lãnh chức Thượng-thư Học bộ kiêm Binh-bộ. Nay cái tin ấy đã là tin xác-thực, nghe đâu cụ cũng đã chỉnh-lý hành-trang định trong một hai tuần lễ thì khởi-trình.

Cụ là một bậc cao-quan mà lâu nay vẫn có lòng cô-lệ về đường dư-luận, xem những lời đại-luận của cụ đăng ở tạp-chí *Nam phong* thì đủ biết cái chánh-kiến của cụ là thế nào. Từ khi bản-báo mới xuất-bản, cụ lại biểu đồng-tình có một bài mừng báo ; không những chỉ mừng cho quốc-dân ta được rộng đường ngôn-luận mà thôi đâu, cụ lại tán-thành cái chủ-nghĩa bản-báo mà chỉ-bảo như cách dư-luận về con đường thực-nghiệp. Cụ ra làm quan ở Bắc-kỳ ta ở về 16, 17 năm trời, từng lấy sự học-thức, sự lịch-duyet mà thi-triển về đường chánh-trị. Cái bụng công-bằng, cái lòng thanh-liêm của cụ, tưởng dân Bắc-kỳ ta ai ai cũng lấy làm kính phục. Ôi ! công-bằng và thanh-liêm ! mấy chữ ấy vẫn là cái đức-tính hiếm có ở đời này, nhưng nếu đem bốn chữ ấy mà kính tặng cụ Hiệp-tá Thân đại-nhân, thì chúng tôi dám chắc rằng không có ai dị-nghị.

Ngay nay cụ dời chân ở xứ Bắc-kỳ mà hồi Triều lãnh trọng-chức, thì dân Bắc-kỳ tuy rằng nhớ tiếc cụ, nhưng mà nghĩ ra cho rộng, thì

lấy làm mừng. Sự mừng ấy không những chỉ mừng rằng cụ được quyền cao chức trọng mà thôi đâu ; chính vì Cổ-Quốc mà mừng vậy. Đức Hoàng-thượng ta từ khi đăng-cực đến nay, vẫn chăm lo về sự chính-đốn quốc-chính, chúng ta thử lãnh hội các chủ-ngĩa của đức Hoàng-thượng tuyên-bố mà cụ Thân đại-nhân đã cung-dịch Thánh-ý trong kỳ báo *Nam-phong* vừa rồi thì đủ biết. Và lại Quan trú Kinh Khâm-sứ Pasquier đại-nhân, ngài là một vị văn-thần và một người rất thương dân Nam-Việt, lòng thương yêu ấy ngài đã tuyên-bố trong quyển sách « *Cổ Annam* » khiến cho độc-giả đều lấy làm cảm-động. Trên nhờ đức Chi-tôn và quan Đại-điều của Chánh-phủ bảo-hộ, đã dốc lòng thương dân như thế, nếu các ngài phụ-tá mà tận-trung, kiệt-lực, vì dân vì quốc, sửa-sang chánh-trị trong nước, thì cái vận-hội mai sau của tổ-Quốc mình, may cũng có ngày được vinh-hoa tỏ-rạng. Hiện nay các bậc lão-thành tại Triều cũng vẫn đường gia-lâm chú-ý về sự phò vua giúp nước, vì tấm lòng ưu-ái rất quan-trọng ấy, mà các ngài muốn được có chánh-nhân quân-tử để cùng giúp một tay trong triều-chánh. Cụ Hiệp-tá Thân đại-nhân hồi triều kỳ này, thật là một cái cơ-hội rất may cho Việt-nam tổ-Quốc ta, chúng ta đáng lấy làm vui mừng vậy.

Nói về phần cụ, thì cụ là một người cương-trực, vì sự cương-trực ấy mà đường lập-công lập-danh cũng nhiều lúc nghiêu-khê. Nhưng trong lòng cụ vẫn định-ninh một niềm ưu-ái. Gặp lúc truân-kiến cũng yên lòng, gặp khi vinh-hoa cũng chẳng lấy làm đắc-chỉ, miễn luyện tập lấy tài lịch-duyet, nghiên-cứu lấy tri-thức, chờ đến ngày trọng-đưng thì cùng cung tận tụy mà làm cho hết cái trách-nhiệm của mình đối với tổ-Quốc và đối với nhà nước Bảo-hộ. Thế thì ngày nay cụ hồi triều, tức là ngày cụ lo làm cái nghĩa-vụ của một bậc trung-thần đối với vua, một nhà nam-quan đối với nhà nước Đại-Pháp, một người đại-nhân-vật có trọng-vọng đối với quốc-dân ta vậy.

Có người nghe tin Cụ Hiệp-tá Thân đại-nhân hồi triều lãnh chức Thượng-thư Học-bộ và Binh-bộ, thì trong lòng lấy làm lạ ; vì cụ là một nhà pháp-luật danh-gia của nước ta, mà

cái học-thực về pháp-luật cụ vốn học-tập ở bên Đại-Pháp. Mấy năm ở Bắc-kỳ cải-lương pháp-luật, cụ cũng có một phần lớn về sự tu-luật. Cụ sung chức ở tòa Thượng-thẩm, đã cùng với các qui-quan cầm cân nảy mực cho dân toàn-kỳ ta được nhờ. Nói tóm lại cụ là một nhà luật-học mà có rất nhiều lịch-duyệt về đường tư-pháp vậy.

Tuy vậy, cụ cũng là một nhà rất nhiệt-tâm về sự giáo-dục, năm Thành-thái thứ 15 cụ ở Kinh đã dâng một bản điều-trần xin bỏ lối khoa-cử hư-vấn, mà chính-đốn về học-vụ; cụ ở Bắc-kỳ tổ-chức ra hội Pháp-học bảo-trợ, để giúp cho học trò đi du-học bên Đại-Pháp. Xét như thế thì việc học cũng là một việc cụ rất vui lòng mà đảm-nhiệm vậy. Tuy việc học của nước ta ngày nay, hầu hết đã về quyền chủ-trương của chánh-phủ Bảo-hộ, nhưng thuộc về đường tri-thức thì như thế đã đành, còn thuộc về đường căn-bản của nước nhà thì Bộ Học cũng còn nhiều vấn-đề rất là quan-trọng: Trường Quốc-tử-giám là một trường cổ-học của nước ta, khoa-cử tuy bỏ, trừ trường Quốc-tử-giám không có thể đổi hình biến tướng đi được. Nước Nam là một nước đã có cổ-học, thì nên để trường Quốc-tử-giám mà thu-dụng một ít nhân-tài để nghiên-cứu về đường cổ-học, trường điều ấy cũng không phí-tồn gì là mấy mà duy-trì được một nền cổ-học của nước nhà. Bởi trường Quốc-tử-giám làm trường Pháp-việt, thì cũng không ích gì cho sự giáo-dục, mà hóa ra trường Quốc-tử-giám tuyệt-tích, cổ-học cũng nhàu đó mà mai-một vậy. Ấy là một cái vấn-đề Bộ Học phải nghĩ đến.

Về sự tu-thư, nước ta học theo Tây-học, có sách vở chữ Pháp đã đành, nhưng không lẽ học chữ ngoài mà công-chuyện sự-tích của bản-quốc không biết đến. Về văn quốc-ngữ và sự-tích bản-quốc, chưa có sách vở chính-đáng cho học trò học; phần nhiều những nhà làm sách để in, bán, thì vì sự kinh-tế phải làm toàn những sách cho đẹp lòng người xem để bán cho đắt hàng, không có thể dùng về việc học được. Cái công-phu trước-thuật ra những giáo-khoa-thư thuộc về phương-diện bản-quốc cho quốc-dân học tập, ấy là cái trách-nhiệm của Nam-triều, mà trách-nhiệm ấy thì chuyên thuộc về trách-nhiệm Bộ Học.

Về sự thư-viện, Nước ta là nước văn-hiến mấy nghìn năm nay, thì trong nước tất phải có một nơi trữ-tồn những cổ-tích di-thư để cho người sau được khảo-cứ; trong Kinh ngày nay tuy đã có thư-viện mà sự tổ-chức chưa được hoàn-toàn. Thế thì Bộ Học phải kịp bắt chước theo cách tổ-chức thư-viện của các nước văn-minh ngày nay, mà sửa đặt một nhà thư-viện cho hoàn-toàn vậy.

Ba vấn-đề đã kể trên này là sự quan-trọng của Bộ Học, cụ Hiệp-tá Thân-đại-nhân ất cũng đã xét đến. Thế thì chúng ta ngày nay mừng cụ hồi triều lịnh Thượng-thư Bộ Học, xin đem mấy vấn-đề ấy mà kính trình với cụ.

(Thực-nghiệp dân-báo)

III

Đã có tin chắc rằng quan Hiệp-tá Thân Trọng Huệ đại-nhân được thuyên thăng về Kinh, trọng-nhiệm chức thượng-thư bộ Học kiêm bộ Binh. Trong một vài tuần lễ nữa thì ngài đăng-trình. Vậy bản-báo xin gọi là có mấy lời tiễn mừng này để biểu chút cảm-tình với ngài, và nhân thế giải bày vài cảm-giác của đồng-nhân đối với sự ngài được thuyên thăng đó là thế nào.

Thân đại-nhân vốn là nhà thế-gia, mà lại là một nhà có công từ buổi khai-quốc, có thanh-đức làm mô-phạm cho xã-hội, có lưu-phong di-vấn truyền mãi-mãi trong lịch-sử nước nhà. Ai từng đọc những bài lược-truyện các đấng tiên-công mà ông Nguyễn Bá-Trác đã sưu-tập đăng trong *Nam-Phong*, thì đủ biết hai chữ «thế-gia» của nhà ngài cũng khác với thế-gia của nhà người ta vậy.

Vì ngài đã thác-sinh vào cái thế-gia đặc-biệt như thế, nên đối với nhà thì nặng hơn người ta về chữ hiếu, đối với nước thì nặng hơn người ta về chữ trung; mà cái đức-vọng huân-nghiệp của ngài đều do đó mà ra vậy. Cái đức-vọng huân-nghiệp ấy hẳn lại bắt đầu từ đây mà càng thêm đồ-sộ về-vang!

Ngài từ thuở thiếu-niên, bỏ học khoa-cử mà nghiên-cứu chữ Pháp, thật là một bậc tiên-tiến trong tân-học-giới nước ta. Ngài lại có sang Đại-Pháp du-học, sau về nước, lịch-nhiệm trong triều ngoài quận, trừ-danh trong đám quan-trưởng. Ngài được di-bỏ ra Bắc-kỳ ta 16, 17 năm nay, giúp Chính-phủ,

Bảo-hộ về việc tư-pháp ; một lấy lòng công-bình liêm-chính mà ứng-tiếp mọi đường, xử-trí mọi việc, nên trên được Chính-phủ kiến-trọng, dưới được quốc-dân kính-phục. Đang thời-buổi này, trong hàng quan-lại, dầu lớn dầu nhỏ, mấy ai đã khỏi mang tiếng-tăm, đeo ti-tích ; song đến ngài thời tướng cũng không ai mà chỉ-trích ra điều gì được. Ôi ! Đồng-nhân chúng tôi dám cả-quyết nói lời này mà không hổ-thẹn : Ngài thật đáng một vị đại-thần đời nay.

Ấy là lược-kê về hoạn-tích của ngài ; còn như về đường ngôn-luận nước ta, nghĩa là về cái nhiệm-vụ của các nhà báo, thì ngài cũng thật là có công lắm. Về việc ngôn-luận của ngài, bản-báo có biết được một cái số *xin bỏ khoa-cử, đổi học-thức*, ngài dâng năm Thành-thái thập-ngũ-niên. Số ấy thật là một cái giáo-tiên cho ngôn-luận-giới nước mình. Mấy năm nay, báo quốc-ngữ mở nhiều, ngài rất có cảm-tình riêng với các báo-quán. Nhất là Tạp-chí *Nam-Phong*, lâu lâu lại thấy chánh-ngôn thẳng-luận của ngài. Bản-báo lúc mới xuất-bản, cũng có được ơn ngài chỉ-giáo; đồng-nhân chúng tôi, về việc đó, xin có lời cảm tạ ngài. Mới rồi, ngài có bài « *Cung-dịch Thán-kế* » đăng trong *Nam-Phong*, phu-diễn ý của Hoàng-thượng về ba điều, rất là chân-chí thiết-thực, ai đọc đến đều chịu là nghị-luận xác-đáng.

Vả, Hoàng-thượng từ ngày lâm-ngự đến nay hết lòng lo việc dân việc nước, trông có người hiền-tài để giúp đỡ mọi việc trong lúc chấn-chỉnh triều-cương. Mà nghe chừng như các quan đại-thần trong bộ, nhiều ngài sắp cáo-lão, vì các ngài đã già-nuôi tuổi-tác, răng rụng đầu bạc, ra công phò vua giúp nước chốc ba, bốn, năm mươi năm nay, nay tâm dầu còn mà lực đã kiệt, cho nên buổi này chính là buổi Hoàng-thượng trông-trưởng nhân-tài, mà cũng là buổi quốc-dân ngóng chờ hầu xem tân-chính.

Chính trong buổi đó, quan Hiệp-tá Thân Trọng-Huê được về làm thủ-hiền cả hai bộ,

mà Thân đại-nhân lại là bậc đại-thần ta kính-trọng bấy nay, vậy thì cái hi-vọng của quốc-dân đối với ngài là đường nào !

Tuy vậy, xin quốc-dân đứng vững ! Trong đường chính-trị, có một mặt cấp-tiến, và một mặt hoãn-tiến. Cấp-tiến thì khoái cho nhất-thời, mà về sau thu-thập cho đâu vào đấy rất là chẳng dễ ; hoãn-tiến thì ngó như chậm chạp, mà đến lúc thành-công được chắc-chắn. Nước ta bây giờ thật là mọi sự đều nên thay cũ đổi mới, song cũng vì mọi sự cũ nên thay ấy nó đã thâm-căn cố-đế, hồ dễ đã một ngày mà trừ bỏ hết được sao ? Hướng chi xưa nay cái công-nghiệp cách-lần, cũng chẳng phải một hai người làm nên được. Vậy thời quốc-dân ta cũng không nên hi-vọng về đảng cấp-tiến, kéo sau này thành thất-vọng.

Ngay nay, quan Hiệp-tá Thân về triều, ta chỉ nên mong một điều rằng ngài lấy cái ôn-hòa thủ-đoạn mà sửa-sang mọi việc lâu nay đã nhặng bỏ. Nhất là về việc Bộ Học. Nước ta hiện có một việc rất quan-trọng là việc lập-thành chữ quốc-ngữ. Chữ quốc-ngữ tuy đã thông-hành, song tự-điền chưa có, mẹo chưa có, các sách-vở chính-đáng còn ít-ỏi lắm, thế thì chẳng nên lấy quốc-quyền bồi-thực cho nó mau thành lập sao ? Việc đó chắc là Chính-phủ Bảo-hộ không có thể làm được mà thành ra chuyên-trách của Bộ học ta vậy. Ngoài-thứ còn như việc trường Quốc-tử-giám, nhà Thư-viện, sở Quốc-sử-quán, cũng là thuộc về phạm-vi Bộ Học, mà đều là việc nên chấn-chỉnh lại cả. Thế thì Bộ Học là chức quan-trọng lắm, nhiều việc lắm.

Ai đã biết lịch-sử quan Hiệp-tá Thân, đã biết ngài bình-sinh gặp nhiều cảnh-ngộ khó-khăn, mà đều bước qua trót lọt, thì mới tin và phục ngài có cái thủ-đoạn ôn-hòa. Vậy, trong cuộc hồi-triều này giám đoán rằng ngài chắc thành-công ; trên không phụ lòng Hoàng-thượng cầu hiền, dưới ngộ thỏa lòng quốc-dân trông-vọng !

Còn như ngài, vốn là sinh-trưởng nơi Kinh-quốc, bấy lâu bất-đắc dĩ mà phải cách xa non Ngự sông Hương, tâm lòng lằng-miêng

giang-hồ, biết bao thồn-thức ! Mà bây giờ được gần nơi ngọc-khuyết, giải tấm lòng trư-ai bấy nay, thì hân-hạnh riêng cho ngài biết ngẫu nào ! Đồng-nhân chúng tôi lại xin có lời mừng riêng cho ngài vậy.

Luân-lý lập giống người, trên ngay nước, dưới thảo nhà, trải muôn kiếp vẫn còn mãi với sông với núi !

(Khai-Hóa nhật báo,

TẬP KỶ - YẾU CỦA HỘI KHAI-TRÍ TIẾN-ĐỨC

Tiệc tiền quan Phó Hội-trưởng Thân Trọng-Huê. — Quan Hiệp - tá Tổng-dốc Thân Trọng-Huê là phó Hội-trưởng Hội ta mới được chỉ triệu hồi Kinh đề sung chức Học-bộ kiêm Binh-bộ Thượng-thư, chừng cuối tháng mười tây này thời đăng-trình. Nhân dịp vui mừng ấy, tòa trị sự định mời các hội - viên hội - đồng quản - trị góp đặt một bàn tiệc tiền đề tỏ lòng kính mến của đồng-nhân trong Hội đối với Thân-đại-nhân. Các ông hội-viên đều vui-vẻ dự phần vào đồng lăm. Tiệc đặt ngày thứ năm 6 Octobre, hồi 7 giờ chiều, ở tại nhà ông Thủ-quĩ Lê Văn-Phúc, vì nhà hội còn sửa-sang chưa xong. Dự tiệc có các ngài kể tên sau này :

Quan Hiệp Thân Trọng - Huê, quan Thiếu Hoàng Trọng - Phu, quan Thiếu Đàng Đức-Gương, quan Thượng Phạm Văn-Thụ, quan Thượng Trần Văn-Thông, quan Thượng Quế Quang-Án, quan Tuấn Nguyễn Văn-Bân, quan Tuấn Vũ Ngọc-Oánh, ông Nguyễn Văn Vinh, ông Phạm Quỳnh, ông Nguyễn Bá - Trác, ông Lê Văn - Phúc, ông Phạm Duy - Tôn, Nguyễn Hữu-Thu, ông Bạch Thái-Bưởi, ông Lê Văn-Thước tức Nam sinh, ông Bùi Huy-Tin, ông Đỗ - Thận, ông Trần Trọng - Kim, quan Thượng-tá Nguyễn Tất-Tế, quan Huyện Hoàng Hữu-Độc, ông Trần Văn-Quang, ông Mai Du-Lân, ông Nguyễn-Lê, ông Nguyễn Quí-Toán, ông Nguyễn Huy - Hợi, quan Ân Nghiêm Xuân-Quảng, ông Đào Hương-Mai, ông Đào Văn-Sử, ông Hoàng Kim-Bảng, ông Hoàng Quang-Hương, ông Trần Việt Soạn, ông Nguyễn Văn - Tâm.

Tòa trị-sự có mời dự tiệc quan cai-trị Chatel Chánh Văn-Phòng qua Toàn-quyền và quan Cai-trị Lacombe, trưởng tòa Chánh trị ở phủ Toàn-quyền. Lại được cái dịp may-mẫu quan cai-trị Marty là danh-dự - hội-trưởng hội ta mới nghỉ ở bên Pháp sang, ngài cũng vui vẻ

dự-tiệc và các hội-viên đều mừng rỡ lại được tiếp mặt ngài, sau một năm trời cách-vãng.

Tiệc dọn rất là trọng-thê. Các ngài dự-tiệc đều bận lễ-phục, các quan thời-đeo huy-chương hội-tinh cả. Lại có á-đào hát mừng mời rượu và múa bài-hồng. Thật là nghiêm-trang vui-vẻ, đáng cuộc tiền biệt một vị đại-thần có danh-vọng to trong nước.

Đến khi uống champagne thời quan Hội-trưởng Hoàng Trọng-Phu đứng lên tức-tịch đọc một bài thay mặt Hội chúc mừng quan Hiệp Thân. Đại-khái nói rằng Hội được tin quan Phó Hội-trưởng Thân-đại-nhân đặc-chỉ hồi Kinh đề sung một chức trọng trong triều, các hội-viên tuy tiếc xa mắt một tay chủ-trương có thế-lực trong Hội, nhưng vui mừng rằng ngài được Hoàng-Thượng và Bảo-hộ tín-dụng như thế, thật là thơm lây cho cả toàn Hội. Ước-ao rằng về Kinh ngài sẽ vẫn cố gắng giúp cho Hội và đem cái chủ-nghĩa của Hội là chủ-nghĩa Pháp-Việt-trương-thân truyền-bá ở cõi Trung-Kỳ v. v. .

Quan Hiệp nói xong - thời quan Hiệp Thân đứng lên đọc một bài trả lời lại quan Hội-trưởng và cảm ơn cả hàng Hội. Ngài đọc bằng chữ Pháp, rồi sau lại dịch ra tiếng ta. Đại-khái ngài nói rằng dù xa dù gần ngài cũng không quên Hội và sẽ một niềm giúp cho Hội được phát-đạt ; nói lời quan Hội-trưởng về chủ-nghĩa Pháp-Việt trương-thần, ngài nói rằng chủ-nghĩa ấy thực là chủ-nghĩa chung của các người thức-giá trong nước, và về phần riêng ngài bình-sinh ngài vẫn chỉ theo đuổi một chủ-nghĩa ấy. Nhưng mà muốn cho Pháp - Việt trương-thần, thời về phần người Việt mình phải làm thế nào cho xứng-đáng đi lại với người quí-quốc, nghĩa là để cho người quí-quốc có thể kiêu-trọng được. Ngài nói rằng chỉ có một cách, là muốn được người kiêu-trọng thời mình phải biết tự-trọng trước, phải sửa-sang cái tr-cách mình thế nào cho thật xứng-

đáng và có thể đề-huê với người quý quốc không đến nỗi thẹn. Tự-tu tự-kính, đó là cái phận-sự của bọn thượng-lưu trong nước ta, và đó chính là công-việc của Hội Khai-trí tiến-đức, v. v.

Quan Hiệp Thân nói đến hơn một khắc đồng hồ, lời-lẽ cao-thượng, ý-tứ sâu-xa, cử-tọa đều lấy làm cảm-động.

Tiệc xong rồi, các Hội-viên ngồi nghe hát và nói chuyện mãi đến hơn 1 giờ đêm mới tan. Thật là một cuộc họp mặt vui-vẻ, thân-mật, và nhân có mấy quý-quan dự-tiệc, lại cũng là một dịp thi-hành cái chủ-nghĩa Pháp-Việt-trong-thân vậy.

Các Hội-viên ta được tin quan Hiệp Thân về Kinh này, chắc người xa kẻ gần, ai cũng đồng-thanh chúc ngài hai chữ bình-an vậy.

Một cách báo hiệu mới. — Bản-hội trong tháng Septembre vừa rồi có tiếp được thơ của bà Nguyễn Thị-Trác là con gái cụ Cố Giáo-học Nguyễn Bá-Học mới mất ở Nam-định tháng trước, xin quyền vào hội một trăm đồng 100 \$ 00. đề ghi tên cụ vào bia tân-trợ-hội viên, gọi là một cách báo-hiệu. Hội vui lòng nhận tiền quyền ấy và có viết giấy ngợi khen Bà Nguyễn Thị-Trác đã nghĩ ra một cách báo-hiệu rất xứng-đáng.

Ước ao rằng trong quốc-dân ta sẽ có nhiều người theo gương Bà Nguyễn Thị-Trác.

Đơn xin vào Hội. — Trong tháng Septembre có hai ông viết giấy xin vào chân Hội, hạn hai tháng ai có di-nghị xin viết thơ cho Hội biết.

Xin vào chân chủ-trì. — Ông Phạm Trọng-Giác, sergent tonkinois, en service à la

concession Russe à Han Kéon (Chine). Quán-làng Khương-thượng, tổng Yên-vào, phủ Yên-khánh, tỉnh Ninh-bình.

Xin vào thường-hội-viên. — Ông Đoàn Thái-Bảo, ancien instituteur, village de Giao-long, An hoa, Mỹ-tho (Nam-kỳ).

**Phụ-lục bài ca « tập Kiều » đọc
tiễn quan Hiệp Thân trong tiệc
ngày 6 Octobre**

(Của ông Tú-tài Đông-châu NGUYỄN
HỮU-TIẾN soạn)

Có quan Tổng-đốc trọng-thần,
Trước sau trọn-vẹn xa gần người-khen.
Tình xưa ân trả nghĩa đền,
Cùng người một hội một thuyền đàu xa.
Trên vì nước dưới vì nhà,
Ở vào khuôn phép nói ra mỗi giương.
Đã hay nên toán miếu-đường,
Thời treo giải nhất chi nhường cho ai.
Rõ mình rạng vẻ cầu-dai.
Khâm ban sắc-chỉ tới nơi rành rành.
Nền phú-quí bạc tài-danh,
Bụi nào cho đục được mình ấy vay.
Cửa trời rộng mở đường mây,
Đi về này những lối này năm xưa.
Nghĩ mình phượng-diệu quốc-gia,
Một là đặc-hiệu hai là đặc-trung.
Tấn-dương được thấy mây rồng,
Khát-khao đã thỏa tâm lòng lâu nay.
Ở trong còn lắm điều hay!

Khẩn-cáo. — Xin kính-cáo các ngài đọc báo biết cho rằng nhân Đông-kinh ấn-quan tới tháng này đổi chỗ, gion ở phố Hàng Bông sang phố hàng Gai số 82, nên kỳ Nam-Phong này ra chạm mất mấy hôm, xin các ngài rộng lượng cho.

LÊ VĂN PHÚC khẩn-cáo

Hai kỳ này nhiều bài quá, mục tiêu-thuyết « Lĩnh-nam đại-sử » đình đến kỳ sau. — N. P.